Tuần 1,2 tiết 1,2

CHƯƠNG I: NHÀ Ở

# BÀI 1: NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI

# ( 2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

* Trình bày được vai trò và đặc điểm chung của nhà ở đối với đời sống con người.
* Nhận biết và kể được một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.
* Kể được tên một số vật liệu xây dựng nhà.
* Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

* Nhận biết vai trò của nhà ở đối với con người, nhận dạng được các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam, nhận biết được những loại vật liệu dùng trong xây dựng nhà ở…
* Biết được một số thuật ngữ về kiểu nhà ở, các vật liệu xây dựng nhà..

**b) Năng lực chung**

* Biết vận dụng linh hoạt, biết trình bày ý tưởng, thảo luận vấn đề của bài học. Thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

* Nhân ái: Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc
* Chăm chỉ: có ý thức vận dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào học tập và đời sống hằng ngày.
* Trách nhiệm: quan tâm đến các công việc trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

* Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính
* Đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh các kiểu nhà, tranh ảnh hoặc video clip mô tả các hiện tượng của thiên nhiên, tranh ảnh về vật liệu xây dựng nhà, video clip tóm tắt quy trình xây dựng nhà (nếu có)....

**2. Đối với học sinh:**

* Đọc trước bài học trong SHS
* Quan sát các kiểu nhà tại địa phương
* Tìm hiểu những vật liệu xây dựng tại địa phương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về vai trò, đặc điểm của nhà ở và các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

**b. Nội dung:** Những lợi ích mà nhà ở mang đến cho con người

**c. Sản phẩm học tập:** Nhu cầu tìm hiểu về nhà ở của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình chiếu một số bức ảnh về nhà ở và yêu cầu HS vận dụng kiến thức hiểu biết của mình để xác định tên của các kiểu nhà trong từng bức ảnh.*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.*

*- GV đặt vấn đề:* Như các em đã biết, dù con người có thể đến từ nhiều nơi khác nhau, văn hóa khác nhau, ngôn ngữ khác nhau nhưng đều có những nhu cầu cơ bản chung và và một trong số đó là nhu cầu về một nơi trú ngụ đó là nhà. Để tìm hiểu kĩ hơn về nhà ở, chúng ta cùng đến với **bài 1: Nhà ở đối với con người.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò của nhà ở**

**a. Mục tiêu:** Giới thiệu vai trò của nhà đối với con người

**b. Nội dung:** Những lợi ích của nhà ở mang lại cho con người

**c. Sản phẩm học tập:** Vai trò của nhà ở đối với con người.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS xem Hình 1.1 hoặc video clip về các hiện tượng thiên nhiên, tổ chức cho HS làm việc theo nhóm để trả lời các câu hỏi:  *+ Nhà ở giúp ích gì cho con người khi xảy ra các hiện tượng thiên nhiên như trên?*  - GV bổ sung thêm vai trò của nhà ở: bảo vệ con người tránh thú dữ, khói bụi từ môi trường,…  - GV tổ chức cho các nhóm quan sát Hình 1.2 trong SGK và yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *+ Kể các hoạt động thiết yếu thường ngày trong gia đình?Hãy kể thêm một số hoạt động khác không có trong hình?*  *+ Các hoạt động hằng ngày của các thành viên trong gia đình được thực hiện ở nơi nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức | **1. Vai trò của nhà ở**  - Khi xảy ra các hiện tượng thiên nhiên (mưa bão, nắng nóng, tuyết rơi…) thì nhà ở là nơi trú ẩn an toàn, giúp con người tránh khỏi những ảnh hưởng xấu từ các hiện tượng đó như ướt, sét đánh, nóng bức, rét…  - Nhà ở là nơi diễn ra các hoạt động thiết yếu như: ăn uống, ngủ nghỉ, vui chơi, học tập, làm việc, vệ sinh…  - Các hoạt động thường ngày của các thành viên diễn ra chủ yếu ở phòng khách, phòng ngủ, phòng bếp. |
| Kết luận: Nhà ở có vai trò đảm bảo con người tránh khỏi những tác hại của thiên nhiên và môi trường. Nhà ở là nơi đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thường ngày của các thành viên trong gia đình. | |

**Hoạt động 2: Đặc điểm chung của nhà ở**

**a. Mục tiêu:** giúp HS tìm hiểu đặc điểm chung của nhà ở

**b. Nội dung:** cấu tạo bên ngoài và bên trong của nhà ở

**c. Sản phẩm học tập:** Đặc điểm chung của nhà ở

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 1.3 và trả lời các câu hỏi trong SGK.  *+ Phần nào của ngôi nhà nằm dưới đất?*  *+ Phần nào che chắn cho ngôi nhà?*  *+ Thân nhà có những bộ phận chính nào?*  - GV yêu cầu HS nêu cấu trúc chung bên trong của nhà ở bằng cách trả lời câu hỏi:  *+ Các hoạt động thường ngày của gia đình được thể hiện ở những khu vực nào trong ngôi nhà như minh họa ở Hình 1.4?*  - GV yêu cầu các nhóm HS kể thêm những khu vực khác trong nhà ở và so sánh nhà ở với trường học, công sở để nhận biết những khu vực chỉ có trong nhà ở.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **II. Đặc điểm chung của nhà ở**  **1. Cấu tạo**  - Nhà ở gồm 3 phần:  + Phần móng nhà  + Phần mái nhà  + Phần thân nhà (tường nhà, cột nhà, sàn nhà, dầm nhà).  **2. Các khu vực chính trong nhà ở**  + Nơi tiếp khách  + Nơi sinh hoạt chung  + Nơi học tập  + Nơi nghỉ ngơi  + Nơi nấu ăn  + Nơi tắm giặt, vệ sinh... |

**Hoạt động 3: Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

**b. Nội dung:** trình bày các kiêu nhà ở tại các khu vực địa lí khác nhau của Việt Nam.

**c. Sản phẩm học tập:** các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV hướng dẫn HS quan sát phân tích Hình 1.5 và thực hiện yêu cầu trong SGK.  - GV gợi ý, yêu cầu HS phân biệt được các kiểu nhà nhà liền kề và nhà chung cư, nhà sàn và nhà nổi.  + GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:  *Kiến trúc nhà nào em thường thấy ở mỗi khu vực: nông thôn, thành thị, vùng sông nước? Vì sao các kiến trúc nhà trên lại thích hợp với từng khu vực?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả: ( đáp án: 1 —c, 2—f, 3—d, 4-a, 5—e, 6—-b)  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  + GV giải thích thêm về kiểu nhà ba gian hai chái, nhà năm gian hai chái,...  + GV giải thích lí do một số kiểu nhà chỉ phù hợp ở những khu vực nhất định.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **III.** **Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam**  Ở nước ta có nhiều kiểu kiến trúc nhà ở khác nhau, tuỳ theo điều kiện tự nhiên và tập quán của từng địa phương. Có thể kế đến một só kiến trúc nhà ở phố biển theo từng khu vực như:  - Nông thôn: thường có kiểu nhà ba gian truyền thống: hiện nay phô biến kiểu nhà riêng lẻ, một hay nhiều tầng, mái ngói hoặc bê tông, xung quanh nhà thường có sân, vườn.  - Thành thị: có kiểu nhà liên kế, nhà chung cư, nhà biệt thự....  - Các khu vực khác: nhà sàn ở vùng núi, nhà nỗi ở vùng sông nước.... |



**Hoạt động 4: Vật liệu xây dựng nhà**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các loại vật liệu xây dựng nhà phố biến.

**b. Nội dung:** trình bày các loại vật liệu xây dựng nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** tên gọi các loại vật liệu xây dựng nhà phố biến.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nhắc lại các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam, yêu cầu HS cho biết kiểu nhà  nào có câu trúc đơn giản, nhỏ gọn, chỉ có 1 tầng: kiểu nhà nào có câu trúc phức tạp, nhiều tầng, nhiều phòng. Nêu tình huống và yêu câu HS trả lời: Ngôi nhà cần được xây đựng như thế nào đề không bị sập, đồ khi có mưa, bão, giông, gió?  - GV hướng dẫn HS quan sát, phân tích các chi tiết trong Hình 1.6 trong Sgk để nhận biết loại vật liệu thê hiện ở mỗi vị trí của ngôi nhà.  - GV yêu cầu HS giải thích lí do các loại vật liệu như đất sét, lá, tre,... chỉ có thể  dùng đề xây đựng những ngôi nhà nhỏ, ít phòng, có câu trúc đơn giản (1 tàng); lí do xây những ngôi nhà lớn, nhiều tầng thì phải dùng vật liệu như: xi măng, thép, đá,...  + GV đặt vấn đề kích thích tư duy của HS: các vật liệu như tre, lá đễ dàng được đan  kết thành từng tấm lớn để làm vách nhà; các mảnh gỗ được ghép lại thành tấm bằng đỉnh. Vậy làm cách nào kết đính những viền gạch rời rạc đề tạo thành bức tường?  - GV yêu cầu HS phân tích H1.7, H1.8 SGK và trả lời câu hỏi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV nêu thêm một số vật liệu khác không có trong hình: cát, đá, xi măng, thép,...  GV giải thích thêm về cách sử dụng một số vật liệu trong xây dựng nhà:   * Các loại lá (tranh, dừa nước, cọ....) được kết lại thành từng tâm để lợp mái nhà hoặc làm vách nhà; * Tre được chẻ thành thanh mỏng và đan thành tấm đề dựng vách nhà, * Đât sét được dùng đề trát vách nhà hoặc đắp nền nhà.   + GV giải thích về các loại vật liệu tự nhiên và vật liệu nhân tạo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **IV. Vật liệu xây dựng nhà**    - Vật liệu xây dựng là tất cả các loại vật liệu dùng trong xây dựng nhà và các công trình khác. Vật liệu xây dựng chủ yếu bao gồm:  + Vật liệu có sẵn trong tự nhiên như: cát, đá, sỏi, gỗ, tre, đất sét, lá (tranh, dừa nước, cọ),...  + Vật liệu nhân tạo như: gạch, ngói, vôi, xi măng, thép, nhôm, nhựa, kính,...  - Các loại vật liệu như tre, nứa, lá,... thường được sử dụng đề xây đựng những ngôi nhà nhỏ, có cấu trúc đơn giản, chỉ có 1 tầng.  - Những vật liệu như xi măng, cát, gạch,  thép.... được sử dụng đề xây dựng những ngôi nhà lớn, kiên cố, các công trình nhiều tầng, nhiêu phòng hoặc các chung cư. |

**Hoạt động 5: Quy trình xây dựng nhà ở**

**a. Mục tiêu:** giúp HS tìm hiểu quy trình xây đựng và một số công việc cụ thể khi xây dựng nhà ở.

**b. Nội dung:** sắp xếp các bước trong quy trình xây đựng nhà theo trình tự hợp lí, kế

những công việc cụ thể trong mỗi bước xây dựng nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình chung xây dựng nhà ở, một số công việc khi xây dựng nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV gợi mở, dẫn dắt đề HS sắp xếp thứ tự các bước trong quy trình xây đựng nhà  cho thích hợp như trong SHS. Ví dụ: Khi chưa xây khung nhà thì không thể trang trí nội thât đề hoàn thiện ngôi nhà. Vì vậy phải xây dựng ngôi nhà trước khi hoàn thiện ngôi nhà.  - GV giải thích các thuật ngữ chuẩn bị, thi công, hoàn thiện.  + GV cho HS xem Hình 1.9 trong SHS hoặc video clip về quy trình xây dựng nhà.  + GV yêu câu các nhóm HS sắp xếp các bước của quy trình xây dựng nhà theo thứ  tự, sắp xếp các công việc vào mỗi bước của quy trình cho hợp lí.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **V. Quy trình xây dựng nhà ở**  **(HS tự học )**  Quy trình xây đựng nhà ở gồm 3 bước chính sau:  - Bước 1. Chuẩn bị: chọn kiêu nhà, vẽ thiết kế, chọn vật liệu,...  - Bước 2. Thi công: xây móng, dựng khung nhà, xây tường, lợp mái,...  - Bước 3. Hoàn thiện: trát tường, quét vôi, trang trí nội thất, lắp đặt hệ thông điện, nước... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS hiểu rõ hơn vai trò và đặc điểm chung của nhà ở, kiến trúc đặc trưng nhà ở Việt Nam, quy trình xây dựng nhà ở.

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

***Câu 1:*** *Ngoài các khu vực chính, trong nhà còn có những khu vực nào?*

***Câu 2:*** *Trong nhà ở, một vài khu vực có thể được bố trí chung một vị trí. Em hãy chỉ ra các khu vực có thể bố trí với nhau trong khu vực sau: nơi thờ cũng, nơi học tập, nơi tiếp khách, nơi ngủ nghỉ, nơi nấu ăn, nơi tắm giặt, nơi chăn nuôi, nơi ăn uống, nơi phơi quần áo.*

***Câu 3****: Em hãy cho biết tên kiến trúc nhà ở mỗi hình dưới đây:*



***Câu 4****: Trong các kiến trúc đặc trưng nhà ở của Việt Nam, theo em kiểu kiến trúc nào nên xây dựng bằng vật liệu bê tông cốt thép?*

***Câu 5****: Em hãy quan sát các ngôi nhà dưới đây và cho biết ngôi nhà nào có kết cấu vững chắc nhất?*



***Câu 6****: Em hãy cho biết nhưng ngôi nhà trong hình dưới đây đang thực hiện bước nào trong quy trình xây dựng:*



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

***Câu 1:*** *Ngoài các khu vực chính, trong nhà ở còn có những khu vực như phòng tập thể dục, phòng tranh, phòng xem phim riêng giải trí, phòng cho khách, phòng đọc sách, phòng thay đồ...*

***Câu 2:*** *Các khu vực có thể bố trí chung*

* *Nơi nấu ăn - nơi ăn uống*
* *Nơi ngủ nghỉ - nơi học tập*
* *Nơi thờ cúng - nơi tiếp khách*
* *Nơi tắm giặt - nơi phơi quần áo*
* *Nơi chăn nuôi - nơi vệ sinh*

***Câu 3****: Tên kiến trúc nhà ở trong hình:*

* *nhà sàn*
* *nhà liền kề*
* *nhà chung cư*

***Câu 4****. Kiểu kiến trúc nhà nên xây đựng bằng bê tông cốt thép: nhà liên kế, nhà chung cư, nhà biệt thự,...*

***Câu 5****. Ngôi nhà nào có kết câu vững chắc nhất:*

*Hình c. nhà 2 tầng có kết câu vững chắc nhất vì cột nhà, sàn nhà được xây băng bê tông, tường xây gạch.*

***Câu 6.*** *Các ngôi nhà đang thực hiện theo các bước của quy trình xây dựng nhà:*

* + *Bước hoàn thiện (tô tường),*
  + *Bước hoàn thiện (lát nên);*
  + *Bước thi công (thí công phân mái hay lợp mái).*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nhà ở vào thực tiễn

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập 1 trong phần Vận dụng của SGK:

***Câu 1:*** *Hãy mô tả các khu vực chính trong ngôi nhà của gia đình em?*

***Câu 2****: Nhận xét về các kiến trúc nhà ở tại nơi em ở.*

- GV hướng dẫn HS nhận định cách phân chia các phòng, các khu vực bên trong ngôi nhà của mình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

# Tuần 3,4 tiết 3,4

# BÀI 2: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH

# (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết được các nguồn năng lượng thông dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình, nhận biết những tác hại của việc sản xuất và sử dụng các nguồn năng lượng thông dụng,

- Đánh giá công nghệ: đánh giá các hành động gây lãng phí và tiết kiệm năng lượng trong gia đình,

- Thiết kế kĩ thuật: thiết kế được các phương án sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả.

**b) Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phôi hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Yêu nước: chủ động tham gia hoạt động bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống;

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về sử dụng năng lượng tiệt kiệm, hiệu quả vào đời sống hằng ngày;

- Trách nhiệm: quan tâm đến các công việc của gia đình, có ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng năng lượng, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khoẻ cho gia đình và cho cộng đồng;

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về tiết kiệm năng lượng vào các tình huống trong cuộc sống tại gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

* Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính
* Tìm hiểu mục tiêu bài;
* Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: tranh ảnh về các hoạt động sử dụng năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong gia đình;
* Tìm hiểu tính năng của một số đồ dùng điện, đồ đùng có sử dụng năng lượng phổ biến tại địa phương.

**2. Đối với học sinh:**

* Đọc trước bài học trong SHS
* Tìm hiểu những dạng năng lượng mà gia đình đang sử dụng: các đồ dùng điện, đồ dùng sử dụng năng lượng trong gia đình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về việc sử dụng năng lượng trong gia đình.

**b. Nội dung:** Tại sao sử dụng tiết kiệm điện lại góp phân bảo vệ tài nguyên thiên nhiên?

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu việc sử dụng năng lượng trong gia đình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS phát biểu ý kiến cá nhân về câu hỏi trong phần Khởi động trong*

*SHS:* Tại sao sử dụng tiết kiệm điện lại góp phần bảo vệ tài nguyên của đất nước?

*- HS tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.*

*- GV đặt vấn đề:* Trong chương trình môn Khoa học lớp 5, các em đã được học về năng lượng, các đạng năng lượng điện, năng lượng chất đốt, năng lượng gió, năng lượng nước chây,... Do đó bài học này cho chúng ta biết về việc sử dụng các dạng năng lượng trong gia đình. Việc sử dụng các đồ dùng điện và đồ dùng sử dụng chất đốt liên quan đến điều kiện sống của mỗi gia đình, của cộng đông dân cư tại địa phương. Để tìm hiểu kĩ hơn về sử dụng năng lượng, chúng ta cùng đến với **bài 2: Sử dụng năng lượng trong gia đình.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS nhận biết các nguồn năng lượng được sử dụng phổ biến

trong ngôi nhà.

**b. Nội dung:** các hoạt động thường ngày của gia đình có sử dụng năng lượng.

**c. Sản phẩm học tập:** nhận biết các nguồn năng lượng sử đụng cho các hoạt động thường ngày trong gia đình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.1 trong SHS và kể các hoạt động thường ngày của gia đình.  + GV yêu cầu các nhóm HS liệt kê các phương tiện, thiết bị dùng đề thực hiện các hoạt động thường ngày đã kế và nêu các nguồn năng lượng được sử dụng để vận hành các thiết bị và thực hiện các hoạt động thường ngày của gia đình: năng lượng điện, năng lượng chất đốt, năng lượng mặt trời, năng lượng gió.  + GV yêu cầu các nhóm HS kể những hoạt động sử dụng năng lượng điện, những hoạt động sử dụng năng lượng chất đốt trong gia đình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung .  + GV giải thích cho HS về dạng năng lượng không tái tạo: năng lượng chất đốt và năng lượng tái tạo: năng lượng mặt trời, năng lượng gió.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận: *Các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà: năng lượng điện (là dạng năng lượng được tạo thành từ năng lượng tái tạo và không tái tạo), năng lượng chất đốt (là dạng năng lượng không tái tạo), năng lượng mặt trời, năng lượng gió (là dạng năng lượng tái tạo).* | **I. Các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà**  - Con người thường sử dụng năng lượng điện, năng lượng chất đốt đề thực hiện các hoạt động hằng ngày trong gia đình.  - Điện là nguồn cung cấp năng lượng cho nhiêu loại đồ đùng điện đề chiếu sáng, nấu ăn, giặt, là (ủi), học tập, giải trí...  - Chất đốt thường được sử dụng để nấu ăn, sưởi ấm, và cũng có thể được dùng để chiếu sáng cho ngôi nhà.  - Ngoài ra, người ta còn sử dụng năng lượng mặt trời, năng lượng gió đề chiếu sáng, phơi khô,... hoặc tạo ra điện dùng đề vận hành các đồ dùng điện trong gia đình. |

**Hoạt động 2: Lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng**

**a. Mục tiêu:** giúp HS hiểu lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.

**b. Nội dung:** các trường hợp khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất năng lượng

gây tác hại đền môi trường, con người và làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên.

**c. Sản phẩm học tập:** ý thức sử dụng tiết kiệm năng lượng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn HS phân tích Hình 2.2 trong SHS để trả lời các câu hỏi.  *+ Việc sử dụng điện vượt quá mức cần thiết có thể gây tác động như thế nào đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất điện?*  *+ Sử dụng chất đốt đề sản xuất và đun nấu gây ảnh hưởng như thế nào đến môi trường sống?*  - GV yêu cầu HS nhắc lại những lí do vừa nêu ra để cho thây việc cần thiết phải  sử dụng tiết kiệm năng lượng trong gia đình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  - GV kết luận: Cần sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm chi phí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. bảo vệ sức khoẻ cho gia đình và cộng đồng. | **II. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả**  **1. Lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng**  - Một phần năng lượng điện được sản xuất từ than, dầu mỏ, là các đạng năng lượng không tái tạo.  - Năng lượng chất đốt (dầu hoả, củi,...) cũng là các dạng năng lượng không tái tạo.  - Việc sử dụng năng lượng điện hoặc chất đốt quá mức cần thiết có thể thúc đẩy việc gia tăng khai thác tài nguyên thiên nhiên đề đáp ứng nhu cầu sử dụng.  - Tài nguyên thiên nhiên không phải là vô tận. Do đó, việc khai thác đầu mỏ, than đá đề sản xuất điện và chât đốt khiến tài nguyên thiền nhiên dân cạn kiệt.  - Việc đốt than đề sản xuất điện (nhiệt điện) và việc đốt than, củi để đun nấu sinh ra nhiêu loại khí độc và chất độc làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người. |

**Hoạt động 3: Biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình.

**b. Nội dung:** các hành động gây lãng phí điện và các biện pháp sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả.

**c. Sản phẩm học tập:** các biện pháp sử đụng tiết kiệm điện trong gia đình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS quan sát và phân tích Hình 2.3 trong SHS :  + Vì sao những việc làm trong H2.3 lại gây lãng phí điện năng?  + Làm cách nào để tiết kiệm năng lượng trong gia đình?  - GV dẫn dắt HS tìm ra các biện pháp sử dụng điện hiệu quả hơn, tiết kiệm hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV giải thích các tình huống gây lãng phí điện.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **II. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả**  **2. Biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình**  - Chỉ sử dụng điện khi cần thiết; tắt các đồ dùng điện khi không sử dụng;  - Điều chỉnh hoạt động của đồ dùng ở mức vừa đủ dùng,  - Thay thế các đồ đùng điện thông thường bằng các đồ dùng tiết kiệm điện;  - Tận dụng gió, ánh sáng tự nhiên và năng lượng mặt trời để giảm bớt việc sử dụng các đồ dùng điện. |

**Hoạt động 4: Biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình.

**b. Nội dung:** so sánh các trường hợp sử dụng chât đót đề xác định trường hợp sử dụng chất đốt tiết kiệm và hiệu quả.

**c. Sản phẩm học tập:** các biện pháp sử dụng tiết kiệm chât đót trong gia đình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 2.4 trong SHS và trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các nhóm HS so sánh giữa 2 trường hợp trong mỗi hình để phát hiện  trường hợp nào ít bị thật thoát hơi nóng do chất đốt tạo ra hơn, giúp sử đụng chất đốt ít  hơn, tiết kiệm hơn.  - GV yêu cầu HS khái quát hoá các biện  pháp sử dụng chất đốt hợp lí, giúp tiết kiệm năng lượng chất đốt.  - GV yêu cầu HS kế thêm những cách tiết kiệm chất đốt ở gia đình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả:   * Sử dụng bếp dầu với lửa quá lớn khiến năng lượng bị thất thoát ra môi trường xung quanh => nên điều chỉnh ngọn lửa vừa với điện tích đáy nồi. * Sử dụng bếp cải tiền giúp tiết kiệm chất đốt, tiết kiệm năng lượng do hơi nóng ít bị thất thoát ra ngoài hơn. Đồng thời, dùng bếp cải thiệnn còn giảm được khói bụi, hạn chế ô nhiễm môi trường.   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận. | **II. Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả**  **3. Biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình**  - Một số biện pháp tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình:  + Điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với điện tích đáy nồi và phù hợp với món ăn,  + Tắt thiết bị ngay khi sử dụng xong;  + Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm năng lượng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** làm sáng tỏ và củng cố kiến thức học sinh vừa học.

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

***Câu 1****. Em hãy cho biết nguồn năng lượng nào được sử dụng để duy trì hoạt động cho các đồ dùng, thiết bị sau: máy tính cẩm tay, bật lửa, quạt bàn, đèn pin, bếp cồn, tủ lạnh.*

***Câu 2.*** *Ngoài các đồ dùng trên, em hãy kể thêm những đồ dùng sử dụng năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong ngôi nhà.*

***Câu 3.*** *Em hãy nêu những biện pháp tiết kiệm điện khi sử dụng vô tuyến truyền hình (TV), tủ lạnh.*

***Câu 4.*** *Vì sao những cách làm dưới đây giúp tiết kiệm chất đốt?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

***Câu 1.***

- Máy tính cầm tay: dùng nguồn điện từ pin để tạo ra các điểm sáng;

- Bật lửa: dùng gas (khí tự nhiên hoá lỏng) đề tạo ngọn lửa;

- Quạt bàn: dùng nguồn điện trực tiếp để tạo ra gió,

***Câu 2.*** Những thiết bị, dụng cụ trong nhà có sử dụng năng lượng điện và năng lượng chất đốt để hoạt động: bếp than, máy sấy tóc, lò nướng, bàn là (bàn ủi), máy lạnh, điện thoại di động....

***Câu 3.***

- Khi chưa sử dụng: tắt hẳn nguồn điện của TV vì chế độ chờ của thiết bị cũng

tiêu thụ điện năng,... ;

- Khi đang sử dụng: không mở tủ lạnh nhiều lần hoặc mở tủ quá lâu, không để

thực phẩm còn nóng vào tủ lạnh,...;

-Thường xuyên lau dọn, giữ thiết bị sạch sẽ cũng giúp cho thiết bị hoạt động hiệu quả hơn, tránh lãng phí điện năng.

**Câu 4**. Biện pháp giúp tiết kiệm chất đốt.

- Dùng nồi lớn khiến tiêu tốn nhiều năng lượng để làm nóng nồi. Do đó dùng nồi

nhỏ phù hợp với lượng thực phẩm giúp tiết kiệm năng lượng hơn.

- Dùng kiêng chắn gió cho bếp gas giúp hạn chế hơi nóng thất thoát ra ngoài;

- Ngâm đậu trước khi nâu mềm giúp giảm thời gian nâu, do đó tiết kiệm được chất đôi.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiễn.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

1. Em hãy kể những đồ dùng sử dụng năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong ngôi nhà của gia đình em.

2. Hãy kể những biện pháp tiết kiệm điện mà em đã thực hiện.

3. Gia đình em đã sử dụng tiết kiệm chất đốt như thế nào?

- HS vận dụng kiến thức đã học để nhận định, đánh giá cách sử dụng năng lượng, cách tiết kiệm năng lượng của gia đình mình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học. GV giao bài tập cho HS thực hiện ở nhà.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

# Tuần 5 tiết 5

# BÀI 3: NGÔI NHÀ THÔNG MINH

# (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được thế nào là ngôi nhà thông minh,

- Mô tâ được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các đâu hiệu của ngôi nhà thông minh, các đặc điểm của ngôi nhà thông minh;

- Giao tiếp công nghệ: sử dụng một số thuật ngữ về các hệ thống kĩ thuật, các đồ dùng công nghệ để mô tả ngôi nhà thông minh;

- Sử dụng công nghệ: bước đầu khám phá một số chức năng của các đồ dùng công

nghệ trong ngôi nhà thông minh;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá vẻ những tiện ích của các đồ dùng công

nghệ trong nhà;

- Thiết kế công nghệ: bước đầu hình thành ý tưởng về tiện ích của các đồ dùng công

nghệ để phục vụ cho ngôi nhà thông minh.

**b) Năng lực chung**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà thông minh vào đời sống hằng ngày;

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nhà thông minh đề nhận định, cảm nhận môi trường, không gian nơi minh sinh sông;

**3. Phẩm chất**

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vân đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phôi hợp tôt với các thành viên trong nhóm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tìm hiểu mục tiêu bài;

- Tìm hiểu các thiết bị đề trang bị cho ngôi nhà thông minh đã xuất hiện ở Việt Nam

- Tìm hiểu điều kiện nhà ở của địa phương,

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện đạy học: các hình ảnh, video clip về ngôi nhà thông minh

**2. Đối với học sinh:**

* Đọc trước bài học trong SHS
* Tìm hiểu tính năng của các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà của mình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích nhu cầu tìm hiểu về ngôi nhà thông minh.

**b. Nội dung:** những tiện ích mà các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà mang lại cho con người.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về ngôi nhà thông minh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV nêu tình huống trong Sgk, HS nêu những mong muốn đối với ngôi nhà đang ở để cuộc sống được thuận tiện, thoải mái, an toàn.*

*- GV đặt câu hỏi khơi gợi nhu cầu tìm hiểu trong thực tế có những đồ dùng công nghệ mang lại tiện ích giúp ngôi nhà “thông minh” như HS mong muốn.*

*- HS tiếp nhận thông tin và trả lời câu hỏi.*

*- GV đặt vấn đề:* Ngôi nhà thông mình hay ngôi nhà được xây dựng theo hướng nhà thông mình ở thời điểm hiện nay vẫn còn xa lạ đối với những khu vực dân cư không phải là các thành phố lớn. Bên cạnh đó, hình ảnh ngôi nhà thông minh với kết cấu và trang bị các thiết bị hiện đại vẫn còn ít thấy ở một số địa phương vùng ven thành phố hoặc ở nông thôn. Để tìm hiểu kĩ hơn về ngôi nhà thông minh, chúng ta cùng đến với **bài 3: Ngôi nhà thông minh.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Khái niệm ngôi nhà thông minh**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết được những dấu hiệu của ngôi nhà thông minh.

**b. Nội dung:** những tính năng có được của các thiết bị, đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh.

**c. Sản phẩm học tập:** dấu hiệu của ngôi nhà thông minh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Em hãy quan sát Hình 3.1 và trả lời các câu hỏi dưới đây:  *- Các thiết bị trong ngôi nhà thông mình có điểm gì khác với các thiết bị thông thường?*  *- Ngôi nhà thông mình có điểm gì khác với ngôi nhà thông thường?*    - GV yêu cầu các nhóm HS so sánh ngôi nhà thông minh với ngôi nhà thông thường để xác định ngồi nhà nào có những thiết bị hoạt động tự động theo ý muốn của người dùng  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **1. Khái niệm ngôi nhà thông minh**  - Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động cho các thiệt bị trong nhà tự động hoạt động theo ý muốn của người sử dụng. |

**Hoạt động 2: Đặc điểm của ngôi nhà thông minh**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

**b. Nội dung:** những tiện ích của các thiết bị, đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh.

**c. Sản phẩm học tập:** đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát H3.2 SG và trả lới câu hỏi:  + Hệ thống điều khiển và các đồ dùng điện tự động trong ngôi nhà thông minh gíup  ích gì cho con người?  + Việc giảm sát hoạt động của các đồ dùng điện trong nhà bằng điện thoại thông minh có thể giúp ích cho con người trong những trường hợp nào?  + Việc sử dụng hệ thống đón gió và ánh sáng mặt trời khiến ngôi nhà thông mình có điểm gì so với ngôi nhà thông thường?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả   * Tiện ích: Khi sử dụng đồ dùng trong ngôi nhà thông thường, người ta phải tác động trực tiếp vào (mớ/ tắt/ khoá). Trong khi đó, trong ngôi nhà thông minh, các đồ đùng được cài đặt chương trình để tắt/ mở/ khoá tự động mà không cần con người tác động trực tiếp. * An ninh, an toàn: Trong ngôi nhà thông minh có hệ thông giám sát hoạt động của các đồ dùng (bằng điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng). Từ đó có thể phát hiện tình trạng bắt thường của các đồ dùng, các hiện tượng lạ,... để kịp thời có biện pháp ngăn chặn sự cố xảy ra. Việc giám sát ngôi nhà từ xa cũng giúp kiểm soát an ninh cho ngôi nhà. * Tiết kiệm năng lượng: Những đồ dùng điện và gas trong ngôi nhà thông minh được cài đặt chương trình chỉ tự động mở khi cần sử dụng và tự động tắt khi không còn dùng đến, nhằm tiết kiệm năng lượng. Ngoài ra ngôi nhà thông minh còn lắp đặt những hệ thống cửa, rèm để đón ánh sáng điện mặt trời và gió tự nhiên giúp tiết kiệm, gas (đùng cho đèn chiếu sáng, quạt, máy nước nóng, máy sưởi,....).   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **2. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh**  - Một ngôi nhà thông minh thường có các đặc điểm sau:  + Tiện ích: có hệ thống điều khiển các đồ dùng điện của ngôi nhà tự động hoạt động theo chương trinh cài đặt sẵn.  + An ninh, an toàn: có thể giám sát ngôi nhà và điều khiến các đồ dùng điện trong nhà từ xa bằng phần mềm cài đặt trên điện thoại, máy tính bảng hoặc máy tính xách tay.  + Tiết kiệm năng lượng: tận dụng tối đa năng lượng từ gió tự nhiên và ánh sáng mặt trời. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** củng có kiến thức về đặc điểm của ngôi nhà thông minh, giúp HS đánh

giá những tình huông cụ thể trong thực tiễn.

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

Em hãy cho biết các biểu hiện dưới đây thể hiện đặc điểm nào của ngôi nhà thông minh.

+ Người đi đến, đèn tự động bật lên; khi không có người, đèn tự động tắt.

+ Có màn hình hiển thị hình ảnh của khách ở cửa ra vào.

+ Có hệ thống điều khiển từ xa để cửa tự động mở.

+ Đúng 7 giờ sáng, rèm cửa tự động kéo ra để ánh sáng mặt trời chiếu vào nhà.

+ Khi xuất hiện khói hoặc lửa, tín hiệu báo cháy phát ra.

+ Cửa tự động mở bằng cảm ứng vân tay.

+ TV tự động mở những chương trình mà chủ nhà yêu thích.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:Các biểu hiện của ngôi nhà thông minh:

+ Người đi đến, đèn tự động bật lên; khi không có người, đèn tự động tắt.

+ Có màn hình hiển thị hình ảnh của khách ở cửa ra vào.

+ Có hệ thống điều khiển từ xa để cửa tự động mở.

+ Cửa tự động mở bằng cảm ứng vân tay.

+ TV tự động mở những chương trình mà chủ nhà yêu thích.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học vào thực tế.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

*Em hãy mô tả những đồ dùng hoặc ngôi nhà thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh mà em đã từng trông thấy hoặc sử dụng.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

# Tuần 6 tiết 6

# DỰ ÁN 1: NGÔI NHÀ CỦA EM

# (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà ở (đặc điểm chung của nhà ở, các kiến trúc nhà ở đặc trưng, sử dụng năng lượng trong gia đình, đặc điểm của ngôi nhà thông minh) đề hình thành ý tưởng thiết kế một ngôi nhà;

- Lắp ráp một mô hình nhà ở với các đồ dùng gia dụng tiêu biểu từ những vật liệu có sẵn;

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc

Tổ chức và thực hiện mô hình ngồi nhà.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các yêu cầu khi thiết kế nhà ở, nhận biết các bước

Thiết kế và xây dựng nhà ở thông qua việc lắp ráp mô hình ngôi nhà;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá ngôi nhà đối sánh với kiến trúc nhà ở đặc

trưng của Việt Nam, cấu tạo chung của nhà ở, đặc điểm của ngôi nhà thông minh;

- Thiết kế công nghệ: thiết kế được mô hình ngôi nhà thể hiện các yếu tố đặc trưng

nhà ở của Việt Nam, sử dụng tiết kiệm năng lượng và đặc điểm của ngồi nhà thông minh.

**b) Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng cho việc thiết kế ngôi nhà, thảo luận những vấn đề của dự án, thực liện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm,

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huỗng đã cho để đề xuất kiến trúc ngồi nhà phù hợp; lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kề hoạch, và việc thực hiện kế hoạch.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà ở đề thực hiện dự án;

- Tự chủ và tự học: biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân; chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân đề góp phần hoàn thành dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiên thức, kĩ năng về nhà ở trong việc xây dựng ý tưởng thiết kế và lắp ráp mô hình ngôi nhà.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp;

- Mô hình nhà làm mẫu (nếu có).

**2. Đối với học sinh:**

* Đọc trước bài học trong SHS
* Sưu tầm hình ảnh về kiến trúc bên ngoài và không gian bên trong nhà ở;
* Các vật liệu để làm mô hình: giấy bìa cứng, giấy thủ công, que kem, que tre, hộp nhựa, đất nặn, màu nước, keo dán,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích sự hứng thú thực hiện dự án

**b. Nội dung:** giới thiệu của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** giới thiệu vào bài của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV trình chiếu một số bức ảnh về nhà ở và yêu cầu HS vận dụng kiến thức hiểu biết của mình để xác định tên của các kiểu nhà trong từng bức ảnh.*

*- HS xem tranh, tiếp nhận và hính thành kiến thức về dự án.*

*- GV đặt vấn đề:* Dự án Ngôi nhà của em thuộc loại dự an kiến tạo. Các em cần phải vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về chủ đề Nhà ở kết hợp với kiến thức, kĩ năng của các môn Mĩ thuật, Toán cùng với năng lực sáng tạo đề thực hiện những nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của thầy cô. Để tìm hiểu kĩ hơn về dự án, chúng ta cùng đến với **Dự án 1: Ngôi nhà của em.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giới thiệu dự án**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề đự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn

thành dự án.

**b. Nội dung:** chủ đề, mục tiều, nhiệm vụ của dự án.

**c. Sản phẩm học tập:** mục tiêu, nhiệm vụ dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu về nghề kiến trúc sư, kĩ sư xây dựng: tên ngành đào tạo tại các cơ sở đào tạo, trình độ đào tạo.  + GV giải thích công việc của kiến trúc sư và kĩ sư xây dựng trong thực tế.  + GV nêu chủ đề của dự án, mục tiêu của dự ân.  + GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.  + GV nêu các nhiệm vụ (yêu cầu) cần thực hiện đề hoàn thành dự án.  + GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.  +GV kết hợp với HS đề phân chia nhóm thực hiện.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **I. Giới thiệu dự án**  - Kiến trúc sư là người thiết kế chính của ngôi nhà.  - Nhiệm vụ:  + Lắp ráp mô hình ngôi nhà từ vật liệu có sẵn;  + Sắp xếp mô hình các đỏ dùng, thiết bị chủ yếu ở từng khu vực trong ngôi nhà. |

**Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kê hoạch thực hiện đự án.

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, vật liệu cần thiệt, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** kế hoạch chỉ tiết thực hiện các nhiệm vụ của đự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  +GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận đề lập kế hoạch thực hiện mô hình  ngồi nhà:  + Thảo luận dựa trên hình ảnh về kiến trúc nhà ở đã sưu tầm và trả lời các câu hỏi  gợi ý trong SHS đề thống nhất kiểu kiến trúc, phân chia không gian bên trong ngôi nhà, các đồ dùng, thiết bị cân thực hiện,  + Vẽ phác thảo cấu trúc của ngôi nhà với sự hướng dẫn và gợi ý của GV,  + Liệt kê các công việc cần làm: tính toán kích thước ngôi nhà, lắp ráp nhà, lắp ráp  các đồ dùng trong từng khu vực, lắp ráp các công trình phụ bên ngoài nhà;  + Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian cho từng công việc;  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm;  + Liệt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết: bìa cứng, giấy thủ công, que tre, hộp nhựa,  mút xốp, màu nước,...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **II. Xây dựng kế hoạch**  - Kế hoạch xây dựng dự án bao gồm một số mục chính:  + Công việc cần làm  + Thời gian thực hiện  + Người thực hiện  + Địa điểm tiến hành |

**Hoạt động 3: Thực hiện dự án**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án.

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện để lắp ráp hoàn chỉnh mô hình ngôi nhà.

**c. Sản phẩm học tập:** mô hình ngôi nhà của mỗi nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cung cấp các thông tin, vật liệu, dụng cụ cần thiết hỗ trợ HS thực hiện dự án.  + GV kiểm tra vật liệu, dụng cụ theo thiết kế của nhóm.  + GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các  thành viên trong nhóm. Mô hình ngôi nhà được thực hiện theo trình tự chung:  + Dựng khung nhà;  + Lắp ráp tường nhà;  + Dựng các công trình phụ: cầu thang, lối đi,...  + Thực hiện mô hình các vật dụng chính trong từng khu vực của ngôi nhà;  + Lắp ráp mô hình các vật dụng vào từng khu vực của ngôi nhà;  + Lắp ráp một phần mái nhà (đề có thể trông thây không gian bên trong nhà);  + Tạo hình khung cảnh bên ngoài ngôi nhà;  + Trang trí hoàn thiện mô hình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **3. Thực hiện dự án**  - Quy trình lắp ráp mô hình ngôi nhà gồm các bước: Chuẩn bị -> Lắp ráp -> Hoàn thiện. |

**Hoạt động 4: Báo cáo dự án**

**a. Mục tiêu:** đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án.

**b. Nội dung:** nội dụng thuyết trình giới thiệu và mô hình ngôi nhà của mỗi nhóm HS.

**c. Sản phẩm học tập:** kết quả đánh giá sản phẩm của dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm gỏm các mục:  + Kiến trúc nhà, ý tưởng bố trí các không gian bên trong nhà,  + Cách sử đụng năng lượng của các đồ dùng trong nhà;  + Các yếu tố thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh;  + Tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **4. Báo cáo dự án**  - Mô hình ngôi nhà với đồ dùng, thiết bị trong nhà ở mỗi khu vực. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** củng cố và đánh giá dự án

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

+ Em thực hiện mô hỉnh theo kiểu nhà nào?

+ Ngôi nhà gồm bao nhiêu tầng, bao nhiêu phòng?

+ Đồ dùng trong nhà sử dụng năng lượng điện hay chât đốt? Có các đồ dùng, thiết bị tiết kiệm năng lượng không?

+ Ngôi nhà của em có thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh không?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

+ Em thực hiện mô hình theo kiểu nhà liền kề.

+ Ngôi nhà gồm 2 tầng và có 6 phòng

+ Đồ dùng trong nhà có sử dụng năng lượng điện. Một số đồ dùng tiết kiệm năng lượng như bóng đèn tiết kiệm điện, bình thái dương năng,..

+ Ngôi nhà của em có đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức của dự án thiết kế các mô hình nhà ở khác

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm mô hình các kiểu nhà ở khác.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

# Tuần 7 tiết 7

# ÔN TẬP CHƯƠNG I (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về nhà ở như: nhà ở đối với đời sống con người, xây dựng nhà, sử dụng năng lượng trong ngôi nhà, ngôi nhà thông minh,

- Vận dụng những kiến thức đã học chung quanh chủ đề vẻ nhà ở vào thực tiễn.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp để tìm hiểu thêm về nhà ở.

- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề, để xuất giải pháp giải quyết vấn để.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập và tham gia các công việc tại gia đình; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nhà ở, sử dụng năng lượng trong gia đình để giải quyết những vấn đề trong các hoạt động thường ngày tại gia đình;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học,

thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà ở vào đời sống hằng ngày;

- Thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Các tranh ảnh về nhà ở

- Mô hình về nhà ở.

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG DẪN NHẬP)**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** HS xem video dẫn nhập về ngôi nhà thông minh và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu video về nhà ở và khái quát lại kiến thức*

*- HS xem video, tiếp nhận câu hỏi và nêu lên suy nghĩ của bản thân về nhà ở.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - GV chia lớp thành 5 nhóm, các nhóm tiến hành thảo luận nội dung sau (thời gian 10phút)  Nhóm 1  Câu 1: Em hãy nêu vai trò của nhà ở?  Câu 2: Em hãy nêu đặc điểm chung của nhà ở?  Nhóm 2  Câu 3: Nêu ý tưởng thiết kế ngôi nhà có các phòng chức năng phù hợp với các thành viên trong gia đình em?  Câu 4: Em hãy nêu tên các vật liệu dùng để làm nhà và úng dụng của các vật liệu đó?  Nhóm 3  Câu 5: Em hãy nêu các bước chính xây dựng nhà ở?  Câu 6: Em hãy nêu khái niệm và đặc điểm của ngôi nhà thông minh?  Nhóm 4  Câu 7: Nếu được lắp đặt các hệ thống thông minh trong ngôi nhà của mình thì em sẽ lắp đặt những hệ thống gì? Giải thích về sự lựa chọn của em?  - GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.  - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.  - GV nhận xét phần trình bày của HS và chốt lại kiến thức. | - HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV.  1. Khái quát về nhà ở  - Vai trò của nhà ở  - Đặc điểm chung của nhà ở  - Kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam  2. Xây dựng nhà ở  - Vật liệu làm nhà  - Các bước chính xây dựng nhà ở  3. Ngôi nhà thông minh  - Ngôi nhà thông minh  - Đặc điểm của ngôi nhà thông minh  - Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trong gia đình  - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  - HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

**b. Nội dung:**

Mỗi liên kết giữa các kiến thức của Chương 1:

+ Vai trò và đặc điểm chung của nhà ở, một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

+ Vật liệu xây dựng nhà, quy trình xây dựng nhà;

+ Một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả;

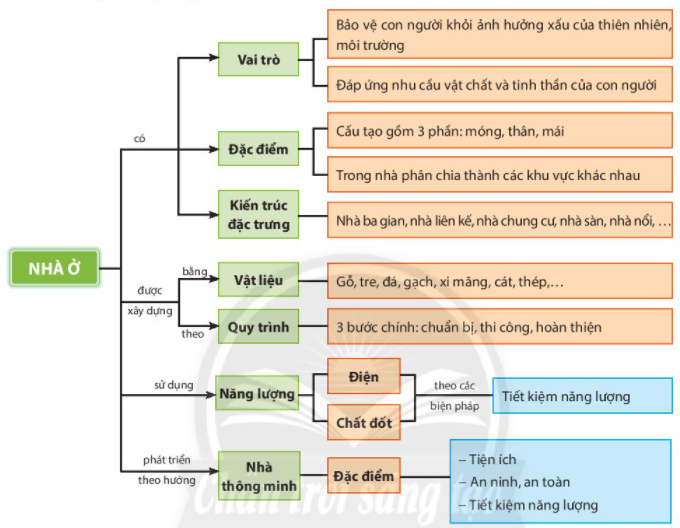
+ Đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

- Sân phẩm: sơ đồ khối hệ thông hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương 1**.**

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức khái quát về nhà ở, xây dựng nhà ở và ngôi nhà thông minh bằng sơ đồ tư duy.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | Sơ đồ hóa. |



**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS về nhà:*

1. Nhà ở có vai trò như thế nào đối với đời sống của con người?

2. Hãy kể những kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

3. Ngôi nhà gia đình em đang ở được xây dựng từ vật liệu gì? Hãy mô tả cách bố trí các khu vực bên trong nhà.

4. Quy trình xây dựng nhà ở có mấy bước? Mỗi bước bao gồm những công việc gì?

5. Vì sao chúng ta cần phải sử dụng tiết kiệm năng lượng?

6. Nêu một số biện pháp có thể thực hiện để tiết kiệm năng lượng điện và năng lượng chất đốt trong gia đình.

7. Hãy kể các biện pháp tiết kiệm năng lượng mà gia đình em đã thực hiện.

8. Ngôi nhà thông minh có đặc điểm gì? Hãy mô tả những tiện ích mà em mong muốn ngôi nhà của em có được.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và ôn tập kiểm tra.*

*- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

**Tuần 8 tiết 8**

**KIỂM TRA GIỮA KỲ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Đối với học sinh:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng và tự đánh giá kiến thức của mình, từ đó có hướng phấn đấu tốt hơn.

**2. Đối với giáo viên:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh, nắm được khả năng tiếp thu bài của các em, từ đó có hướng điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận ( tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận )*

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra giữa học kì I . Từ bài 1 đến bài 3 (5 tiết)*

**- Thời gian làm bài:** *45 phút*

**- Cấu trúc:** Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao*

+ Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm *(gồm 14 câu hỏi: nhận biết: 8 câu, thông hiểu: 6 câu ), mỗi câu 0,5 điểm*

+ Phần tự luận: 3,0 điểm *( Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN ĐỀ, BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ -HƯỚNG DẪN CHẤM KTGK**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/chủ đề** | **Bài học** | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | **TỔNG SỐ CÂU** | | **Tổng** |
| **NHẬN BIẾT** | | **THÔNG HIỂU** | | **VẬN DỤNG** | | **VẬN DỤNG CAO** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Chương 1: Nhà ở** | **Bài 1. Nhà ở đối với con người ( 2 tiết = 40%)** | 2 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 4 | 1 | 4,0 đ |
| **Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình ( 2 tiết=40%)** | 5 |  | 3 |  |  |  |  |  | 8 |  | 4,0 đ |
| **Bài 3. Ngôi nhà thông minh ( 1 tiết=20%)** | 1 |  | 1 |  |  |  |  | 1 | 2 | 1 | 2,0đ |
| **Số câu ( TN, TL)** | | | **8** |  | **6** |  |  | **1** |  | **1** | **14** | **2** | **16 câu** |
| **Thời gian** | | | **8 P( 1 câu/ 1 p)** |  | **12P ( 1 câu / 2 p)** |  |  | **11P ( 1 câu / 11 p)** |  | **14P**  **( 1 câu / 13p)** | **20p** | **25p** | **45p** |
| **Điểm số** | | | **4,0** |  | **3,0** |  |  | **2,0** |  | **1,0** | **7,0đ** | **3,0 đ** | **10,0 điểm** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **70%** | **30%** | **100%** |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức độ yêu cầu cần đạt** | **Dạng câu hỏi** | | | |
| **Trắc nghiệm** | | **Tự luận** | |
| **Số câu** | **Số thứ tự câu** | **Số câu** | **Số thứ tự câu** |
| 1 | **Bài 1. Nhà ở đối với con người** | **Nhận biết:**  - Nêu được vai trò của nhà ở.  - Nêu được đặc điểm chung của nhà ở Việt Nam.  - Kể được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được một số kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.  **Vận dụng:**  - Xác định được kiểu kiến trúc ngôi nhà em đang ở  **Vận dụng cao:** | 4 | Câu 1,2,3,4 | 1 | Câu 1 |
| 2 | **Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình** | **Nhận biết:**  - Trình bày được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được vì sao cần sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả.  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** | 8 | Câu 5,6,7,8,  9,10,11,12 |  |  |
| 3 | **Bài 3. Ngôi nhà thông minh** | **Nhận biết:**  - Nêu được đặc điểm của ngôi nhà thông minh.  **Thông hiểu:**  - Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.  - Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  - Mô tả được những đồ dùng hoặc ngôi nhà thể hiện được điểm của ngôi nhà thông minh mà em đã từng trông thấy hoặc sử dụng. | 2 | Câu 13, 14 | 1 | Câu 2 |
| **Tổng** | | | 08 | 06 | 01 | 01 |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN CÔNG NGHỆ 6 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng nhất trong các câu hỏi sau:

**BCâu 1.** Nhà ở có vai trò:

A. Là nơi trú ngụ của con người và diễn ra các hoạt động hằng ngày

B. Là nơi diễn ra các hoạt động hằng ngày

C. Bảo vệ con người khỏi ảnh hưởng xấu của thiên nhiên

D. Là nơi trú ngụ của con người và bảo vệ con người khỏi ảnh hưởng xấu của thiên nhiên

**BCâu 2**. Nhà ở bao gồm các phần chính sau:

A. Sàn nhà, khung nhà, cửa ra vào, cửa sổ

B. Khung nhà, mái nhà, cửa ra vào, cửa sổ

C. Móng nhà, sàn nhà, mái nhà

D. Móng nhà, thân nhà và mái nhà.

**HCâu 3. Khu vực chức năng nào là nơi để gia chủ tiếp khách và các thành viên trong gia đình trò chuyện?**

A. Khu vực sinh hoạt chung. B. Khu vực nghỉ ngơi.

C. Khu vực thờ cúng. D. Khu ăn uống.

**HCâu 4. Nhà rông, nhà sàn ở miền núi thuộc kiến trúc:**

A. Kiểu nhà ở đô thị. B. Kiểu nhà ở các khu vực đặc thù.

C. Kiểu nhà ở nông thôn. D. Kiểu nhà liền kề.

**B Câu 5. Nguồn năng lượng điện được sử dụng để :**

A. Chiếu sáng, nấu ăn, giặt ,ủi, học tập , giải trí B. Nấu ăn , sưởi ấm, chiếu sáng

C. Phơi khô, sưởi ấm, chiếu sáng D. Phơi khô, phơi quần áo, nấu ăn

**BCâu 6. Các hành động có thể gây lãng phí năng lượng trong gia đình:**

A. Tắt đèn, quạt khi rời khỏi phòng học.

B. Bật đèn khi trời tối, sử dụng quạt đúng lúc.

C. Bật đèn khi trời tối, tắt Tivi khi không xem.

D. Sử dụng nhiều quạt cùng lúc, mở tivi không xem, bật đèn khi trời sáng

**BCâu 7. Phương án sử dụng năng lượng nào sau đây là tiết kiệm nhất?**

A. Sử dụng các đồ dùng điện thông thường

B. Sử dụng các đồ dùng điện thông minh

C. Tận dụng gió, ánh sáng tự nhiên và năng lượng mặt trời

D. Sử dụng các đồ dùng điện rẻ tiền nhất

**BCâu 8. Cách sử dụng năng lượng đèn điện nào sau đây là tiện lợi và tiết kiệm nhất?**

A. Sử dụng hệ thống nút bật/tắt đèn thông thường

B. Sử dụng hệ thống đèn bật/tắt tự động

C. Sử dụng hệ thống bật/tắt đèn cảm ứng bằng vân tay

D. Mở đèn xuyên suốt để khỏi mất công bật/tắt

**BCâu 9 . Nguồn năng lượng sau nào là nguồn năng lượng tự nhiên :**

A.Điện B. Chất đốt ( gỗ, gas) C. Gió, mặt trời D. Điện, gas

**HCâu 10. Lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng là?**

A. Giảm chi phí C. Tăng chi phí

B. Bảo vệ môi trường D. Giảm chi phí, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người.

**HCâu 11. Việc đốn cây rừng làm chất đốt sẽ gây ra những hậu quả sau đây?**

A. Hạn hán, lũ lụt, tăng lượng khí cacbonic C. Tăng khí ôxi

B. Tăng khí cacbonic D. Không gây hậu quả gì.

**HCâu 12. Cho biết cách làm nào sau đây liên quan đến tiết kiệm năng lượng khi bạn Thảo chuẩn bị nấu cháo đậu xanh đãi cho các bạn của mình?**

A. Ngâm đậu trong nước trước khi nấu C. Dùng nồi lớn

B. Dùng nồi nhỏ hơn D. Dùng bếp gas

**BCâu 13. Một ngôi nhà thông minh cần có các đặc điểm sau:**

A. Tiện ích, an ninh, an toàn.

B. An ninh, an toàn, tiết kiệm năng lượng.

C. Tiết kiệm năng lượng, tiện ích

D. Tiện ích, tiết kiệm năng lượng, an ninh, an toàn.

**HCâu 14. Đèn tự động bật lên di chuyển trong nhà. Đó là hệ thống thông minh nào sau đây?**

A. Chiếu sáng thông minh

B. Hệ thống camera giám sát an ninh

C. Giải trí thông minh

D. Hệ thống kiểm soát nhiệt độ

**II. TỰ LUẬN (3 điểm):**

**VDCâu 1 (2 điểm):** Ở nơi em đang sống có những kiểu kiến trúc đặc trưng nào? Mô tả các khu vực chức năng trong ngôi nhà của em?

**VDCCâu 2 (1 điểm):** Em hãy kể tên 4 thiết bị điện và đồ dùng điện sử dụng cho ngôi nhà thông minh?

**HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**

**A. TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)** *(Mỗi câu đúng đạt 0.5 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | D | D | A | B | A | D | C | B | C | D | A | A | A | A |

**B. TỰ LUẬN (3.0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1**  **2.0 điểm** | - Kiến trúc nhà nơi em đang sống: nhà sàn, nhà kết cấu bê tông cốt thép, nhà ba gian truyền thống, nhà bè.  - Các khu vực chính trong ngôi nhà của em là: khu vực sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực vệ sinh, khu vực nấu ăn. | 1.0  1.0 |
| **Câu 2**  **1.0 điểm** | - Các thiết bị sử dụng cho ngôi nhà thông minh là:  + Đèn chiếu sáng tự động thông minh.  + Camera giám sát.  + Tivi điều khiển bằng lời nói.  + Hệ thống cảm ứng điều khiển bảng điện nhà qua phần mềm điện thoại. | 0.25  0.25  0.25  0.25 |

# Tuần 9, 10,11 tiết 9,10,11

# CHỦ ĐỀ 2: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM

# BÀI 4: THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

# (3 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kể được tên một số nhóm thực phẩm chính; nêu được giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm chính đối với sức khoẻ con người, yêu cầu của chế độ dinh dưỡng hợp lí;

- Xây dựng được bữa ăn dinh dưỡng hợp lí, ước tính được chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình,

- Hình thành thói quen ăn uống khoa học để giúp cơ thể phát triển khoẻ mạnh.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết được chức năng của từng nhóm thực phẩm chủ yếu đối với cơ thể con người, chế độ dinh dưỡng hợp lí và các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí,

- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được thuật ngữ về các nhóm thực phẩm, thuật ngữ mô tả món ăn để trình bày về bữa ăn thường ngày của gia đình và chế độ dinh dưỡng hợp lí;

- Sử dụng công nghệ: sử dụng các món ăn từ thực phẩm giàu dinh dưỡng để phối hợp thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lí;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người

khác nhau; nhận xét, đánh giá bữa ăn đinh dưỡng hợp lí;

- Thiết kế công nghệ: đề xuất bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sông; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vân đề trong tình huống mới;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học; thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phôi hợp tôt với các thành viên trong nhóm;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề về dinh dưỡng hợp lí, đề xuất được giải pháp cho bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái: yêu quý, quan tâm đến sức khoẻ của các thành viên trong gia đình;

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; y thức vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày;

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với bản thân; ý thức rèn luyện, chăm sóc sức khoẻ bản thân;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính. Nghiên cứu tài liệu về các loại thực phẩm giàu chât dinh dưỡng, khuyến cáo của Viện Dinh dưỡng Quốc gia về chế độ đỉnh đưỡng hợp lí;

- Hình ảnh thực phẩm trong từng nhóm, các món ăn thường ngày trong gia đình, trẻ em với nhiều thể trạng khác nhau;

- Tìm hiểu đơn giá của một số loại thực phẩm thông dụng.

**2. Đối với học sinh:**

* Đọc trước bài học trong SHS
* Tìm hiểu các món ăn thường ngày của gia đình và những loại thực phẩm thường dùng.



**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về các nhóm thực phẩm và chức năng của

chúng đôi với cơ thể.

**b. Nội dung:** Tại sao hằng ngày ta phải sử dụng nhiều loại thực phẩm khác nhau?

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về các nhóm thực phẩm và chức năng đối với cơ thể.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV têu tình huông trong SHS và đặt câu hỏi: Nếu ngày nào cũng chỉ ăn một món mình ưa thích (ví dụ: trứng) thì có được không? Tại sao chúng ta cân sử dụng nhiều loại thực phẩm khác nhau?*

*- HS nêu ý kiến cá nhân và phân tích.*

*- GV đặt vấn đề:* Vấn đề thực phẩm và dinh dưỡng là vấn đề thiết thực hằng ngày, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của tất cả mọi người. Trong chương trình môn Khoa học ở cấp Tiểu học, HS đã được học về các chất dinh dưỡng chủ yếu và vai trò của chúng đôi với cơ thể. Do đó, nội dung bài học nhắc lại một cách khái quát về chức năng dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm và chú trọng mở rộng những kiến thức cơ bản mà HS đã học vào tình huống thực tiễn: Các chất dinh dưỡng có trong các loại thực phẩm, trong từng món ăn cụ thể. Để tìm hiểu kĩ hơn về thực phẩm và dinh dưỡng, chúng ta cùng đến với **bài 4: Thực phẩm và dinh dưỡng.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các nhóm thực phẩm chính và chức năng của mỗi nhóm.

**b. Nội dung:** các nhóm thực phẩm và tác động của mỗi nhóm đối với cơ thể.

**c. Sản phẩm học tập:** chức năng của các nhóm thực phẩm chính đối với cơ thể

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đặt vấn đề: Trong tự nhiên, mỗi loại thực phẩm đều chứa nhiều chất dinh dưỡng khác nhau.  - GV cho HS quan sát hình ảnh các nhóm thực phẩm ở H4.1 và thực hiện các yêu cầu trong SHS.  + GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức đã học ở cập Tiểu học, kết hợp cùng quan sát hình ảnh đề phát biều được chức năng của từng nhóm thực phẩm.  + GV đặt vấn đề: Nếu chỉ ăn thực phẩm của một trong 4 nhóm trên theo y thích thì sẽ ảnh hưởng như đến cơ thể như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **I. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm**  - Có 4 nhóm thực phẩm chính:  + Nhóm thực phẩm giàu chất đạm (protein): có vai trò xây đựng, tạo ra các tê bào mới để thay thế những tế bào già chết đi, giúp cơ thể sinh trưởng và phát triển. Ngoài ra, chất đạm còn góp phần cung câp năng lượng cho cơ thể hoạt động.  + Nhóm thực phẩm giàu chất đường, bột (glucid): là nguôn cung cấp năng lượng chủ yêu cho mọi hoạt động của cơ thể.  + Nhóm thực phẩm giàu chất béo (lipiđ): góp phân cung cấp năng lượng, giúp bảo vệ cơ thể và chuyển hoá một số vitamin cần thiết.  + Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng (minerals) và vitamin: tăng sức đề kháng của cơ thể, giúp cơ thể khoẻ mạnh đề chống lại bệnh tật. |

**Hoạt động 2: Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể**

**a. Mục tiêu:** giúp HS hiểu được ý nghĩa của các chất dinh dưỡng đối với sức khoẻ con người.

**b. Nội dung:** các tình trạng cơ thể khi đầy đủ, thừa và thiếu dinh dưỡng.

**c. Sản phẩm học tập:** ý nghĩa của các chất dinh dưỡng đối với sức khoẻ con người.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Để biết được ý nghĩa dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm đối với sức khoẻ con  người, chúng ta phải xem xét nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể.  + GV yêu cầu HS phân tích Hình 4.2 để trả lời câu hỏi trong SHS.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả   * Hình 4.2a: trẻ có thể trạng suy dinh dưỡng; biểu hiện qua thân hình gầy yếu, khẳng khiu, lộ rõ xương, nét mặt mệt mỏi. * Hình 4.2b: trẻ có thể trạng béo phì; thể hiện qua hình ảnh cơ thể béo phệ, sử dụng nhiều thực phẩm ngọt, rán. * Hình 4.2c: trẻ có thể trạng khoẻ mạnh, cân đối; biểu hiện qua vẻ ngoài tươi tắn, sức sống dồi dào, tràn đầy sinh lực.   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + Gv kết luận: thiếu hay thừa chât dinh dưỡng đều ảnh hưởng đến cơ thể. | **II. Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể**  - Thiếu hoặc thừa chật dinh dưỡng đều gây ra tác hại đối với cơ thể.  - Nếu ăn uống thiếu chất thì cơ thể sẽ bị suy dinh dưỡng, phát triển chậm lại hoặc ngừng phát triển.  - Ngoài ra, trẻ suy dinh dưỡng sẽ có sức đề kháng yếu, dễ nhiễm bệnh và trí tuệ kém phát triển.  - Nếu ăn uống quá thừa so với nhu cầu cơ thể, kèm theo thói quen ít vận động thì các chât đạm và đường, bột sẽ tích luỹ trong cơ thể đưới dạng mỡ khiến cơ thể béo phì, vận động khó khăn, chậm chạp và dễ mắc một số bệnh như: cao huyết áp, tim mạch, tiểu đường,... |

**Hoạt động 3: Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết yêu cầu của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**b. Nội dung:** các yếu tố cấu thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

**c. Sản phẩm học tập:** các yêu cầu của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV cho HS phân tích bữa ăn đỉnh đưỡng hợp lí ở Hình 4.3 và thực hiện yêu cầu  trong SHS. GV hướng dẫn các nhóm HS phân tích từng loại món ăn có trong bữa ăn  (canh, xào, kho,...).    - GV yêu cầu HS nhớ lại kiến thức về các nhóm thực phẩm chính đã học đề phân tích: Trong mỗi món ăn đã sử dụng những thực phẩm thuộc nhóm nào? Loại thực phẩm nào có số lượng nhiều nhất?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  - GV tổng kết những nhóm thực phẩm đã được sử dụng trong bữa ăn. Trong đó, nhóm thực phẩm giàu vitamin và chất khoáng được sử dụng với lượng nhiều nhật. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm và chất đường, bột được sử dụng với lượng vừa phải. Nhóm thực phẩm giàu chất béo được sử dụng với lượng ít nhất.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức. | **III. Chế độ ăn uống khoa học**  **1. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**  - Chế độ ăn uống khoa học trước hết cần có bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.  - Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí phải có sự phối hợp đủ 4 nhóm thực phẩm chính với tỉ lệ thích hợp để cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết cho nhu cầu của cơ thể.  - Ngoài cơm trắng, bữa ăn dinh dưỡng hợp lí nên có đầy đủ các loại món ăn chính, gồm: món canh, món xào hoặc luộc, món mặn (rán hoặc kho, rang,... ). |

**Hoạt động 4: Phân chia số bữa ăn hợp lí**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu cách phân chia số bữa ăn hợp lí

**b. Nội dung:** thời gian phân chia giữa các bữa ăn hợp lí

**c. Sản phẩm học tập:** cách phân chia số bữa ăn trong ngày

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS phân tích sự phân chia khoảng cách giữa các bữa ăn của gia đình  được minh hoạ ở H 4.4 trong SHS.  + GV yêu cầu HS trình bày ý kiến cá nhân vẻ số bữa ăn trong 1 ngày, khoảng cách  thời gian giữa 2 bữa ăn kế tiếp nhau.  + GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức đã học ở cấp Tiểu học về hoạt động tiêu hoá của cơ thể.  + GV đặt vấn đề: Thời gian đề tiêu hoá hết thức ăn là khoảng 4 giờ. Vậy các bữa ăn  chính cách nhau tôi thiểu bao nhiêu giờ là hợp lí?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  GV giải thích cho HS hiểu: Nếu 2 bữa ăn cách nhau quá xa sẽ khiến cơ thể bị đói, gây hại cho dạ dày. Tương tự, nêu 2 bữa ăn cách nhau quá gần thì dạ dày chưa tiêu hoá kịp thức ăn của bữa ăn trước đó, cũng gây hại cho sức khoẻ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV trình bày thêm về các bữa ăn phụ, bữa ăn xế để phù hợp với thời gian học tập  của HS trong thực tế. | **III. Chế độ ăn uống khoa học**  **2. Phân chia số bữa ăn hợp lí**  - Ăn đúng bữa phân chia số bữa ăn trong ngày hợp lí sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiểu hoá thức ăn và cung cấp năng lượng cho cơ thể. - Nếu các bữa ăn quá gần nhau hoặc quá xa nhau khiến dạ dày hoạt động không điều đó, gây hại cho sức khoẻ  - Ngoài việc ăn đúng bữa, còn phải ăn đúng cách: cần tập trung nhai kĩ, không nên đọc sách, xen TV hay làm việc trong khi ăn uống. |

**Hoạt động 5: Các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**

**a. Mục tiêu:** ôn lại kiến thức về các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

**b. Nội dung:**

+ Có đủ 3 loại món ăn chính;

+ Có đủ thực phẩm thuộc 4 nhóm thực phẩm chính;

+ Các thực phẩm thuộc 4 nhóm chính có tỉ lệ thích hợp.

**c. Sản phẩm học tập:** các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu câu HS nhắc lại các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.  + GV yêu câu HS nhắc lại các nhóm thực phẩm chính, kể tên các loại thực phẩm  trong mỗi nhóm thực phẩm chính. GV lưu ý HS có thể thay đối thực phẩm trong cùng một nhóm đề bữa ăn trở nên phong phú mà vẫn đảm bảo đạt yêu cầu về các chất dinh dưỡng.  + GV yêu cầu HS kể các món ăn chính trong bữa cơm gia đình, những món ăn kèm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV minh hoạ một số hình ảnh về các bữa ăn dinh dưỡng hợp li.  + GV giải thích: Để bữa ăn được ngon miệng thì trong các món ăn nên sử dụng  những loại thực phẩm khác nhau, có mùi vị khác nhau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận: Bữa ăn dinh đưỡng hợp lí phải có đủ 3 loại món ăn chính với sự phối hợp thực phẩm từ 4 nhóm thực phẩm chính. | **IV. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng, hợp lí**  **1. Các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**  - Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí có đầy đủ các yếu tố sau:  + Có đầy đủ thực phẩm thuộc 4 nhóm chính  + Các thực phẩm thuộc 4 nhóm chính có tỉ lệ thích hợp   * Nhiều thực phẩm cung cấp vitamin và chất khoáng * Lượng đủ và vừa đủ các thực phẩm cung cấp chất đường, bột, chất đạm * Ít cung cấp thực phẩm chất béo   + Nên có đủ 3 món chính: món nấu, món xào, món luộc hoặc món mặn. Ngoài ra, có thêm món ăn phụ hoặc ăn kèm như rau sống, dưa chuột,... |

**Hoạt động 6: Chi phí của bữa ăn**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn cách tính chi phí cho một bữa ăn.

**b. Nội dung:** các công thức tính chi phí cho một món ăn, một bữa ăn.

**c. Sản phẩm học tập:** cách tính chi phí cho bữa ăn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giải thích: Đề tính chi phí của cả bữa ăn thì phải tính chi phí cho từng món ăn,  phải biết đơn giá và số lượng cần dùng của từng nguyên liệu trong món ăn.  + GV hướng dẫn HS nêu được cách tính chi phí cho một món ăn, chi phí cho một bữa ăn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV Kết lận: Đề tính chi phí của bữa ăn, ta phải tính được chi phí cho mỗi món ăn. Chi  phí cho mỗi món ăn là tổng số tiền mua các loại thực phẩm đề chế biến món ăn đó. | **IV. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng, hợp lí**  **2. Chi phí của bữa ăn**  - Chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng = đơn giá x số lượng cần dùng  - Chi phí cho mỗi món ăn = chi phí thực phẩm thứ nhất + chi phí thực phẩm thứ hai + ...  - Chi phí cho bữa ăn = chi phí món ăn thứ nhất + chi phí món ăn thứ hai + ... |

**Hoạt động 7: Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và tính chi phí của bữa ăn.

**b. Nội dung:**

+ Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

+ Các bước tính chi phí cho bữa ăn

**c. Sản phẩm học tập:** bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và chi phí của bữa ăn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu quy trình xây dựng bữa ăn định dưỡng hợp lí và tính cln phí của bữa ăn.  + GV chia HS thành các nhóm để thực hành.  + GV nêu yêu cầu thực hành: Mỗi nhóm HS xây dựng một bữa ăn định dưỡng hợp lí và tính chi phí cho bữa ăn đó.  + GV nêu yêu cầu của bữa ăn:   * Có đủ các món ăn chính; * Có đủ 4 nhóm thực phẩm chính; * Tỉ lệ các chất dinh dưỡng hợp lí.   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  + GV hỗ trợ cung cấp đơn giá thực phẩm cho HS.  + GV đưa ra tiêu chí đánh giá kết quả:    **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + Hướng dẫn HS cách thay thể thực phẩm trong cùng nhóm để bữa ăn đạt yêu cầu về mức độ định dưỡng. Ví dụ: Món mặn đã dùng cá thì món canh không nên nấu với cá mà nên thay bằng rau củ nấu thịt hoặc tôm,...  + GV có thể tư vấn cho HS để lựa chọn những món tránh bị trùng lặp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **IV. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng, hợp lí**  **3. Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**  - Quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí gồm các bước như sau:  + Bước 1: Lập danh sách các món ăn theo từng loại  + Bước 2: Chọn các món ăn chính.  + Bước 3: Chọn thêm món ăn kèm;  + Bước 4: Hoàn thiện bữa ăn.  - Tính chi phí tài chính của bữa ăn gồm các bước sau:  + Bước 5: Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng:  + Bước 6: Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng;  + Bước 7: Tính chi phí cho mỗi món ăn,  + Bước 8: Tính chi phí cho bữa ăn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về các nhóm thực phẩm. Từ đó, đánh giá giá trị dinh dưỡng của những món ăn thường dùng trong gia đình.

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV cho HS làm việc thảo luận theo nhóm nhỏ và yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

***Câu 1.*** *Em hãy phân loại những thực phẩm dưới đây theo các nhóm thực phẩm chính. Thịt lợn (thịt heo), cà rốt, cua, đậu cô ve, bí đao, rau muống, khoai lang, bánh mì, bông cải, cải thìa, sườn lợn, bắp cải thảo, dứa, mỡ lợn, tôm khô, cá viên, su su, thịt gà, dầu ăn, gạo, cá ba sa.*

***Câu 2.*** *Quan sát những món ăn dưới đây, em hãy cho biết mỗi món ăn cung cấp chất dinh dưỡng nào là chủ yếu.*



***Câu 3.*** *Cho các nhóm người sau:*

*(1) Người cao tuổi; (2) Trẻ em đang lớn; (3) Trẻ sơ sinh; (4) Người lao động nặng.*

*Em hãy ghép các yêu cầu dinh dưỡng dưới đây với từng nhóm người cho phù hợp.*

*a. Đang trong giai đoạn phát triển nên cần được cung cấp nhiều chất đạm hơn so với người lớn.*

*b. Còn quá nhỏ, hệ tiêu hoá chưa hoàn thiện nên chưa thể tiêu hoá được những thức ăn cứng. Vì vậy cần sử dụng sữa cho toàn bộ các bữa ăn trong ngày.*

*c. Các cơ quan trong cơ thể hoạt động suy yếu dần nên nhu cầu dinh dưỡng giảm so với lúc còn trẻ. Vì vậy cần giảm bớt lượng thức ăn để tránh tăng gánh nặng cho các cơ quan tiêu hoá.*

*d. Phải làm việc nhiều và nặng nhọc nên cần nhiều năng lượng hơn người lao động nhẹ.*

***Câu*** *4. Nếu chỉ sử dụng thường xuyên một loại thực phẩm thì sẽ xảy ra điều gì đối với cơ thể?*

***Câu*** *5. Trong các bữa ăn dưới đây, em hãy cho biết bữa ăn nào có thành phần các nhóm thực phẩm hợp lí. Vì sao?*



***Câu 6:*** *Quan sát thời gian phân chia bữa ăn của 3 bạn dưới đây. Theo em, bạn nào có thời gian phân chia bữa ăn hợp lí nhất? Các bạn khác nên điều chỉnh phân chia bữa ăn hợp lí như thế nào?*



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

**Câu 1**.

- Nhóm chất đạm: *Thịt lợn (thịt heo)*, *cua*, *sườn lợn*, *tôm khô, cá viên*, *thịt gà*, *cá ba sa*

- Nhóm chất bột: *khoai lang, bánh mì*, *gạo*

- Nhóm chất béo: *mỡ lợn*, *dầu ăn, gạo*

- Nhóm vitamin: *cà rốt*, *đậu cô ve, bí đao, rau muống*, *bông cải, cải thìa*, *bắp cải thả, su su*

**Câu 2**.

- Tôm rang thịt ba chỉ: cung cấp chất đạm

- Canh cà rốt, su su nấu sườn lợn: cung cấp chất đạm, vitamin

- Sườn lợn kho dứa: cung cấp vi tamin và chất đạm

- Rau củ luộc: cung cấp vitamin

**Câu 3.**

1- c, 2-b, 3- a, 4-d

**Câu 4.** Nếu chỉ sử dựng thường xuyên một loại thực phẩm thì sẽ dẫn đến cơ thể bị thiếu chất đỉnh dưỡng từ các nhóm thực phẩm khác. Do đó, cần sử dụng phối hợp nhiều loại thực phẩm trong bữa ăn hằng ngày.

**Câu 5**. Thành phần các nhóm thực phẩm trong từng bữa ăn và cơ câu món ăn đề xác định bữa ăn đạt các yêu cầu đinh dưỡng hợp lí.

**Câu 6**. Cách phân chia bữa ăn của bạn thứ 3 là hợp lí nhất.

Các bạn khác tùy theo điều kiện học tập hay làm việc cụ thể, nếu các bữa ăn chính cách nhau quá xa (trên 6 giờ) thì nên bỗ sung thêm bữa ăn phụ (ăn nhẹ) nhằm đảm bảo sức khoẻ để học tập và làm việc.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

*1. Gia đình em thường dùng những món ăn nào? Mỗi món ăn cụng cấp chất dinh dưỡng nào là chủ yếu?*

*2. Em có nhận xét gì về cách ăn uống của mình? Nếu chưa hợp lí, em cần phải điều chỉnh lại như thế nào?*

*3. Dựa vào quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí, em hãy tham khảo thêm Hình 4.5 và Bảng 4.2 để xây dựng các bữa ăn dinh dưỡng hợp lí trong 1 ngày cho gia đình mình.*

*4. Trên cơ sở tính toán chi phí cho mỗi món ăn, hãy tính toán chi phí cho các bữa ăn mà em vừa xây dựng ở câu 3.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

# Tuần 12,13,14,15 tiết 12,13,14,15

# BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH ( 4TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được vai trò của việc bảo quản và chế biến thực phẩm, kể được các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm phổ biến trong gia đình;

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng vào việc bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình;

- Rèn luyện kĩ năng chế biến món ăn không sử dụng nhiệt;

- Hình thành và bồi dưỡng thói quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh; thể hiện ý thức bảo quản và sử đụng hợp lí thực phẩm đề tạo nguồn dinh dưỡng tốt cho các thành viên trong gia đình.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được vai trò của việc bảo quản và chế biến thực phẩm để tạo nguồn dinh dưỡng tốt cho sức khoẻ, nhận biết các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình;

- Giao tiếp công nghệ: sử dụng một số thuật ngữ về phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm đề trình bày cách bảo quản và quy trình thực hiện một món ăn;

- Sử dụng công nghệ: sử dụng các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm đã

học vào thực tiễn bảo quản và chế biến thực phẩm ở gia đình,

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá hành động hợp lí đề bảo quản thực phẩm

lâu hư hỏng và chế biến thực phẩm đúng quy trình.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực trong học tập và cuộc sống: vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học vào việc bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái: có ý thức quan tâm, tham gia vào việc bảo quản và chế biến thực phẩm; tạo ra những bữa ăn ngon lành, hấp dẫn cho các thành viên trong gia đình;

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về bảo quản và chế biến thực phẩm vào đời sống hằng ngày,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tìm hiểu mục tiêu bài;

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính,

- Tìm hiểu các phương pháp chế biến thực phẩm phỏ biến, các món ăn phố biến ở địa phương;

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Tranh ảnh về thực phẩm bị hư hỏng đo để lâu và do vi sinh vật xâm nhập,

+ Tranh ảnh về các phương pháp bảo quản thực phẩm;

+ Tranh ảnh về các phương pháp chề biến và quy trình chế biến mớn ăn;

+ Đoạn viđeo clip vẻ quá trình phân huỷ của thực phẩm;

+ Đoạn video clip về cách chế biến món ăn cụ thể.

- Chuẩn bị cho tiết thực hành:

+ Dụng cụ, nguyên liệu cần thiết;

+ Chuẩn bị phòng thực hành,

+ Phân chia nhóm HS thực hành

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SHS;

- Ôn lại kiến thức về nắm và vi khuẩn đã học ở cấp Tiêu học;

- Mỗi nhóm HS phân công chuẩn bị:

+ Nguyên liệu cân thiết để chế biên món ăn. Một số nguyên liệu có thê được sơ chế

trước ở nhà: nhặt, rửa, ngâm nước muôi, bào nhuyên....

+ Bát to, bát, dĩa, đũa, thìa súp, thia cà phê...

+ Găng tay nylon, khăn lau.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về việc chế biến và bảo quản thực phẩm đề tạo nên những món ăn thường ngày ở gia đình.

**b. Nội dung:** Thực phẩm đã được bảo quản và chế biển thành những món ăn như thế nào?

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu cách bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*+ GV yêu cầu HS kể tên những món ăn trong bữa cơm gia đình.*

*+ GV đặt tình huống từ những món ăn mà HS vừa kể: nêu một món ăn bắt kì và đặt câu hỏi vẻ cách chế biến (hoặc bảo quản) để HS suy nghĩ rồi trả lời theo sự hiểu biết.*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.*

*- GV đặt vấn đề:* Chế biến thực phẩm là một lĩnh vực rất đa dạng, có nhiều cải biến. Cùng một món ăn, mỗi địa phương có những cách chế biến khác nhau, thể hiện nét đặc trưng của văn hoá ẩm thực vùng miền. Cùng một phương pháp chế biến, lại có nhiều biến thể khác nhau ở mỗi gia đình, mỗi địa phương. Và bảo quản sao cho thực phẩm đảm bảo chất dinh dưỡng không hư hỏng là việc rất quan trọng. Để tìm hiểu kĩ hơn về chế biến và bảo quản thực phẩm, chúng ta cùng đến với **bài 5: Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của việc bảo quân thực phẩm.

**b. Nội dung:** các trường hợp thực phẩm bị hư hỏng.

**c. Sản phẩm học tập:** vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV minh hoạ hình ảnh các thực phẩm bị hư hỏng bởi nhiều nguyên nhân ở Hình 5.1 trong SHS và yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Em nhận thấy thực phẩm bị dư hỏng do những nguyên nhân nào? Làm thế nào để hạn chế các tác nhân gây hư hỏng thực phẩm?    + GV yêu cầu HS kể thêm những loại thực phẩm có thể đề lâu để thấy các phương pháp bảo quản làm tăng tính đa đạng của thực phẩm, giúp con người có thể chế biến được nhiều món ăn khác nhau.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  - GV phân tích từng hình ảnh để HS phân biệt trường hợp thực phẩm bị hư hỏng do đẩ lâu dẫn đến biến chất và trường hợp thực phẩm bị hư hỏng do côn trùng, vi sinh vật xâm nhập.  + GV phân tích về các trường hợp thực phẩm bị hư hỏng, làm giảm giá trị dinh dưỡng.  + GV nêu thêm các trường hợp thực phẩm bị nhiễm độc từ quá trình môi trường (thuốc trừ sâu, thuốc bảo vệ thực vật, các hoá chất tạo nạc, tạo màu....) cũng làm thực phẩm bị nhiễm độc tố, ảnh hưởng đến giá trị dinh dưỡng của thực phẩm.  + GV nêu ví dụ minh hoạ để HS nhận thây: Khi sử dụng các phương pháp bảo quản khác nhau đôi với một loại thực phẩm sẽ tạo ra nhiều sân phẩm thực phẩm khác nhau. Ví dụ: cá khô, cá đóng hộp....  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận: việc bảo quản làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm, tránh cho thực phẩm bị hao hụt chất dinh dưỡng. Việc bảo quản giúp cho con người thuận tiện trong việc chế biến. | **I. Bảo quản thực phẩm**  **1. Vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản thực phẩm**  - Thực phẩm khi hư hỏng sẽ bị giảm giá trị dinh dưỡng, gây ngộ độc hoặc gây bệnh, làm ảnh hưởng đến sức khoẻ và tính mạng của người sử dụng.  - Việc bảo quản có vai trò ngăn chặn sự xâm nhập và phát triển của vi sinh vật gây hại, làm chậm quá trình hư hỏng của thực phẩm.  - Các phương pháp bảo quản khác nhau tạo nên nhiều sản phẩm thực phẩm có thời hạn sử dụng lâu dài, làm tăng tính đa đạng của thực phẩm, tạo sự thuận tiện cho con người trong việc chế biến và sử dụng. |

**Hoạt động 2: Phương pháp bảo quản thực phẩm**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các phương pháp bảo quản thực phẩm

**b. Nội dung:** một số thực phẩm được bảo quản

**c. Sản phẩm học tập:** các phương pháp bảo quản thực phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giải thích mục đích của các biện pháp bảo quản thực phẩm: làm chậm quá  trình phân huỷ tự nhiên của thực phẩm, đồng thời ngăn chặn sự phát triển của vi sinh vật. Muốn vậy ta cần phải biết điều kiện sinh trưởng và phát triển của vi sinh vật.  + GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức khoa học đã học ở cấp Tiểu học về điều kiện sống của nấm và vi khuẩn.  + GV minh hoạ hình ảnh các phương pháp bảo quản thực phẩm ở H5.2 và yêu cầu các nhóm HS thảo luận để trả lời câu hỏi trong SHS.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  GV phân tích mỗi phương pháp có tác động đến thực phẩm và vi sinh vật như thế nào.  Ví dụ: Phương pháp sấy khô làm thực phẩm bị mất nước > vi sinh vật không thể hoạt động được > giữ được thực phẩm lâu hơn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **II. Bảo quản thực phẩm**  **2. Phương pháp bảo quản thực phẩm**  - Thực phẩm có thể được bảo quản bằng nhiều phương pháp như: phơi khô hoặc sấy khô, ướp lạnh, cấp đông, ngâm giảm, ngâm đường, ướp muối, muối chua, hút chân không....  - Tuỳ từng loại thực phẩm và điều kiện bảo quản, người sử dụng có thể lựa chọn phương pháp bảo quản cho phù hợp. |

**Hoạt động 3: Vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.

**b. Nội dung:** các thực phẩm chưa chế biến và đã chế biến.

**c. Sản phẩm học tập:** vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV minh hoạ hình ảnh tác dụng của việc chế biến thực phẩm ở Hình 5.3 trong  SHS, yêu cầu HS so sánh đặc điểm của những thực phẩm chưa chế biến và đã được chế biến. Vì sao nên chế biến thực phẩm trước khi sử dụng?    + GV giúp HS phân tích từng trường hợp đề nhận biết được sự thay đối về tính chất,  hương vị của thực phẩm sau khi chế biến trong mỗi trường hợp.  + GV yêu cầu HS nêu thêm sự thay đổi sau khi chế biến của các thực phẩm khác.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả:   * Nhiệt độ khi chế biển sẽ giúp tiêu diệt vì sinh vật gây hại, làm thức ăn trở nên an toàn hơn cho người sử dụng, * Sau khi chế biến hợp lí, những thành phần trong thực phẩm biến đổi và trở nên dễ tiêu hoá hơn, * Trong trường hợp chế biến có sử dụng các loại gia vị sẽ làm cho món ăn có hương vị thơm ngon, dễ ăn.   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV giải thích về tác dụng của việc chế biến đôi với thực phẩm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận: Việc chế biên giúp thực phẩm trở nên dễ tiêu hoá, an toàn và thơm ngon hơn. Các phương pháp chế biến thực phẩm góp phần làm phong phú bữa ăn cho con người. | **II. Chế biến thực phẩm**  **1. Vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm**  - Việc chế biến có vai trò giúp thực phẩm trở nên chín mềm, dễ tiêu hoá, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho người sử dụng. Thực phẩm có thể được chế biến thành nhiều món ăn có hương vị thơm ngon, đặc trưng cho các dân tộc, vùng miền khác nhau.  - Các phương pháp chế biến thực phẩm giúp gia tăng tính đa dạng của món ăn, làm phong phú bữa ăn cho con người. |

**Hoạt động 4: Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt (Trộn hỗn hợp)**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm

**b. Nội dung:** các bước trong quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV minh hoạ các bước trộn hỗn hợp thực phẩm ở Hình 5.4, em hãy cho biết thực phẩm được chế biến như thế nào?    + HS nêu khái nệm phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm. Nêu thêm ví dụ về các loại hỗn hợp nước trộn phố biên trong thực tế chế biến thực phẩm tại địa phương: dầu giấm, nước mắm chua ngọt, nước tương (món trộn chay), các loại xốt...  + GV yêu cầu HS kể tên những món ăn được chế biến bằng phương pháp trộn hỗn  hợp mà các em đã từng ăn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV có thể nêu thêm tên gọi khác nhau của món ăn tuỳ theo vùng miễn: gói hoặc nộm.  + Dựa vào H5.4 trong SHS, GV giải thích từng công việc và dẫn đắt để HS nhận biết quy trình chưng để chế biến món trộn hỗn hợp gồm 3 giai đoạn chính: sơ chế nguyên liệu, chế biến món ăn, trình bày món ăn. GV giải thích, HS phân biệt giữa sơ chế và chế biến.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận: khái niệm và quy trình chế biến. | **II. Chế biến thực phẩm**  **2. Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt**  **a. Trộn hỗn hợp**  - Trộn hỗn hợp là phương pháp trộn các nguyên liệu thực phẩm với hỗn hợp nước trộn, tạo nên món ăn có hương vị đặc trưng. Các loại hỗn hợp nước trộn thường được sử dụng là dầu giấm, nước mắm chua ngọt hoặc các loại xốt như: xốt dâu trứng (xốt mayomnaise), xôt vừng (mè) rang.  - Quy trình chung đề trộn hỗn hợp thực phẩm gồm các bước:  + Bước 1. Sơ chế nguyên liệu: làm sạch các loại nguyên liệu và cắt, thái phù hợp. Đối với nguyên liệu động vật phải làm chín trước khi cắt, thái.  + Bước 2. Chế biến món ăn: pha hỗn hợp nước trộn. Sau đó trộn đều các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.  + Bước 3. Trình bày món ăn: sắp xếp món ăn lên đĩa, trang trí đẹp mắt. |

**Hoạt động 5: Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt (Ngâm chua thực phẩm)**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu khái niệm và quy trình chung của phương pháp ngâm chua thực phẩm

**b. Nội dung:** các bước trong quy trình ngâm chua thực phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm và quy trình chung của phương pháp ngâm chua thực phẩm

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS quan sát Hình 5.5 và thực hiện yêu cầu trong SHS: ngâm chua thực phẩm được thực hiện như thế nào?    + HS nêu được các bước và các công việc trong quy trình ngâm chua thực phẩm.  + GV đặt câu hỏi: Món ăn có thể thay đổi màu sắc và hương vị ngay khi vừa ngâm hay không?  + HS nêu được khái niệm về phương pháp ngâm chua thực phẩm.  + GV yêu cầu HS nêu thêm ví dụ về các món ngâm chua mà các em đã từng ăn trong bữa cơm gia đình như: dưa chua, cà phảo, củ cải và cà rôt ngâm giâm, củ kiệu ngâm giâm, tai lợn ngâm giâm,...  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **2. Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt**  **b. Ngâm chua thực phẩm**  - Khái niệm: Ngâm chua là phương pháp ngâm thực phẩm vào hỗn hợp nước ngâm một thời gian để thực phẩm lên men vi sinh vật hoặc thấm hỗn hợp nước ngâm, tạo ra món ăn có vị chua đặc trưng. Các loại hỗn hợp nước ngâm thường được sử dụng là hỗn hợp trước muối, hỗn hợp giấm đường.  - Quy trình chung để ngâm chua thực phẩm gồm các bước:  + Bước 1. Sơ chế nguyên liệu: làm sạch các loại nguyên liệu và cắt, thái phù hợp. Đối với nguyên liệu động vật phải làm chín trước khi cắt, thái.  + Bước 2. Chế biến món ăn: pha hỗn hợp nước ngâm. Sau đó ngâm các nguyên liệu trong hỗn hợp nước ngâm.  + Bước 3. Trình bày món ăn: sắp xếp món ăn lên đĩa, trang trí đẹp mắt. |

**Hoạt động 6: Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt (Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước)**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các phương pháp làm chín thực phẩm trong nước phổ biến.

**b. Nội dung:** các phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm về các phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS quan sát Hình 5.6 và phân tích để thực hiện yêu cầu trong SHS: So sánh sự giống và khác nhau giữa các món nấu với các món còn lại?    + GV yêu cầu HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín  thực phẩm trong nước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  + GV giúp HS phân tích hình ảnh để nêu được khái niệm về các phương pháp chế  biến thực phâm trong nước: luộc, nâu, kho.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận: khái niệm về các phương pháp: luộc, nấu. kho. | **3. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt**  **a. Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.**  - Các phương pháp làm chín thực phẩm trong nước:  + Luộc là làm chín mềm thực phẩm trong môi trường nhiều nước với thời gian thích hợp. Thời gian luộc thực phẩm động vật thường lâu hơn luộc thực phẩm thực vật.  + Nấu là làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước, có nêm gia vị vừa ăn. Với món nấu, thực phẩm thường chín mềm hơn món luộc.  + Kho là làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà. Món kho thường sử dụng thực phẩm động vật. |

**Hoạt động 7: Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt (Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo)**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo phô biến.

**b. Nội dung:** các phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm về các phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS quan sát Hình 5.7 và thực hiện yêu cầu trong SHS: Em hãy cho biết phương pháp rán khác với các phương pháp còn lại như thế nào?    + HS có thể phân tích hình ảnh để nêu được khái niệm về các phương pháp chế  biến thực phẩm trong chất béo: rán, xào, rang.  + HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  GV có thê nêu cách gọi tên khác nhau của mỗi phương pháp ở từng vùng miễn: chiên, xào, rang.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **2. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt**  **b. Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo**  Các phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo:  - Rán (chiên) là làm chín thực phẩm với lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được rán chín, vàng đều các mặt.  - Xào là làm chín thực phẩm với lượng chât béo vừa phải, đun với lửa to trong thời gian ngắn. Trong khi xào, người ta nếm nêm gia vị cho vừa ăn.  - Rang là làm chín thực phẩm với lượng chất béo rất ít, đun với lửa vừa. Trong khi rang, người ta nêm nếm gia vị cho vừa ăn. Tuy nhiên, với một số loại hạt hoặc đậu, khi rang có thể không cần sử dụng chất béo. |

**Hoạt động 8: Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt (Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp)**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng

nguồn nhiệt trực tiếp.

**b. Nội dung:** các phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm về các phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS quan sát Hình 5.8 và thực hiện yêu cầu trong SHS: Hãy mô tả phương pháp làm chín thực phẩm trong bức tranh?    + HS phân tích hình ảnh đề mô tả được các phương pháp chưng, hấp và nướng.  + GV gợi mở để HS phân biệt được phương pháp chưng và phương pháp hấp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV giải thích cách gợi tên khác nhau của mỗi phương pháp ở từng vùng miền: chưng cách thuỷ, đồ.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **2. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt**  **c. Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp**  - Hấp (đồ) và chưng là các phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước. Nước được đun sôi với lửa to để hơi nước bốc lên nhiều, làm chín thực phẩm.  - Nướng là phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được nướng chín đều các mặt. |

**Hoạt động 9: Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt (quy trình chung)**

**a. Mục tiêu:** Ôn lại quy trình chung của phưong pháp trộn hỗn hợp

**b. Nội dung:** các bước trong quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  + GV nêu các loại hỗn hợp nước trộn phổ biến thường được sử dụng trong các món trên hỗn hợp.  + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  + GV lưu ý HS: Có thể thay thế nguyên liệu thực vật tuỳ theo sở thích và sự sáng tạo của bản thân đề tạo nên một món ăn ngon. Khi đó, bước sơ chế thực phẩm sẽ có sự khác nhau tuỳ theo từng nguyên liệu cụ thể.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **3. Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt**  **a. Quy trình chung**  - Quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm:  + Bước 1. Sơ chế nguyên liệu: làm sạch các loại nguyên liệu và cắt, thái phù hợp. Đối với nguyên liệu động vật phải làm chín trước khi cắt, thái.  + Bước 2. Chế biến món ăn: pha hỗn hợp nước trộn. Sau đó trộn đều các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.  + Bước 3. Trình bày món ăn: sắp xếp món ăn ra đĩa, trang trí đẹp mắt. |

**Hoạt động 10: Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt (yêu cầu kĩ thuật)**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nắm được yêu cầu kĩ thuật của món trộn hỗn hợp

**b. Nội dung:** yêu cầu kĩ thuật của món ăn

**c. Sản phẩm học tập:** yêu cầu kĩ thuật của món ăn: trạng thái, màu sắc, vị

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GVyêu câu HS nêu nhận định về màu sắc, mùi, vị của món trộn hỗn hợp đã từng ăn.  + GV dẫn dắt HS khái quát hoá yêu cầu chung của món trộn hỗn hợp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  + GV lưu ý HS: Muốn món ăn ngon và bổ dưỡng thì trong quá trình chế biến cần  chú ý giữ cho chất dinh dưỡng của thực phẩm không bị hao hụt và phải giữ vệ sinh an toàn thực phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV giảng giải yêu cầu kĩ thuật của món ăn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **3. Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt**  **b. Yêu cầu kĩ thuật**  - Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát.  - Có mùi thơm đặc trưng của các nguyên liệu.  - Có màu sắc đặc trưng của từng loại nguyên liệu.  - Vị vừa ăn. |

**Hoạt động 11: Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt (các bước chế biến)**

**a. Mục tiêu:** tổ chức cho HS chế biến món ăn bằng phương pháp không sử dụng nhiệt

**b. Nội dung:** các bước chế biến món ăn bằng phương pháp không sử dụng nhiệt

**c. Sản phẩm học tập:** món ăn được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu về món ăn sắp thực hiện (có thể tổ chức cho mỗi nhóm tự chọn món ăn mà nhóm đã nghiên cứu cách thực hiện và chuẩn bị nguyên liệu).  + GV gợi ý cho HS khai triển quy trình chung trộn hỗn hợp thực phẩm thành các bước chế biên cho món ăn sắp thực hiện.  + GV thực hiện thao tác mẫu và hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình.  + GV nêu mục tiêu của buổi thực hành: Mỗi nhóm HS chế biến được một món ăn  băng phương pháp không sử dụng nhiệt theo đúng quy trình và đạt yêu câu kĩ thuật.  + GV nêu yêu cầu của buổi thực hành về trật tự, thời gian....  + GV nêu tiêu chí đánh giá: món ăn đạt yêu cầu kĩ thuật.  + GV yêu cầu HS triển khai các bước trong quy trình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  GV khuyến khích HS phát huy sự sáng tạo cá nhân đề tự mình trang tí món ăn.  + GV theo dõi HS thực hành, uốn nắn và điều chỉnh thao tác của HS. Ngoài ra, GV cân nhắc nhở HS trong quá trình thực hành phải lưu ý giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết kiệm nguyên liệu (giáo dục ý thức sống; bảo vệ cuộc sống an toàn, lành mạnh hướng đến sự phát triển bền vững).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV đưa ra tiêu chí đánh giá:    **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **3. Thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt**  **c. Các bước chế biến**  + Các bước sơ chế nguyên liệu:  *Bước 1*: Nhặt rửa các nguyên liệu thực vật, làm chín nguyên liệu động vật (nêu có);  *Bước 2*: Cắt thái từng loại nguyên liệu,  *Bước 3*: Xử lí mùi hăng của nguyên liệu.  + Các bước chế biển món ăn:  *Bước 4:* Pha hỗn hợp nước trộn,  *Bước 5*: Trộn các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.  + Các bước trình bày món ăn:  *Bước 6*: Dọn món ăn ra đĩa;  *Bước 7*: Trình bày món ăn kèm nước chấm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức đã học về cách chế biến và bảo quản thực phẩm

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

***Câu 1****: Em hãy cho biết những sản phẩm dưới đây được bảo quản bằng những phương pháp naò?*



***Câu 2:*** *Em hãy trình bày các bước trộn dầu giấm rau xà lách dựa theo các hình ảnh dưới đây:*



***Câu 3:*** *Em hãy kể tên một số hỗn hợp mà em từng ăn.*

***Câu 4:*** *Em hãy sắp xếp các hình ảnh dưới đây theo thứ tự chế biến món hành ngâm giấm cho phù hợp:*



***Câu 5:*** *Cho các món ăn sau: canh chua, cá kho tộ, nem rán (chả giò), xôi đậu, súp cua, bánh chưng, cà tím nướng mỡ hành, bánh bao.*

*Em hãy sắp xếp chúng vào từng nhóm phương pháp chế biến phù hợp.*

***Câu 6.*** *Em hãy sắp xếp các hình ảnh thực hiện món cơm rang trứng vào từng bước của quy trình chế biến cho phù hợp: sơ chế nguyên liệu, chế biến món ăn, trình bày món ăn.*



***Câu 7:*** *Em hãy dựa vào hình ảnh dưới đây, em hãy trình bày quy trình thực hiện món rau luộc.*



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

***Câu 1***:

- Lạp xưởng: sấy khô và hút chân không,

- Cá khô: ướp muối và sấy khô (hoặc phơi khô);

- Các món mứt tết: bảo quản sấy khô

- Các món đông lạnh: bảo quản trong tủ lạnh.

**Câu 2**:Các bước trộn dầu giấm rau xà lách:

Bước 1: Sơ chế nguyên liệu

Bươc 2: Chế biến món ăn

Bước 3; Trình bày món ăn

**Câu 3**:

Một số món trộn em đã ăn như: món trộn rau, món trộn các loại quả,...

**Câu 4**:Thứ tự chế biến món hành ngâm giấm: D – C – A – B

**Câu 5**:

- Chế biến thực phẩm trong nước:canh chua, cá kho tộ, bánh chưng, súp cua,

- Chế biến thực phẩm bằng chất béo: nem rán,

- Chế biến thực phẩm bằng hơi nước hoặc lửa trực tiếp: xôi đậu, cà tím nướng mỡ hành, bánh bao.

**Câu 6**:

- Sơ chế nguyên liệu:

+ Nấu cơm để nguội,

+ Tráng trứng

+ Cắt trứng thành sợi nhỏ

- Chế biến:

+ Phi tỏi, hành thơm

+ Cho cơm và trứng vào rang chung, nêm gia vị

- Trình bày món ăn: xới cơm ra đĩa, báy thêm trứng, hành lá, rau mùi lên mặt cơm.

**Câu 7:**

Bước 1: Sơ chế nguyên liệu: nhặt rau muống và rửa sạch

Bước 2: Ché biến nguyên liệu: Đun nước sôi, sau đó cho rau vào nồi

Bước 3: Trình bày món ăn: vớt rau ra đĩa và trang trí

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

*1. Kể tên các món ăn mà gia đình em thường dùng và sắp xếp chúng vào từng nhóm phương pháp chế biến phù hợp.*

*2. Hãy quan sát và trình bày cách chế biến một món ăn trong gia đình mà em thích nhất. Nội dung trình bày gồm: nguyên liệu cần dùng, quy trình chế biến, hương vị của món ăn.*

*3. Dựa vào quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm, em hãy thực hiện một món trộn dầu giấm hoặc món nộm với nguyên liệu tự chọn và tính chỉ phí cho món ăn mà em vừa thực hiện.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

# Tuần 16 tiết 16

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/

# DỰ ÁN 2: MÓN ĂN CHO BỮA CƠM GIA ĐÌNH (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về dinh dưỡng hợp lí, chế biến và bảo quản thực phẩm để hình thành ý tưởng xây dựng bữa ăn (thực đơn) theo chủ đề cho trước;

- Xây dựng được bữa ăn dinh dưỡng hợp lí;

- Rèn luyện kĩ năng chế biến một món ăn theo phương pháp không sử dụng nhiệt;

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực hợp tác nhóm trong việc cùng xây đựng bữa ăn định dưỡng hợp lí và chê biên món ăn;

- Hình thành thới quen chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn, vệ sinh, tiết kiệm nguyên liệu.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các yêu cầu khi xây dựng bữa ăn và chọn món ăn theo tình huống cho trước;

- Giao tiếp công nghệ: biểu diễn được ý tưởng về bữa ăn dinh dưỡng hợp lí;

- Sử dụng công nghệ: đọc được các tài liệu hướng dẫn chế biến món ăn, sử dụng đúng cách các đồ dùng trong nhà bếp để chế biến món ăn;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá bữa ăn, đối sánh với những yêu cầu về bữa

ăn dinh dưỡng hợp lí,

- Thiết kế công nghệ: xây dựng được bữa ăn phù hợp với các yêu cầu về bữa ăn dinh

dưỡng hợp lí.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành đự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về dinh dưỡng và chế biến thực phẩm trong việc xây dựng thực đơn bữa ăn dinh dưỡng và chế biến món ăn theo chủ đề dự án;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng xây dựng bữa ăn dinh dưỡng, thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm,

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống đã cho để đề xuất bữa ăn và món ăn hợp lí; lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái: quan tâm đến dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình;

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về dinh dưỡng, chế biến thực phẩm để thực hiện dự án;

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với gia đình, thực hiện món ăn đâm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có ý thức tiết kiệm chi phí cho bữa ăn gia đình;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Dự kiến phân chia HS trong lớp thành các nhóm;

- Phòng thực hành định dưỡng với các thiết bị, dụng cụ cơ bản;

- Địa chỉ trang web hỗ trợ thực hiện dự án

**2. Đối với học sinh:**

* Đọc trước bài học trong SHS
* Nguyên liệu thực phẩm cần thiết tuỳ theo món ăn;
* Các dụng cụ đề chế biến món ăn: bát to, bát, đĩa, đũa, thìa,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích hứng thú học tập khi học dự án

**b. Nội dung:** giới thiệu về tên dự án

**c. Sản phẩm học tập:** tên dự án

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt vấn đề:* Dự án Món ăn cho bữa cơm gia đỉnh thuộc loại dự án kiến tạo. Các em phải nghiên cứu tài liệu; lựa chọn món ăn, tìm hiểu công thức và cách thức chế biến món ăn; kết hợp với những món ăn khác để xây đựng thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lí theo yêu cầu của dự án; thực hành chế biến món ăn tại phòng thực hành của trường. Để làm được dự án này, chúng ta cùng đến với **dự án 2: Món ăn cho bữa ăn gia đình.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: giới thiệu dự án**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu dự án, xác định nhiệm vụ của dự án

**b. Nội dung:** chủ đề, mục tiêu và nhiệm vụ của dự án

**c. Sản phẩm học tập:** mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu cho HS về nghẻ kĩ sư công nghệ thực phẩm: tên ngành đảo tạo tại  các cơ sở đào tạo, trình độ đào tạo. Giới thiệu một số chuyên gia âm thực, đầu bếp của  Việt Nam.  + GV giải thích cho HS hiểu công việc của kĩ sư công nghệ thực phẩm trong thực tế.  + GV nêu chủ đề, mục tiêu của dự án.  + GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.  + GV nêu các nhiệm vụ (yêu câu) mà HS cần thực hiện đề hoàn thành đự án.  + GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.  + GV chia HS trong lớp thành các nhóm đề thực hiện dự án.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **1. Giới thiệu dự án**  a. Mục tiêu  - Xây dựng bữa ăn đinh dưỡng hợp lí cho gia đình và chế biến được một món ăn theo phương pháp chế biến không sử dụng nhiệt.  b. Nhiệm vụ  - Xây đựng một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình. Trong đó, có món ăn được chế  biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt;  - Tìm hiểu những nguyên liệu cần sử dụng và cách thực hiện món ăn đó,  - Chế biến và trình bày món ăn. |

**Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án

**b. Nội dung:** các công việc thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, nguyên liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm học tập:** kế hoạch chỉ tiết thực hiện các nhiệm vụ của đự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận đề lập kế hoạch thực hiện:  + Liệt kê các công việc cần làm: nghiên cứu các món ăn được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt, thảo luận đề chọn món ăn phù hợp với điều kiện thực hiện của nhóm, kết hợp thêm các món ăn khác đề có bữa ăn dinh dưỡng hợp lí, nghiên cứu công thức và cách chế biến món ăn, chế biến món ăn;  + Lập kế hoạch thời gian, các mốc thời gian cho từng công việc;  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm,  + Liệt kê các dụng cụ, nguyên liệu thực phẩm cần thiết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận: Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số mục chính: công việc cần làm, thời gian thực hiện, người thực hiện, địa điểm thực hiện. | **2. Xây dựng dự án**  + Công việc cần làm: nghiên cứu các món ăn được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt, thảo luận đề chọn món ăn phù hợp với điều kiện thực hiện của nhóm, kết hợp thêm các món ăn khác đề có bữa ăn đinh đưỡng hợp lí, nghiên cứu công thức và cách chế biến món ăn, chế biến món ăn;  + Thời gian thực hiện, các mốc thời gian cho từng công việc;  + Người thực hiện: phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm,  + Liệt kê các dụng cụ, nguyên liệu thực phẩm cần thiết. |

**Hoạt động 3: Thực hiện dự án**

**a. Mục tiêu:** tổ chức cho HS chế biến món ăn

**b. Nội dung:** thực hiện chế biến món ăn theo phương pháp sử dụng không nhiệt

**c. Sản phẩm học tập:** món ăn đã được chế biến.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV hướng dẫn các nhóm HS kiểm tra nguyên liệu và dụng cụ cần thiết.  + GV nêu mục tiêu của buổi thực hành: Mỗi nhóm HS chế biển món ăn (bằng phương pháp không sử dụng nhiệt) trong bữa ăn định dưỡng hợp lí mà nhóm đã xây dựng.  + GV nêu yêu cầu của buổi thực hành về trật tự, thời gian....  + GV nêu tiêu chí đánh giá: món ăn đạt yêu cầu kĩ thuật.  + GV tổ chức cho các nhóm HS thực hành chế biến món ăn bằng phương pháp không sử dụng nhiệt (xem phần hướng dẫn thực hành Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **3. Chế biến món ăn**  (món ăn chế biến) |

**Hoạt động 4: Báo báo dự án**

**a. Mục tiêu:** tổ chức đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án

**b. Nội dung:** nội dung của bữa ăn dinh dưỡng

**c. Sản phẩm học tập:** bài thuyết trình về món ăn dinh dưỡng và món ăn đã chế biến

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chia lớp thành 4 nhóm và báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm gồm các mục:  - Cơ cấu món ăn trong bữa ăn, tên món ăn không sử dụng nhiệt;  - Sự phối hợp các nhóm thực phẩm chính trong bữa ăn,  - Giới thiệu thành phần nguyên liệu của món ăn được chế biến bằng phương pháp  không sử dụng nhiệt;  - Cách chế biến món ăn bằng phương pháp không sử dụng nhiệt,  - Màu sắc, hương vị, trạng thái của món ăn;  - Trình bày món ăn cụ thể đã được chế biến.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **4. Báo báo dự án**  - Bài thuyết trình  - Món ăn đã chế biến |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức dự án

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện món ăn

- GV đánh giá tổng kết dự án.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học vào chế biến món ăn hằng ngày.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập: chế biến món ăn ưa thích bằng các phương pháp đã học và nhờ đánh giá của người thân.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# ÔN TẬP CHƯƠNG 2 VÀ KIẾM TRA (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học về thực phẩm: thực phẩm và dinh

dưỡng, chế độ ăn uống hợp lí, các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm;

- Vận dụng những kiến thức đã học trong chương để giải quyết các câu hỏi, bài tập

đặt ra xoay quanh chủ đề về bảo quản và chế biến thực phẩm.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp để tìm hiểu thêm về bảo quản và chế biến thực phẩm.

- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề, để xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong đời sống ở gia đình; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về dinh dưỡng, bảo quản và chế biến thực phẩm để giải quyết những vấn đề trong tình huống thực tế tại gia đình;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về thực phẩm, bảo quản và chế biến thực phẩm vào đời sống hằng ngày,

- Thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của chương 2

- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và ôn tập, bài tập

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** HS xem video dẫn nhập về thực phẩm và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu video về thực phẩm và khái quát lại kiến thức*

*- HS xem video, tiếp nhận câu hỏi và nêu lên suy nghĩ của bản thân về chế biến và bảo quản thực phẩm.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** hệ thống hóa kiến thức chương 2

**b. Nội dung:**

Mỗi liên kết giữa các kiến thức của Chương 2:

+ Thực phẩm và chế độ ăn khoa học

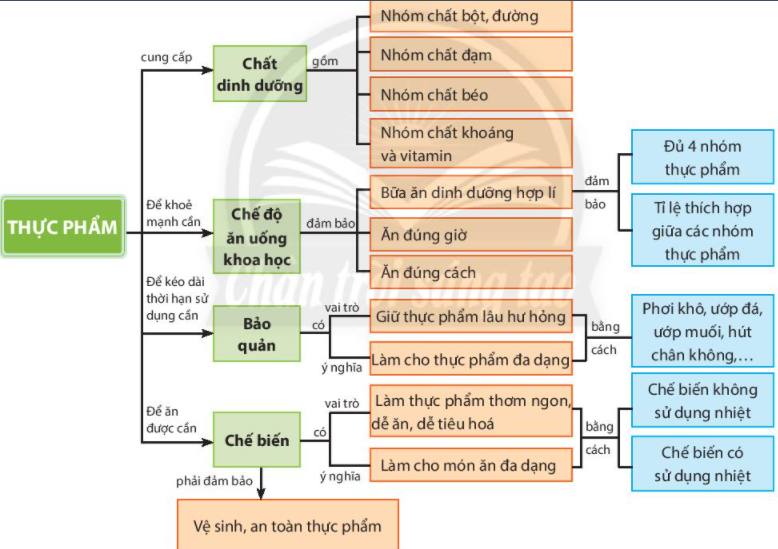
+ Bảo quản thực phẩm

+ Chế biến thực phẩm

**c. Sản phẩm học tập:** sơ đồ hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương 2

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức khái quát về bảo quản và chế biến thực phẩm, chế độ ăn hợp lí.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | Sơ đồ hóa. |



**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS về nhà:*

1. Hãy cho biết vai trò của mỗi nhóm thực phẩm chính đối với sức khoẻ con người.

2. Cho biết những thực phẩm sau thuộc nhóm thực phẩm nào.

a. Đỗ xanh (đậu xanh), cua, mực, thịt vịt, trứng cút.

b. Xoài, rau muống, nho, bí đỏ, đu đủ.

c. Bún, khoai lang, ngô (bắp), bột gạo.

3. Chế độ ăn uống khoa học cần phải đạt những yêu cầu gì?

4. Em hãy tự đánh giá mức độ dinh dưỡng trong bữa ăn hằng ngày của gia đình mình và nêu cách

khắc phục nếu chưa hợp lí.

5. Nếu không được bảo quản đúng cách, thực phẩm sẽ bị hư hỏng như thế nào?

6. Hãy trình bày các phương pháp bảo quản thực phẩm mà gia đình em từng sử dụng.

7.Hãy kể các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt mà gia đình em đã thực hiện.

8. Trình bày cách tính chỉ phí cho một bữa ăn.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và ôn tập kiểm tra.*

*- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# CHƯƠNG 3: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG

# BÀI 6: CÁC LOẠI VẢI THƯỜNG DÙNG TRONG MAY MẶC

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được các loại vải thông dụng thường dùng trong may mặc.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết được các loại vải thông dụng được dùng để may

trang phục; nhận biệt được thành phân sợi dệt của vải trên nhãn quần áo,

- Giao tiếp công nghệ: đọc được các nhãn thành phần sợi đệt của vải; sử dụng được

các thuật ngữ về các loại vải đề trình bày nguôn gốc, ưu, nhược điểm của mỗi loại vải;

- Sử dụng công nghệ: khám phá được ưu điểm, nhược điểm chung của các loại vải

thường dùng trong may mặc đề có ý thức sử dụng phù hợp:

- Giao tiếp công nghệ: đọc được các nhãn thành phần sợi đệt của vải; sử dụng được

các thuật ngữ về các loại vải đề trình bày nguôn gốc, ưu, nhược điểm của mỗi loại vải;

- Sử dụng công nghệ: khám phá được ưu điểm, nhược điểm chung của các loại vải

thường dùng trong may mặc đề có ý thức sử dụng phù hợp;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá ưu, nhược điểm của các loại vải thường

dùng trong may mặc.

**b) Năng lực chung**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về các loại vải thường dùng vào đời sông hăng ngày,

- Tự chủ và tự học: chú động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những

kiến thức, kĩ năng về các loại vải thường dùng trong may mặc đề giải quyết những vân đề về trang phục và thời trang;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vân đề của bài học,

thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phôi hợp tôt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

* Nhân ái: Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc
* Chăm chỉ: có ý thức vận dụng những kiến thức, kĩ năng học được vào học tập và đời sống hằng ngày.
* Trách nhiệm: quan tâm đến các công việc trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Tìm hiểu mục tiêu bài,

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện đạy học:

+ Một số nhãn quân áo có ghi thành phần sợi đệt;

+ Các mẫu vải đề thực nghiệm tính chất của vải;

+ Chén nhựa chứa nước để thực nghiệm độ thâm nước của vải.

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SHS;

- Sưu tâm các mảnh vải vụn;

- Chén nhựa nhỏ chứa nước.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** tạo nhu cầu tìm hiểu các loại vải trong may mặc

**b. Nội dung:** quần áo mặc thường ngày thường được may

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu các loại vải thông dụng thường dùng trong may mặc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV minh họa các loại quần áo mà GV và HS mặc trên lớp, đặt câu hỏi: các loại quần áo chúng ta mặc được may bằng những loại vải nào?*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời: vải coton, vải lụa,…*

*- GV đặt vấn đề:* Hiện nay với sự phát triển của khoa học kĩ thuật, ngành dệt nhuộm đã có công nghệ xử lí đặc biệt làm cho vải sợi bông và vải tơ tằm không bị nhàu, làm tăng giá trị của sản phẩm và sản xuất ra nhiều loại vải để phục vụ may mặc. Để tìm hiểu kĩ hơn về các loại vải thưởng dùng tỏng may mặc, chúng ta cùng đến với **bài 6: Các loại vải thường dùng trong may mặc.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Vải sợi thiên nhiên**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các loại vải sợi thiên nhiên

**b. Nội dung:** một số nguyên liệu sản xuất vải sợi thiên nhiên

**c. Sản phẩm học tập:** các loại vải sợi thiên nhiên và đặc điểm chủ yếu của vải sợi thiên nhiên

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS quan sát các mẫu vải đã chuẩn bị, thao tác rút từng canh sợi để HS nhận biết vải được tạo thành từ các hệ sợi đan dệt với nhau.  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 6.1 trong SHS và phân tích để tìm ra điểm chung của các loại nguyên liệu đùng đề sản xuất vải sợi thiên nhiên: những đạng sợi có sẵn trong tự nhiên như sợi tơ của tằm, sợi xơ của quả bông, sợi xơ trong thân của cây lanh, sợi lông của cừu.    + GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp: vò và nhúng vải vào nước để nhận định độ nhàu, tính hút âm của vải sợi thiên nhiên; từ đó nêu ưu, nhược điểm trong quá trình sử dụng của quân áo may bằng vải sợi thiên nhiên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV giải thích thêm cho HS: trong quá trình sản xuât vải, các loại tơ tằm, xơ bông,lông thú,... đều phải được kẻo thành sợi dệt để dệt vải.  + GV giới thiệu thêm những loại vật nuôi và cây trồng khác là nguồn nguyên liệu sản xuất vải sợi thiên nhiên: lông gà, vịt, cừu, lạc đà, cây đay, cây gai...  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **1. Vải sợi thiên nhiên**  - Vải sợi thiên nhiên được dệt bằng các dạng sợi có sẵn trong tự nhiên, có nguồn gốc từ thực vật hoặc động vật như vải bông (tử cây bông), vải lanh (từ cây lanh), vải tơ tắm (từ tơ tăm), vải len (từ lông cừu, đê, lạc đà, vịt)....  - Vải sợi thiên nhiên có độ hút ẩm cao nên mặc thoáng mát nhưng dễ bị nhàu, phơi lâu khô. |

**Hoạt động 2: Vải sợi hóa học**

**a. Mục tiêu:** tìm hiểu các loại vải sợi hóa học

**b. Nội dung:** nguyên liệu sản xuất vải sợi nhân tạo và vải sợi tổng hợp

**c. Sản phẩm học tập:** các loiaj vải sợi hóa học và đặc điểm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm nhỏ, quan sát Hình 6.2 trong SHS và đặt câu hỏi về điểm chung của các nguyên liệu dùng đề sản xuất vải sợi hoá học (là các chất hoá học).    + GV gợi mở, dẫn dắt để HS nhận ra sự khác nhau giữa nguyên liệu sản xuất vải sợi thiên nhiên (đạng sợi có sẵn trong thiên nhiên) và vải sợi hoá học (đạng sợi do con người tạo ra từ các chât hoá học).  + GV tổ chức cho HS thực hiện theo cặp: vò và nhúng vải vào nước đề nhận định vẻ  độ nhàu, độ hút âm của vải sợi hoá học; so sánh với vải sợi thiên nhiên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV giải thích: Muốn sử đụng các chất hoá học này để đệt thành vải thì phải tác  động băng các phương pháp hoá học và vật lí để chúng chuyền thành dạng sợi đệt.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **2. Vải sợi hóa học**  - Vải sợi hóa học được tạo thành từ một số chất hoá học do con người tạo ra. Vải sợi hoá học gồm :  + Vải sợi nhân tạo (vải satin, tơ lụa nhân tạo,...): ít nhàu, thấm hút tốt nên mặc thoáng mát  + Vải sợi tổng hợp (vải polyestet,  lụa nylon): ít thấm mồ hôi nên mặc bí. |

**Hoạt động 3: Vải sợi pha**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu các loại vả sợi pha

**b. Nội dung:** nguyên liệu sản xuất vải sợi pha

**c. Sản phẩm học tập:** các loại vải sợi pha và đặc điểm chủ yếu của vải sợi pha

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS nhắc lại những nhược điểm của vải sợi thiên nhiên và vải sợi hoá  học đề từ đó gợi lên ý tưởng về việc sản xuât loại vải có thể khắc phục được các nhược điểm đó.  + GV hướng dẫn HS quan sát Hình 6.3 trong SHS đề nhận ra nguyên liệu sản xuât  vải sợi pha là nhiều loại sợi khác nhau.    + GV nêu những ví dụ minh hoạ và HS phân tích những nhược điểm nào của  sợi thành phần được khắc phục.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  + GV dẫn dắt, gợi mở đề HS nhận ra: có thể kết hợp nhiều loại sợi đệt khác nhau để  giảm bớt nhược điểm của từng loại sợi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **3. Vải sợi pha**  - Vải sợi pha được đệt từ sợi pha do hai hay nhiều loại sợi kết hợp với nhau.  - Vải sợi pha thường có những ưu điểm của các loại sợi thành phần. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** củng cố và khắc sâu kiến thức vừa học về các loại vải thường dùng trong may mặc

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

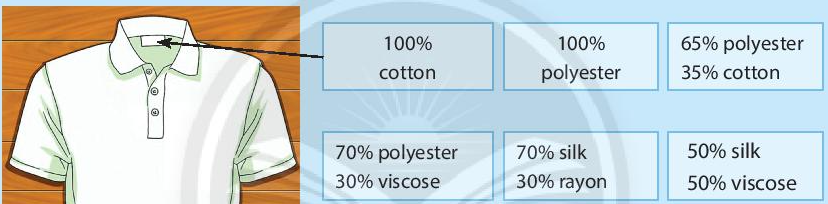
*1. Dựa vào tính chất của các loại sợi, em hãy nêu ưu và nhược điểm của từng loại vải sợi pha sau đây:*

*- Vải KT (Kate): kết hợp giữa sợi bông và sợi tổng hợp (cotton + polyester);*

*- Vải PEVI: kết hợp giữa sợi nhân tạo và sợi tổng hợp (viscose + polyester).*



*2. Dưới đây là thông tin thành phần sợi dệt trên một số loại quần áo. Em hãy xác định xem loại nào là vải sợi thiên nhiên, loại nào là vải sợi hóa học, loại nào là vải sợi pha****.***



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

Câu 1:

+ Vải KT (Kate): kết hợp giữa sợi bông và sợi tổng hợp (cotton + polyester);

Ưu điểm hút ẩm cao, mặc thoáng, không nhàu, độ bền cao., khắc phục được nhược điểm nhược điểm dễ nhàu của vải sợi bông và nhược điểm hút ẩm kém, mặc nóng của vải sợi thổng hợp.

+ Vải PEVI: kết hợp giữa sợi nhân tạo và sợi tổng hợp (viscose + polyester):hút ẩm tốt, mặc thoáng, không nhàu, độ bền cao, vài mềm; khắc phục được nhược điểm kém bền của vải sợi nhân tạo, nhược điểm kém hút ẩm, mặc nóng của vải sợi tổng hợp.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

*1. Em hãy đọc các nhãn đính trên quần áo của em và người thân để nhận biết thành phần sợi dệt của quần áo.*

*2. Với các loại quần áo không có nhãn, em hãy dựa vào độ nhàu khi vò vải để nhận biết sự có mặt của sợi thiên nhiên trong thành phần của vải.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 7: TRANG PHỤC (3 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được vai trò, sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống;

- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm của bản thân và tính chất công việc;

- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biệt được các yếu tố của trang phục ảnh hưởng đền vóc dáng người mặc; nhận biết cách sử dụng và bảo quản trang phục hợp lí;

- Giao tiếp công nghệ: đọc được kí hiệu sử đụng và bảo quản trang phục; sử đụng được các thuật ngữ về trang phục đề trình bày các loại trang phục, công dụng của trang phục trong đời sống;

- Sử dụng công nghệ: sử dụng và bảo quản trang phục đúng cách,

- Đánh giá công nghệ: đánh giá để lựa chọn trang phục phù hợp với vóc đáng, lứa

tuổi, môi trường hoạt động của người mặc; nhận xét đánh giá hành động hợp lí trong sử dụng và bảo quản các trang phục thông dụng;

- Thiết kế công nghệ: hình thành ý tưởng thiết kế trang phục phù hợp với điều kiện

của người mặc.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập và thực hiện công việc sử dụng, bảo quản trang phục cho bản thân và gia đình; vận dụng một cách linh hoạt những kiên thức, kĩ năng về lựa chọn, sử dụng, bảo quản trang phục vào các tình huống trong cuộc sống hằng ngày;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập. ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về trang phục vào đời sống hằng ngày;

- Trách nhiệm: có ý thức bảo quản và sử dụng hợp lí trang phục của bản thân và người thân trong gia đình;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Tìm hiểu mục tiêu bài;

- Chuẩn bị tài liệu đạy học: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính;

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Hình ảnh trang phục thông dụng, hình ảnh vẻ vai trò của trang phục;

+ Hình ảnh về ảnh hưởng của trang phục đến vóc dáng người mặc;

+ Hình ảnh trang phục của các lứa tuổi khác nhau;

+ Hình ảnh về cách phối hợp trang phục,

+ Hình ảnh các công việc giặt, phơi quần áo và các trang phục bằng vải;

+ Hình các kí hiệu giặt, ủi;

+ Vật mẫu: các nhãn thể hiện thành phần sợi dệt và hướng dẫn sử dụng trên quần áo

và trang phục bằng vải.

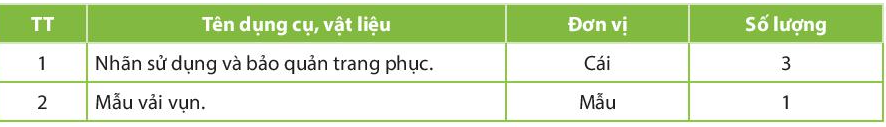
**2. Đối với học sinh:**

-Đọc trước bài học trong SHS

- Ôn lại kiên thức về vòng màu thuần sắc;

- Quan sát cách người thân giặt, phơi, ủi, cắt giữ quần áo và trang phục bằng vải.

Các dụng cụ, vật liệu để thực hành:



**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** tạo nhu cầu tìm hiểu trang phục, vai trò của trang phục

**b. Nội dung:** tại sao nói” Người đẹp vì lụa”?

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu trang phục và vai trò của trang phục

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi: Tại sao nói “Người đẹp vì lụa”? Trang phục giúp ích gì cho con người?*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và nêu ý kiến cá nhân.*

*- GV đặt vấn đề:* Trang phục có kiểu dáng, màu sắc và chất liệu vải rất phong phú. Bên cạnh đó, mốt thời trang lại liên tục thay đổi theo xu hướng và thị hiểu người dùng. Do đó, vân đề lựa chọn trang phục có khá nhiều nội dung. Để tìm hiểu kĩ hơn về trang phục, chúng ta cùng đến với **bài 7: trang phục.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trang phục và vai trò của trang phục**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết và khái niệm và vai trò của trang phục.

**b. Nội dung:**

- Một số bộ trang phục

- Một số trường hợp sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm và vai trò của trang phục

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu câu HS quan sát Hình 7.1 trong SHS và liệt kê những vật dụng mà các người mẫu mặc và mang trên người.  + GV yêu cầu HS kể thêm những vật dụng thường được mặc và mang trên người trong những hoàn cảnh khác nhau.  + GV trình bày một số hình ảnh minh hoạ trang phục, tổ chức cho HS hoạt động theo cặp: quan sát hình ảnh và kể thêm những vật dụng là trang phục.  + GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 7.2 trong SHS và trả lời câu hỏi về tác dụng của trang phục trong mỗi hình.    + GV yêu cầu HS nêu thêm những trường hợp cần có trang phục bảo vệ cơ thể: chống bụi, ô nhiễm, bảo hộ khi lao động....  + GV yêu cầu HS nêu thêm những trường hợp trang phục giúp làm đẹp cho con người.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả:   * Ngày mưa, ngày nắng, ngày rét: trang phục có tác đụng bảo vệ cơ thể trước những tác hại của thời tiết và môi trường, * Ngày lễ, Tết: trang phục có tác dụng làm đẹp cho con người.   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV tổng hợp kết quả thảo luận về tác dụng của trang phục trong mỗi trường hợp:  ngày mưa, ngày nắng, ngày rét, ngày lễ, Tết.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận: Trang phục bao gồm quần áo và một số vật dụng đi kèm như mũ, giày, tất, khăn choàng,... Trang phục rất đa dạng, phong phú theo nhu cầu may mặc của con người. Trang phục có vai trò bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động. | **I. Trang phục và vai trò của trang phục**  - Trang phục là các loại quần áo và một số vật đụng khác đi kèm như: mũ, giày, tất (vớ), khăn choàng,... Trong đó quần áo là những vật dụng quan trọng nhất.  - Trang phục thay đổi theo sự phát triển của xã hội, ngày càng đa dạng, phong phú về kiểu dáng, mẫu mã để phục vụ cho nhu cầu may mặc của con người.  - Trang phục có vai trò:  + Bảo vệ cơ thể chống lại những tác hại của môi trường như: nắng nóng, mưa bão,  Tuyết lạnh, không khí ô nhiễm....  + Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động. |

**Hoạt động 2: Các loại trang phục**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết sự đa dạng, phong phú của trang phục trong đời sống.

**b. Nội dung:** các loại trang phục cho nhiều lứa tuổi, nhiều tình huống sử dụng

**c. Sản phẩm học tập:** sự đa dạng trong cuộc sống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát Hình 7.3 và trả lời các câu hỏi trong SHS;  + Các trang phục trên đây được sử dụng trong hoàn cảnh nào?  + Hãy kể thêm những loại trang phục khác mà em biết.  - GV cho HS xem những hình ảnh đã chuẩn bị sẵn để HS xác định loại trang phục. GV giúp HS nhận ra sự đa đạng về kiểu dáng, mẫu mã của trang phục.  - GV yêu cầu HS nêu thêm những loại trang phục khác mà HS đã từng nhìn thấy.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **II. Các loại trang phục**  **-** Trang phục rất đa đạng về kiểu dáng và chất liệu. Dựa vào cách phân loại, có thể kế đến một số loại trang phục như sau:  + Theo thời tiết: trang phục mùa hè, trang phục mùa đông, trang phục mùa thu...  + Theo công dụng: đồng phục, trang phục thường ngày, trang phục lễ hội, trang phục thể thao,...  + Theo lứa tuổi: trang phục người lớn, trang phục trẻ em,...  + Theo giới tính: trang phục nam, trang phục nữ. |

**Hoạt động 3: Lựa chọn trang phục (Chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể)**

**a. Mục tiêu:** giúp HS biết lựa chọn vải và kiểu may giúp che khuyết điểm về vóc dáng của người học.

**b. Nội dung:** ảnh hưởng của vải và kiểu may đến vóc dáng người mặc.

**c. Sản phẩm học tập:** cách lựa chọn vải giúp che khuyết điểm về vóc dáng của người mặc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giải thích: Mặc trang phục đẹp trước hết phải phù hợp với vóc đáng cơ thể, làm nồi bật ưu điểm và che đi khuyết điểm của cơ thể. Mỗi người có vóc đáng khác nhau, do đó một mẫu quần áo có thể đẹp với người này nhưng lại không đẹp với người khác. Mỗi người cần biết vóc đáng của bản thân mình thuộc loại nào: thon gọn, tròn đây, cao, thấp....  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 7.4 và thực hiện yêu cầu trong SHS.    + GV giúp HS phân tích hình, so sánh để nhận biết màu sắc và hoa văn của vải ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc: có thể làm cho người mặc trông có vẻ thon gọn hơn hoặc tròn đầy hơn, cao hơn hoặc thấp xuống.  + GV cho HS xem thêm hình ảnh đề thấy rõ hơn ảnh hưởng của kiểu may đến cảm nhận về vóc đáng người mặc.  + GV tổ chức cho HS hoạt động theo cặp: bổ sung thêm chi tiết vào Bảng 7.2. Ảnh hưởng của kiểu may đến vóc dáng người mặc trong SHS.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả:   * Hình 7.4a: màu áo sáng làm người mặc có vẻ đầy đặn hơn (cùng kiểu áo, cùng người mẫu); * Hình 7.4b: sọc dọc làm người mặc có vẻ thon gọn hơn (cùng kiểu váy, cùng người mẫu). * Hình 7.5a: kiểu may có bèo dún rườm rà khiến người mặc trông mập mạp hơn (2 bộ trang phục cùng là áo và chân váy, cùng màu sắc), * Hình 7.5b: kiểu váy suông rộng tạo cảm giác người mập mạp hơn (2 bộ trang phục cùng là váy, cùng màu và chât liệu vải), * Hình 7.5c: kiểu áo sơ mi ôm sát người tạo cảm giác người thon gọn (2 bộ trang phục cùng là quân tây áo sơ mi, cùng màu và chât liệu vải).   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **III. Lựa chọn trang phục**  **1. Chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể**  - Ảnh hưởng của vải đến vóc dáng:    - Ảnh hưởng của kiểu may đến vóc dáng người mặc: |

**Hoạt động 4: Lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS cách chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.

**b. Nội dung:** các kiêu trang phục cho từng lứa tuôi khác nhau.

**c. Sản phẩm học tập:** cách chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 7.6 và thực hiện yêu cầu trong SHS.    + GV hướng dẫn, sau đó HS phân tích từng hình ảnh đề nhận ra các đặc điểm của trang phục phù hợp với nhu cầu, điều kiện sinh hoạt, làm việc, vui chơi của các đối tượng: trẻ em, thanh thiêu niên và người lớn tuổi.  + GV yêu cầu HS xác định trang phục phù hợp với lứa tuổi của mình.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  + GV giúp HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của  bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **III. Lựa chọn trang phục**  **2. Lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi**  - Mỗi lứa tuổi có nhu cầu, điều kiện sinh hoạt, làm việc, vui chơi khác nhau. Chúng ta nên lựa chọn trang phục phù hợp với lửa tuổi của mình.  + Trẻ em: chọn loại vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng, hoa văn sinh động, kiểu may rộng rãi.  + Thanh, thiêu niên: thích hợp với nhiêu loại vải và kiêu may, đa dạng về hoa văn và màu sắc.  + Người lớn tuổi: chọn màu sắc, hoa văn, kiểu may trang nhã, lịch sự. |

**Hoạt động 5: Chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lựa chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc

**b. Nội dung:** các kiểu trang phục cho các tình huống khác nhau.

**c. Sản phẩm học tập:** cách chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu câu HS quan sát Hình 7.7 trong SHS và phân tích từng trường hợp.  + GV nêu thêm các tình huống khác đề HS nêu những trang phục phù hợp: đi dự sinh  nhật bạn, đi dự lễ khai giảng...  + GV yêu cầu HS phân tích bộ đồng phục đang mặc có đáp ứng các yêu cầu giúp HS  thuận tiện trong học tập và hoạt động tại trường không?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả:   * Đồng phục học sinh: kiểu đáng đơn giản, rộng rãi, dễ cử động, chất liệu vải thấm hút mồ hôi, màu áo sáng, màu quần hoặc váy sậm để dễ giữ sạch. Đối với HS trung học cơ sở: áo có bầu, thắt khăn quàng đỏ (đội viên Đội Thiêu niên Tiền phong Hồ Chí Minh). * Trang phục đi chơi: kiểu đáng đẹp, có thể cầu kì, chất liệu vải cao cấp, có thể dùng các chất liệu lụa, ren, voan mồng,...; màu sắc tươi tắn, rực rỡ. * Trang phục lao động: kiểu đáng đơn giản, rộng rãi nhưng đảm bảo gọn gàng để dễ hoạt động, màu sắc sậm hoặc màu tối, chất liệu vải thấm hút mồ hôi. Tuỷ theo tính chất công việc, trang phục lao động có thể kèm theo nón bảo hộ, kính bảo hộ, giày bảo hộ...   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **III. Lựa chọn trang phục**  **3. Chọn trang phục phù hợp với yêu cầu và tính chất công việc**  Trang phục nên được lựa chọn phù hợp với môi trường và tính chất công việc:  - Đi học, làm việc công sở: chọn trang phục có kiểu đáng vừa vặn, màu sắc trang nhã, lịch sự;  - Đi chơi: chọn trang phục có kiểu dáng thoải mái;  - Đi lao động: chọn trang phục gọn gàng, thoải mái, chất liệu vải thấm mồ hôi, dày dặn đề bảo vệ cơ thể;  - Đi lễ hội: chọn trang phục lịch sự, trang trọng phù hợp với tính chất của buổi lễ hội;  - Đi dự tiệc: chọn trang phục có kiểu dáng và màu sắc tôn lên được vẻ đẹp của bản thân. |

**Hoạt động 6: Lựa chọn phối hợp trang phục**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lựa chọn phối hợp màu sắc và hoa văn của trang phục

**b. Nội dung:** cách phối hợp hoa văn và màu sắc của trang phục

**c. Sản phẩm học tập:** cách phối hợp hoa văn và màu sắc của trang phục

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm và quan sát H7.8, theo em có những cách nào để phối hợp trang phục?  - GV yêu cầu HS, kể thêm một số cách lựa chọn trang phục phối màu khác.  + GV yêu câu HS nêu thêm các cặp màu khác có thể phối hợp với nhau.  + GV cho HS xem thêm hình ảnh minh hoạ các cách phối hợp màu sắc của trang  phục.  + GV hướng dẫn HS phân tích để rút ra kết luận về cách phối hợp vải hoa và vải trơn.  + GV cho HS quan sát thêm hình ảnh trang phục bằng vải hoa kết hợp với vải có  sọc đề HS nhận định xem phù hợp hay không.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **III. Lựa chọn trang phục**  **4. Lựa chọn phối hợp trang phục**  - Dựa vào vòng màu, có thể phối hợp màu sắc giữa các phần của trang phục theo các quy tắc sau:  + Phối hợp giữa hai màu tương phản, đổi nhau trên vòng máu.  + Phối hợp giữa hai màu kế cận nhau trên vòng màu,  + Phối hợp giữa các sắc độ khác nhau của cùng một màu.  - Màu trắng và màu đen có thể kết hợp với tất cả các màu khác.  - Trang phục may bảng vải hoa phù hợp với trang phục may bảng vải trơn có màu trùng với một trong những màu chỉnh của vải hoa.  - Ngoài ra. các vật dụng như: mũ, khăn quàng, giày dép, thắt lưng.... cũng cần hài hoà về màu sắc và kiểu dáng với quần áo. |

**Hoạt động 7: Sử dụng và bảo quản trang phục (giặt, phơi)**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS biets giặt, phơi quần áo đúng cách

**b. Nội dung:** các công việc trong quy trình, giặt phơi quần áo

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình, giặt phơi quần áo

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, quan sát H7.9 và thực hiện yêu cầu dưới đây:    + Hãy sắp xếp công việc giặt, phơi quần áo theo trình tự thích hợp  + Nếu sử dụng máy giặt thì quy trình giặt, phơi quần áo có điểm gì khác so với giặt tay?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả:  Đáp án: Phân loại quần áo => Tẩy các vét bản nhiều => Ngâm với xà phòng => Vò với xà phòng => Xả với nước => Vặt bớt nước và phơi.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **IV. Sử dụng và bảo quản trang phục**  **1. Giặt, phơi**  - Việc giặt, phơi quần áo đúng cách trong quá trình sử dụng giúp quần áo được sạch, đẹp khi mặc, đồng thời cũng giúp giữ quần áo được bền lâu.  - Quy trình giặt, phơi quần áo như sau:  + Bước 1. Chuẩn bị: lấy các vật dụng trong túi quân, túi áo ra, phân loại quản áo màu sáng, mảu trăng với quần áo màu tối để giặt riêng.  + Bước 2. Thực hiện:   * Tẩy vết bản hoặc vò trước với xà phòng những chỗ bám bân nhiều như: cổ áo, nách áo, đáy quần.   Giặt bằng tay   * Ngâm quần áo trong nước xà phòng khoảng từ 15 đến 30 phút, * Vò kĩ toàn bộ quần áo, * Xả nước nhiều lần cho sạch, có thể dùng thêm nước xả vải trong lần xả cuối.   Giặt bằng máy   * Chọn mức nước và chế độ giặt phù hợp với quần áo, * Cho xà phòng và nước xả vải (nếu có) vào khoang giặt, * Khởi động máy để bắt đầu quá trình giặt, sấy.   + Bước 3. Hoàn tất: phơi quần áo màu sáng, quần áo bằng vải bông, vải sợi pha ở ngoài nắng, phơi quần áo máu sắm, quần áo bằng vải lụa nylon trong bóng râm. |

**Hoạt động 8: Sử dụng và bảo quản trang phục (là, ủi)**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS biết là quần áo đúng quy trình.

**b. Nội dung:** quy trình là quần áo

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình là quần áo

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV giới thiệu hình ảnh hoặc vật mẫu các dụng cụ là và giải thích về chức năng  của từng dụng cụ.  - GV cho HS xem hình phóng to bộ điều chỉnh nhiệt độ của bàn là, giải thích các kí  hiệu mức nhiệt hoặc tên loại vải trên bộ điều chỉnh nhiệt độ.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp, quan sát H7.11 và thực hiện các yêu cầu sau:    + Vì sao cần phân loại chất liệu vải trước khi là?  + Sau khi phân loại, nên là quần áo may theo loại vải nào trước?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV giải thích lí do nên là quần áo có yêu cầu là ở nhiệt độ thâp trước: Khi bàn là  chưa đạt được nhiệt độ cao, chúng ta có thể tận dụng nhiệt thâp đề là các loại quân áo yêu  câu nhiệt độ thấp trước đề tiết kiệm năng lượng.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **IV. Sử dụng và bảo quản trang phục**  **2. Là, ủi**  - Là, ủi quần áo là công việc cần thiết để làm phẳng chúng sau khi giặt sạch.  - Dụng cụ là quần áo: bàn là, bình phun nước, cầu là.  - Quy trình là quần áo:  + Bước 1: Phân loại quần áo  + Bước 2: Điều chỉnh nhiệt độ  + Bước 3: Là  + Bước 4: Để bàn là nguội hẳn. |

**Hoạt động 9: sử dụng và bảo quan trang phục (cất, giữa quần áo)**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS biết cất giữ trang phục đúng cách

**b. Nội dung:** hình ảnh cất giữa trang phục

**c. Sản phẩm học tập:** cách cất giữ từng loại trang phục

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS phát biểu lí do cần cất giữ trang phục. GV giải thích ý nghĩa của việc cất giữ trang phục.  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 7.12 trong SHS về tủ quần áo và phân tích chi tiết để trả lời các câu hỏi:   * Loại quần áo nào nên treo vào móc? * Loại quần áo nào nên gấp gọn gàng? * Những loại quần áo ít sử dụng (chỉ đìmg trong những ịdp đặc biệt) thì nên bảo quản bằng cách nào?     **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả   * Loại quần áo nên treo vào móc áo: quần áo dễ nhàu đã được là phẳng, quần áo cần độ phẳng, quân áo mặc đi học, đi làm; quần áo cao cấp dành cho những dịp quan trọng, áo đài, áo vest,... ; * Loại quần áo nên xếp gọn gàng: loại ít bị nhàu (như áo thun, quân jean, kaki,...), quần áo mặc thường ngày ở nhà, quần áo lót,...; * Những loại quần áo ít sử dụng cần được treo vào móc áo và bao bọc lại đề tránh bị âm, mốc làm ô vàng.   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **IV. Sử dụng và bảo quản trang phục**  **3. Cất, giữ quần áo**  - Sau khi giặt sạch, phơi khô, cần cất giữ trang phục ở nơi khô ráo, sạch sẽ.  + Các loại quần áo sử dụng thường xuyên nên treo bằng móc áo hoặc gấp gọn gàng vào ngăn tủ theo từng loại.  + Các loại quần áo ít dùng nên gói trong túi nylon đề tránh ẩm mốc và gián, côn trùng làm hư hỏng. |

**Hoạt động 10: Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục( ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn)**

**a. Mục tiêu:** giải thích ý nghĩa của các kí hiệu về bảo quản và sử dụng trang phục.

**b. Nội dung:**

+ Các kí hiệu cơ bản: giặt, là, tẩy, sấy

+ Quy ước vẽ kí hiệu

**c. Sản phẩm học tập:** ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng và bảo quản trang phục

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS nhắc lại các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục.  + GV giải thích lí do tại sao việc sử dụng và bảo quản trang phục phải căn cứ vào  chất liệu vải và kiểu dáng của trang phục.  + GV trình bày hình minh hoạ và yêu cầu HS ghi nhớ các dạng kí hiệu cơ bản cho  từng công việc giặt, sấy, tẩy, là có trong SHS.  + GV giúp HS phân tích để đọc hiểu ý nghĩa của các kí hiệu,  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV minh hoạ một số hình ảnh cho thấy trên trang phục, ngoài nhãn hiệu tên nhà  sản xuất còn có nhãn hướng dẫn cách sử dụng và bảo quản trang phục. Tuỳ theo loại trang phục mà nhà sản xuất sẽ có hướng dẫn sử dụng và bảo quản khác nhau.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **V. Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục**  **1. Ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn** |

**Hoạt động 11: Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục( Các bước đọc nhãn hướng dẫn)**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn quy trình và tổ chức thực hành đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản.

**b. Nội dung:** thực hành đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản một loại trang phục cụ thể và viết báo cáo.

**c. Sản phẩm học tập:** báo cáo cách sử dụng và bảo quản trang phục được gắn nhãn

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu quy trình thực hành đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục theo Bảng 7.4 trong SHS.  + GV nêu yêu cầu thực hành: mỗi nhóm HS đọc 3 nhãn (do GV cung cấp); sau đó viết bài báo cáo cách sử dụng và bảo quản loại trang phục đã được gắn nhãn.  + GV nêu yêu cầu của bài báo cáo: trình bày và vẽ hình minh hoạ các kí hiệu trên nhãn:   * Loại trang phục được gắn nhãn * Thành phần sợi dệt * Cách giặt * Cách là * Các hướng dẫn sử dụng và bảo quản khác   - GV đưa ra tiêu chí đánh giá:    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả   * Loại trang phục được gắn nhãn (có phải là loại trang phục đặc biệt như áo dài, vest,... không), * Thành phần sợi dệt (nhận định loại vải, nhớ lại những ưu nhược điểm của loại vải đó), * Cách giặt: theo các kí hiệu giặt; * Cách là: theo các kí hiệu là; * Các hướng dẫn sử dụng và bảo quản khác: theo các kí hiệu khác.   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **V. Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục**  **2. Các bước đọc nhãn hướng dẫn**  - Bước 1: Xác định loại trang phục được gắn nhãn  - Bước 2: Đọc thành phần sợi dệt trên nhãn  - Bước 3: Đọc các kí hiệu sử dụng và bảo quản  - Bước 4: Ghi nhận cách sử dụng và bảo quản trang phục được ghi nhãn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố và khắc sâu kiến thức về trang phục

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

***1.*** *Em hãy chỉ ra vật dụng nào là trang phục trong những vật dụng dưới đây. Nêu vai trò của từng vật dụng đó.*



***2.*** *Theo em, mỗi trang phục dưới đây ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc như thế nào?*



***3.*** *Em hãy giải thích vì sao những bộ trang phục dưới đây* ***không nên*** *mặc đi học?*



***4.*** *Mỗi loại trang phục dưới đây phù hợp để sử dụng trong hoàn cảnh nào?*



***5.*** *Có một số quần áo như hình dưới đây, em có thể kết hợp thành bao nhiêu bộ trang phục với nhau?*

***6.*** *Hãy chọn ra 3 bộ trang phục mà em yêu thích?*



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

***1.***

***-*** *Khăn quàng đỏ là trang phục trong đồng phục của Đội viên Đội thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh*

*- Balo là vật dụng trong bộ trang phục của HS*

*- Cà vạt là trang phục tạo vẻ trang trọng và làm đẹp cho con người.*

***2.*** *Mỗi bộ trang phục ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc*

***3.***

*Hình a: váy dài, hở vai phù hợp đi dự tiệc, đi đám cưới,...*

*Hình b: quần jean, áo balo phù hợp chơi thể thao*

*Hình c: váy ngắn hở vai phù hợp đi chơi*

*Hình d: quần áo phù hợp đi chơi*

*4.*

*Hình a: trang phục phù hợp cho người lao động nặng*

*Hình b: trang phục phù hợp đi chơi*

*Hình c: trang phục phù hợp mặc ở nhà*

*Hình d: trang phục phù hợp đi làm công sở.*

*5. Có một số quần áo như hình, em có thể kết hợp thành 10 bộ trang phục với nhau.*

*6. Em lựa chọn bộ trang phục được kết hợp:*

*+ Hình a –d*

*+ Hình f – h*

*+ Hình f – k*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

*1. Hãy kể những vật dụng trong bộ đồng phục lên lớp và đồng phục thế dục của trường em.*

*2. Mô tả bộ trang phục đối chơi phủ hợp với vóc dáng của em.*

*3. Tủ quần áo của em đã được sắp xếp như thế nào?*

*4. Em hãy quan sát các nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản đính trên quần áo của mình để nhận định về cách sử dụng và bảo quản quần áo của bản thân.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 8: THỜI TRANG (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang;

- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân;

- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết về thời trang, tính chất cơ bản của thời trang, nhận biết các bước lựa chọn trang phục hợp lí;

- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được các thuật ngữ để trình bày về thời trang, biểu

diễn ý tưởng thiết kế trang phục bằng phác hoạ đơn giản,

- Sử đụng công nghệ: sử đụng mẫu quần áo phối hợp thành bộ trang phục phù hợp theo yêu cầu,

- Đánh giá công nghệ: đưa ra được nhận xét về tính thẩm mĩ của một bộ trang phục theo thời trang, lựa chọn được trang phục trên cơ sở đánh giá sự phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, môi trường hoạt động của người mặc;

- Thiết kế công nghệ: bước đầu hình thành phong cách thời trang riêng mình, có ý

tưởng thiết kế trang phục phù hợp.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về thời trang và lựa chọn trang phục thời trang trong các tình huống cụ thể;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vân đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống để đề xuất trang phục phù hợp thời trang, đặc điểm bản thân và điều kiện kinh tế của gia đỉnh.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thời trang lựa chọn trang phục thời trang vào đời sống hằng ngày,

- Trách nhiệm: có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình dành cho việc may mặc thông qua việc lựa chọn trang phục phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình;

- Nhân ái: tôn trọng sự khác biệt về phong cách cá nhân của những người khác;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Tìm hiểu mục tiêu bài;

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học: hình ảnh các bộ sưu tập thời trang theo nhiều phong cách, video clip ngắn về buổi trình diễn thời trang, hình ảnh các bộ trang phục đi chơi cho bạn nam và nữ;

- Rập mẫu thân người (cung cấp cho HS để in vào giây): mô phỏng cho nhiều dáng người như thiếu niên nam, nữ, gầy, béo, cao, thấp,...

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SHS

- Sưu tập hình ảnh trang phục thời trang,

- Dụng cụ và vật liệu cần thiết:



**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** thúc đẩy như cầu tìm hiểu về thời trang

**b. Nội dung:** Thời trang khác với trang phục như thế nào?

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu về thời trang

**d. Tổ chức thực hiện:**

*+ GV cũng có thể cho HS xem một video clip ngắn về buổi trình diễn thời trang và*

*nêu câu hỏi: thời trang khác với trang phục như thế nào?*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời:*

+ Trang phục dùng để chỉ những đồ để mặc như quần, áo, váy hay để đội như mũ, nón, khăn và để đi như giày, dép, ủng… Ngoài ra, trang phục còn có thể thêm các phụ kiện khác như thắt lưng, găng tay, đồ trang sức… giúp bảo vệ cơ thể tránh những tác động của môi trường.

+ Thời trang được hiểu là sự thể hiện thẩm mỹ phổ biến tại một thời gian, địa điểm và trong một bối cảnh cụ thể bằng cách sử dụng quần áo, giày dép, phụ kiện, cách trang điểm, kiểu tóc và tỷ lệ cơ thể.

*- GV đặt vấn đề:* Mỗi người có một phong cách thời trang khác nhau, thời trang và mốt thời trang có thể phù hợp với người này nhưng không phù hợp với người khác. Do vậy, nếu chạy theo mốt thời trang mà không phù hợp với vóc dáng và lứa tuổi của mình và không có cách ứng xử đúng đắn sẽ dễ làm ảnh hưởng tới hình ảnh của bản thân. Vậy nên, để hiểu kĩ hơn về thời trang, chúng ta cùng đến với **bài 8: Thời trang.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Thời trang và phong cách thời trang**

**a. Mục tiêu:** tìm hiểu khái niệm thời trang và phong cách thời trang

**b. Nội dung:**

+ Trình bày các loại trang phục theo thời trang ở nhiều thời kì;

+ Trang phục theo một số phong cách thời trang.

**c. Sản phẩm học tập:** khái niệm thời trang, khái niệm phong cách thời trang.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS theo luận nhóm và quan sát Hình 8.1, trả lời câu hỏi trong SHS: Áo dài Việt Nam thay đổi như thế nào qua hai thời kì?  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 8.2 và trả lời câu hỏi trong SHS: Áo sơ mi nam thay đổi ở hai thời kì khác nhau ở những chi tiết nào?    + GV nêu thêm các tường hợp trang phục thay đổi theo thời trang qua các thời kì, giúp HS nhận biết thời trang là sự thay đổi các yếu tố của trang phục.  + GV yêu cầu HS làm việc theo cặp: quan sát Hình 8.3 và trả lời các câu hỏi trong SHS.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả   * Thời trang áo dài ở mỗi thời kì là kiểu dáng áo dài phổ biến, được nhiều người mặc trong thời gian đó. Trong trường hợp này, thời trang là sự thay đổi kiểu dáng trang phục. * Thời trang những năm 80 của thế kỉ XX là kiểu hoa văn ca rô được nhiều người mặc   trong thời gian đó. Trong trường hợp này, thời trang là sự thay đổi hoạ tiết, hoa văn của trang phục.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV cho HS xem thêm hình ảnh trang phục theo các phong cách thời trang khác nhau và phân tích kiểu dáng, màu sắc, hoa văn.... của trang phục để xác định phong cách thời trang.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **I. Thời trang và phong cách thời trang**  - Thời trang là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một khoảng thời gian nhất định. Thời trang luôn thay đổi theo thời gian và được thể hiện qua kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, hoạ tiết,... của trang phục.  - Tuy theo nhu cầu mặc đẹp của con người, thời trang có các loại: thời trang xuân hè, thời trang thu đông, thời trang công sở, thời trang trẻ em,... |

**Hoạt động 2: Thời trang thể hiện tính cách của người mặc**

**a. Mục tiêu:** nhận biết đặc điểm chung của thời trang, bước đầu nhận ra phong cách thời trang của bản thân.

**b. Nội dung:** trang phục theo phong cách thời trang khác nhau

**c. Sản phẩm học tập:** đặc điểm chung của thời gian

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ.  - GV yêu cầu các nhóm HS quan sát Hình 8.4 và phân tích từng hình ảnh để trả lời các câu hỏi trong SHS.  + GV minh hoạ thêm hình ảnh các phong cách thời trang khác nhau thể hiện qua trang phục.  + GV khuyến khích HS nêu lên phong cách thời trang mà bản thân yêu thích. GV điều chỉnh để hướng HS đến việc thê hiện nét đẹp của bản thân qua trang phục.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả: Cùng là kiểu trang phục áo sơ mi và quần tây nhưng mỗi bộ trang phục thể hiện một phong cách khác nhau:   * Hình 8.4a: thể hiện sự giản dị; * Hình 8.4b: rộng thùng thỉnh, không thể hiện sự gọn gàng nhưng kiểu quần tây, áo sơ mi cho thây sự nghiêm chỉnh, lịch sự, * Hinh 8.4a và 8.4c: giúp người mặc có vẻ trẻ trung, năng động; * Các bộ trang phục lịch sự, trang trọng phù hợp để đến công sở.   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV phân tích: Mỗi người thường mặc những kiểu trang phục họ mà yêu thích. Ví  Dụ: người có tính cách giản dị sẽ thích mặc những trang phục đơn giản chứ không thích mặc trang phục cầu kì, rườm rà. Do vậy, cách ăn mặc thể hiện tính cách của người mặc: cầu kì, đơn giản, trẻ trung, năng động, lịch sự, xuề xoà....  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV rút ra kết luận cách ăn mặc phù hợp với bản thân, với xã hội, cách ứng xử đúng  mực tạo nên vẻ đẹp của mỗi người. Không nên sử dụng những trang phục theo thời trang quái dị, lố lăng sẽ làm xấu hình ảnh của bản thân trong mắt mọi người. | **II. Thời trang thể hiện tính cách của người mặc**  - Thời trang thể hiện phần nào tính cách của người mặc. Phong cách thời trang và cách ứng xử tạo nên vẻ đẹp của con người.  - Cần lựa chọn thời trang phù hợp với bản thân và có cách ứng xử khéo léo. |

**Hoạt động 3: Lựa chọn trang phục phù hợp theo thời trang (Một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời trang)**

**a. Mục tiêu:** ôn lại kiến thức về cách lựa chọn trang phục

**b. Nội dung:**

+ Lựa chọn loại trang phục phù hợp với lứa tuổi, với môi trường hoạt động,

+ Lựa chọn màu sắc của vải và kiểu may của trang phục phù hợp với vóc đáng người mặc;

+ Lựa chọn chât vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình;

+ Lựa chọn thêm các vật dùng đi kèm phù hợp với áo quần đã chọn.

**c. Sản phẩm học tập:** ách lựa chọn trang phục phù hợp theo tình huống sử dụng cho trước.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS nhắc lại cách chọn trang phục đã học ở Bài 7.  + GV giải thích lí đo cần xác định xu hướng thời trang khi chọn trang phục.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  + GV lưu ý HS chọn chất vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.  + GV lưu ý HS muốn chọn được trang phục phù hợp phải xác định được đặc điểm  về vóc đáng của người mặc.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **III. Lựa chọn trang phục phù hợp theo thời trang**  **1.** **Một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời trang**  Đề có thể lựa chọn được trang phục phù hợp và đẹp, em cần:  - Xác định đặc điểm về vóc dáng của người mặc,  - Xác định xu hướng thời trang;  - Lựa chọn loại trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường hoạt động và điều kiện tài chính của gia đình,  - Lựa chọn màu sắc vải và kiểu may trang phục phù hợp với vóc dáng người mặc,  - Lựa chọn thêm các vật dụng đi kèm phù hợp với trang phục đã chọn. |

**Hoạt động 4: Lựa chọn trang phục phù hợp theo thời trang (các bước lựa chọn trang phục theo thời trang)**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn quy trình và tổ chức thực hành lựa chọn trang phục theo thời trang

**b. Nội dung:** các bước thực hiện quy trình lựa chọn trang phục

**c. Sản phẩm học tập:** hình vẽ phác họa bộ trang phục được lựa chọn phù hợp với tình huống cho trước.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu quy trình lựa chọn trang phục phù hợp với tình huống cho trước.  + GV nêu yêu cầu của bài thực hành: chọn bộ trang phục phù hợp với tình huống do GV cho trước, vẽ mình hoạ bộ trang phục đã chọn vào giấy.  + GV nêu yêu cầu của bộ trang phục:   * Phù hợp với xu hướng thời trang, * Phù hợp với vóc dáng, * Phù hợp với lứa tuổi * Phù hợp với môi trường hoạt động; * Có lưu ý lựa chọn chât liệu vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.   + GV yêu câu HS triển khai các bước thực hành.  + GV hướng dẫn HS in sang mẫu rập thân người vào giấy.  + GV hướng dẫn cách vẽ trang phục vào hình mẫu đã in.  + GV yêu cầu HS nộp báo cáo khi hết thời gian thực hành.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV đưa ra tiêu chí đánh giá quy trình:    + Đưa ra tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:   * Đánh giá mức độ hoàn thành của bài thực hành * Đánh giá bộ trang phục theo tiêu chí: phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, môi trường hoạt động, màu sắc, hoa văn hài hòa, đẹp mắt.   + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **III. Lựa chọn trang phục phù hợp theo thời trang**  **2. Các bước lựa chọn trang phục theo thời trang**  Quy trình thực hành lựa chọn trang phục như sau:  - Bước 1. Xác định đặc điểm vóc dáng;  - Bước 2. Xác định phong cách thời trang;  - Bước 3. Chọn loại trang phục;  - Bước 4. Chọn kiểu may;  - Bước 5. Chọn màu sắc, hoa văn,  - Bước 6. Chọn chất liệu vải;  - Bước 7. Chọn vật dụng đi kèm,  - Bước 8. Vẽ minh hoạ bộ trang phục đã chọn vào giấy A4. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS vận dụng kiến thức về thời trang vào tình huống thực tế, giúp HS nhận ra phong cách thời trang của bản thân.

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

***1.*** *Theo em, bộ trang phục ở hình bên thể hiện phong cách nào: cổ điển, học đường hay đơn giản?*

***2.*** *Em sẽ chọn phong cách thời trang như thế nào để phù hợp với bản thân?*



- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

***1.*** *Theo em, bộ trang phục ở hình bên thể hiện phong cách đơn giản.*

*2. Em sẽ lựa chọn phong cách thời trang đơn giản, lịch sự, phù hợp với vóc dáng và tuổi học sinh.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn , xác định phong cách thời trang của bản thân.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

***Hãy mô tả kiểu thời trang mà em thích mặc trong dịp sinh nhật của mình.***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# DỰ ÁN 3: EM LÀM NHÀ THIẾT KẾ THỜI TRANG (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng kiên thức, kĩ năng về trang phục và thời trang đề hình thành ý tưởng thiết kế một bộ trang phục theo chủ đề cho trước;

- Vẽ phác thảo bộ trang phục đã thiết kế;

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc

thiết kê và vẽ phác thảo bộ trang phục.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các yêu cầu khi thiết kế bộ trang phục, nhận biết các bước thiết kế thời trang thông qua việc thiết kế một bộ trang phục theo tình huống cho trước;

- Giao tiếp công nghệ: biêu diễn ý tưởng thiết kế bộ trang phục bằng phác hoạ đơn giản;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá bộ trang phục đối sánh với những yêu cầu lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và xu hướng thời trang,

- Thiết kế công nghệ: thiết kế được bộ trang phục thể hiện các yếu tố: phù hợp với lứa tuổi, môi trường, xu hướng thời trang.

**b) Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng cho việc thiết kế bộ trang phục, thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm:

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống đã cho để đề xuất trang phục phù hợp thời trang; lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch, và thực hiện kế hoạch.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có y thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trang phục và thời trang đề thực hiện đự án,

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành đự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trang phục và thời trang trong việc xây dựng ý tưởng thiệt kế và vẽ phác thảo bộ trang phục theo tính huống cho trước;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp,

- Một số bản vẽ thiết kế thời trang;

- Mẫu rập thân người thiếu niên nam và nữ (để hỗ trợ HS vẽ phác thảo bộ trang phục

đã thiết kế).

**2. Đối với học sinh:**

-Đọc trước bài học trong SHS

­- Phương tiện: TV, máy tính có kết nói internet, tạp chí thời trang;

- Các vật liệu để thực hiện mẫu thiết kế: giấy, màu chỉ hoặc màu nước.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích tìm hiểu dự án

**b. Nội dung:** GV đặt vấn đề về dự án

**c. Sản phẩm học tập:** giới thiệu tên dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt vấn đề:* Dự án Em làm nhà thiết kế thời trang thuộc loại dự án kiến tạo. Các em phải nghiên cứu xu hướng thời trang trên sách báo, các phương tiện thông tin, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về chủ đề Trang phục và thời trang kết hợp với kiến thức, kĩ năng của môn Mĩ thuật để sáng tạo bộ trang phục đưới sự hướng dẫn của GV. Để hoàn thành dự án 3, chúng ta cùng đến với **Dự án 3: Em làm nhà thiết kế thời trang.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: giới thiệu dự án**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện đề hoàn

thành dự án.

**b. Nội dung:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.

**c. Sản phẩm học tập:** mục tiêu, nhiệm vụ dự án

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chia lớp thành 6 nhóm và thực hiện dự án  - GV giới thiệu về nghề thiết kế thời trang: tên ngành đào tạo tại các cơ sở đào tạo, trình độ đào tạo. GV giới thiệu một số nhà thiết kế thời trang của Việt Nam.  - GV giải thích công việc của nhà thiết kế thời trang trong thực tế.  - GV nêu chủ đề của dự án, mục tiêu của dự án.  - GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả đự án.  - GV tiêu các nhiệm vụ (yêu câu) cần thực hiện để hoàn thành dự án.  - GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **1. Giới thiệu dự án**  - Chủ đề: Em làm nhà thiết kế thời trang  - Mục tiêu: Xây dụng được ý tưởng thiết kế bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở (gồm đồng phục cho nam và cho nữ).  - Nhiệm vụ  + Nghiên cứu các xu hướng thời trang đồng phục học sinh,  + Xây dụng ý tưởng thiết kế bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở;  + Vẽ minh hoạ bộ trang phục đã xây đựng ý tưởng thiết kẻ lên giây. |

**Hoạt động 2: xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch dự án

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho thành viên

**c. Sản phẩm học tập:** kế hoạch chỉ tiết thực hiện các nhiệm vụ của đự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện dự án:   * Liệt kê các công việc cần làm: nghiên cứu xác định xu hướng đồng phục của HS trung học cơ sở, thảo luận đề thông nhất bộ kiểu dáng, màu sắc trang phục mà nhóm lựa chọn, vẽ phác thảo bộ trang phục trên giây, soạn bài thuyết minh ý tưởng thiết kế bộ đồng phục; * Lập kế hoạch thời gian, các mốc thời gian cho từng công việc; * Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm, * Liệt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết: giấy, màu vẽ, rập thân người.   + GV kiêm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **2. Xây dựng kế hoạch**  - Liệt kê các công việc cần làm  - Lập kế hoạch thời gian, các mốc thời gian cho từng công việc  - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm,  - Liệt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết: giấy, màu vẽ, rập thân người. |

**Hoạt động 3: Thực hiện dự án**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án.

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện để thiết kế hoàn chỉnh bộ đông phục cho

học sinh trung học cơ sở.

**c. Sản phẩm học tập:** hình vẽ 2 bộ đồng phục nam và nữ trên giấy

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cung cấp các thông tin cần thiết, mẫu rập thân người để hỗ trợ HS thực hiện  dự án.  + GV hướng dẫn HS kiểm tra vật liệu, dụng cụ cần thiết để thực hiện dự án.  + GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các  thành viên trong nhóm.  + GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi gợi ý trong SHS để hình thành ý tưởng về  bộ trang phục của nhóm. Bộ đồng phục học sinh trung học cơ sở phải đảm bảo các yếu tố cơ bản sau:   * Kiểu dáng phù hợp với xu hướng thời trang về đồng phục học sinh; * Kiểu may thoải mái, tiện dụng; * Màu sắc và hoa văn (nêu có) phù hợp cho các hoạt động học tập tại trường; * Loại vải thâm hút mò hôi, dễ giặt, mau khô,...; * Các vật dụng đi kèm (mũ, giày, tật,...) đồng bộ với quân áo.   + GV hướng dẫn HS in mẫu rập thân người vào giấy và vẽ quản áo lên mẫu vẽ thân  người đề thể hiện bộ đồng phục mà nhóm đã thiết kê;  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **3. Thực hiện dự án**  - Quy trình thực hiện dự án gồm các bước chính:  + Nghiên cứu xu hướng thời trang,  + Lựa chọn bộ trang phục với các yếu tô: kiểu đáng, màu sắc, hoa văn, vật dụng đi kèm....  + Vẽ phác thảo bộ trang phục lên giấy. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (BÁO CÁO DỰ ÁN)**

**a. Mục tiêu:** đánh giá và hướng đẫn HS tự đánh giá kết quả học tập.

**b. Nội dung:** bộ đồng phục cho HS trung học cơ sở đã được thiết kế.

**c. Sản phẩm học tập:** bản vẽ phác thảo và nội dung thuyết trình giới thiệu bộ trang phục của mỗi nhóm HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

+ GV tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện đự án của nhóm gồm các mục:

* Ý tưởng thiết kế theo xu hướng thời trang;
* Ý tưởng chọn kiểu đáng bộ trang phục;
* Ý tưởng chọn màu sắc và hoa văn bộ trang phục;
* Ý tưởng chọn vật dụng đi kèm (nêu có);
* Tự đánh giá quả trình và kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm.

- HS báo cáo dự án.

+GV nhận xét, đánh giá quả trình thực hiện dự án và sản phâm của mỗi nhóm theo tiêu chí đã đề ra ban đâu.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế thời trang yêu thích.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV Nhận xét chung quả trình học tập của cả lớp,

- Đánh giá chung kết quả đạt được.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# ÔN TẬP CHƯƠNG 3 VÀ KIẾM TRA (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đã học vẻ trang phục và thời trang: các loại vải may mặc thông dụng, cách lựa chọn trang phục, cách sử dụng và bảo quản trang phục;

- Vận dụng những kiến thức của Chương 3 để giải quyết các câu hỏi, bài tập đặt ra

xung quanh chủ đê vê trang phục và thời trang.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp để tìm hiểu thêm về bảo quản và sử dụng trang phục, thời trang.

- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề, để xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách lình hoạt những kiến thức, kĩ năng về trang phục và thời trang để giải quyết những vân đề trong tình huông mới,

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có y thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về

trang phục và thời trang vào đời sống hằng ngày;

- Thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của chương 3

- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và ôn tập, bài tập

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** HS xem video dẫn nhập về thời trang và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu video về trang phục và thời trang và khái quát lại kiến thức*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và nêu lên suy nghĩ của bản thân về cách lựa chọn và sử dụng trang phục và thời trang.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** hệ thống hóa kiến thức chương 3

**b. Nội dung:**

Mối liên kết giữa các kiến thức của Chương 3:

+ Các loại vải thường dùng trong may mặc

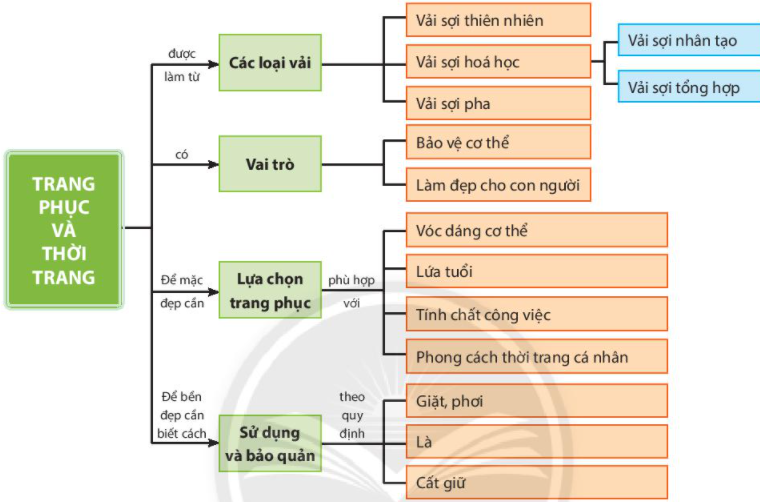
+ Trang phục

+ Thời trang

**c. Sản phẩm học tập:** sơ đồ hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương 3

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức khái quát về trang phục và thời trang , hướng dẫn HS vẽ sơ đồ mối liên hệ kiến thức của chương 3.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | Sơ đồ hóa. |



**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi:*

1. Những loại vải nào thường dùng trong may mặc?

2. Vì sao người ta thích mặc quần áo bằng vải bông, vải tơ tâm và ít sử dụng vải sợi tổng hợp vào mùa hè?

3. Trang phục có vai trò gì đối với con người?

4. Kiểu dáng, màu sắc, hoa văn của trang phục có ảnh hưởng như thế nào đến vóc đáng của người mặc?

5. Em nên mặc trang phục như thế nào để tham gia lao động tại trường?

6. Hãy trình bày quy trình giặt, phơi quần áo.

7. Cần chuẩn bị những gì cho việc là quần áo?

8. Thời trang và phong cách thời trang là gì?

9. Có những phong cách thời trang cơ bản nào?

10. Hãy mô tả phong cách thời trang mà em yêu thích.

11. Mô tả bộ trang phục đi chơi vào mùa hè phủ hợp với điều kiện tài chính của gia đình và phongcách thời trang mà em thích.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và ôn tập kiểm tra.*

*- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# CHƯƠNG 4: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH

# BÀI 9: SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (5 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình,

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện,

- Vẽ được sơ đồ khối và nêu được nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện;

- Sử dụng được một sô đô dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm

điện năng;

- Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với điều kiện của gia đình.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được câu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình;

- Giao tiếp công nghệ: sử dụng được một số thuật ngữ về đồ dùng điện;

- Sử đụng công nghệ: sử dụng được các đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện; vẽ được sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của một sô đồ dùng điện.

**b) Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vân đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vẫn đề trong tình huống mới;

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập và việc vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về các đồ dùng điện vào đời sống hằng ngày,

- Có trách nhiệm khi sử dụng đồ dùng điện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Tìm hiểu mục tiêu bài học;

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Tranh ảnh, mô hình hoặc mẫu vật thật về các đồ dùng điện được giới thiệu trong bài;

+ Dụng cụ cần thiết đề tổ chức cho HS thực hành.

**2. Đối với học sinh:**

-Đọc trước bài học trong SHS

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS vẻ các loại đồ dùng điện trong gia đình.

**b. Nội dung:** cấu tạo và hoạt động của một số đỏ dùng điện thông dụng trong gia đình.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu câu tạo và hoạt động của một số đồ dùng điện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*+ GV yêu cầu một số HS kể các đồ dùng điện đang được sử dụng trong gia đình.*

*+ GV minh hoạ hình ảnh các đồ dùng điện phổ biến trong gia đình như bàn là, đèn LED, máy xay thực phẩm, quạt, nồi cơm điện,… và đặt câu hỏi về cấu tạo của chúng.*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và nếu ý kiến cá nhân. GV nhận xét*

*- GV đặt vấn đề:* Như các em đã biết, đồ dùng điện trong gia đình rất đa dạng và phổ biến. Để biết được cấu tạo cũng như nguyên lí hoạt động của các đồ dùng điện, chúng ta cùng đến với **bài 9: Sử dụng đồ dùng điện trong gia đình.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Cấu tạo và thông số kĩ thuật của bàn là (bàn ủi)**

**a. Mục tiêu:** mô tả cấu tạo chung của bàn là, giới thiệu một số loại bàn là thông dụng.

**b. Nội dung:** tên gọi và chức năng các bộ phận chính của bàn là.

**c. Sản phẩm học tập:** tên gọi, vị tri và chức năng các bộ phận chính của bàn là.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV trình bày hình ảnh, mô hình hoặc mẫu vật các bộ phận chính của bàn là.  + GV yêu cầu HS quan sát Hình 9.1 trong SHS, ghép tên và chức năng vào các bộ phận chính của bàn là cho phù hợp.    + GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin ở Bảng 9.1 trong SHS.  + GV giới thiệu cho HS về thông số kĩ thuật của một số loại bàn là thông dụng: bàn là du lịch, bàn là khô.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV giải thích cho HS chức năng từng bộ phận chính của bàn là.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **1. Bàn là (bàn ủi)**  **a. Cấu tạo và thông số kĩ thuật**  - Cấu tạo:  + Vỏ bàn là (2): bảo vệ các bộ phận bên trong của bàn là  + Dây đốt nóng (3): tạo sức nóng dưới tác dụng của dòng điện  + Bộ điều chỉnh nhiệt độ (1): đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với từng loại vải.  - Thông số kĩ thuật: |

**Hoạt động 2: Nguyên lí làm việc của bàn là**

**a. Mục tiêu:** mô tả nguyên lí làm việc của bàn là

**b. Nội dung:** sơ đồ khôi mô tả nguyên lí làm việc của bàn là.

**c. Sản phẩm học tập:** nguyên lí làm việc của bàn là.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV trình bày sơ đồ khối và giải thích cho HS nguyên lí làm việc của bàn là.  + GV giải thích nguyên nhân bàn là luôn giữ được độ nóng theo nhiệt độ đã đặt trước.  + GV yêu câu HS vẽ lại sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của bàn là.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **1. Bàn là (bàn ủi)**  **b. Nguyên lí làm việc**    - Khi cấp điện cho bàn là và xoay bộ điều chỉnh nhiệt độ đến vị trí thích hợp với loại vải cần là, lúc này dòng điện truyền qua dây đốt nóng làm bàn là nóng lên. Bàn là sẽ tự động ngắt và đóng dòng điện truyền qua dây đốt nóng để giữ nhiệt độ luôn ổn định ở giá trị nhiệt độ đã đặt trước. |

**Hoạt động 3: Sử dụng bàn là**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn sử dụng bàn là đúng cách an toàn, hiệu quả.

**b. Nội dung:** ý nghĩa của các kí hiệu trên bộ điều chỉnh nhiệt độ và quy trình sử dụng bàn là.

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình sử dụng bàn là

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS quan sát hình minh hoạ bộ phận điều chỉnh nhiệt độ, yêu cầu HS nhắc lại các kí hiệu là trên trang phục đã học ở Bài 7.  + GV nhắc lại các thuật ngữ thể hiện tên trên thị trường của các loại vải sợi khác nhau.  + GV dẫn dắt và gợi mở đề HS nhận biết ý nghĩa các kí hiệu mức nhiệt trên bộ điều chỉnh nhiệt độ của bàn là.  + GV cho HS quan sát hình ảnh trên bộ điều chỉnh nhiệt độ của các loại bàn là  khác.  + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình là đã được học ở Bài 7.  + GV dẫn dắt HS nêu từng bước sử dụng bàn là để là các loại quần áo theo quy trình  ở Bảng 9.2 trong SHS.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV giải thích rõ cho HS thứ tự là các loại quần áo: là quần áo may bằng các loại vải phù hợp với mức nhiệt thấp trước (đề lại một vài chiếc) rồi mới là quần áo may bằng các loại vải phù hợp với mức nhiệt cao sau. Sau khi ngắt điện, vẫn có thể sử dụng bàn là để là thêm vài chiếc quần áo may bằng các loại vải phù hợp ở mức nhiệt thấp còn lại.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **1. Bàn là (bàn ủi)**  **c. Sử dụng bàn là**    - Kí hiệu trên bộ điều chỉnh:  + Kí hiệu NYLON: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với nhóm quần áo may bằng vải nylon.  + Kí hiệu SILK: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phù hợp nhiệt độ của bàn là với nhóm quần áo may bằng vải lụa, tơ tằm.  + Kí hiệu WOOL: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với nhóm quần áo may bằng  vải len.  + Kí hiệu COTTON: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với nhớm quần áo may bằng vải bông (vải cotton).  + Kí hiệu LINEN: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với nhóm quần áo may bằng vải lanh (vải linen).  + Kí hiệu MAX: vị trí đặt nhiệt độ bàn là ở mức cao nhất.  + Kí hiệu MIN: vị trí đặt nhiệt độ bàn là ở mức thấp nhất  *- Quy trình sử dụng bàn là gồm 5 bước*:  + Bước 1: Phân loại quân áo;  + Bước 2: Kiểm tra độ an toàn của bàn là;  + Bước 3: Cấp điện cho bàn là;  + Bước 4: Điều chỉnh nhiệt độ thích hợp và lần lượt là các loại quần áo;  + Bước 5: Tắt bàn là, rút phích cắm và dựng bàn là đến khi nguội hẳn.  (Bảng 9.2/ SGK) |

**Hoạt động 4: Cấu tạo và thông số kĩ thuật đèn LED**

**a. Mục tiêu:** mô tả câu tạo chung của đèn LED, giới thiệu một số loại đèn LED thông dụng.

**b. Nội dung:** tên gọi và chức năng các bộ phận chính của đèn LED.

**c. Sản phẩm học tập:** tên gọi, vị tri và chức năng các bộ phận chính của đẻn LED.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV trình bày hình ảnh, mô hình hoặc mẫu vật các bộ phận chính của đèn LED.  + GV yêu cầu HS ghép tên và chức năng các bộ phận chính của đèn LED tương ứng với mỗi con số ở Hình 9.4 trong SHS cho phù hợp.    + GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin ở Bảng 9.3 trong SHS.  + GV giới thiệu thông số kĩ thuật của một số loại đèn LED thông dụng: đèn LED ốp trần nổi, đèn LED âm tràn, đèn LED búp, đèn LED tuýp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV giải thích cho HS hiểu chức năng từng bộ phận chính của đèn LED.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **2. Đèn LED**  **a. Cấu tạo và thông số kĩ thuật**  - Cấu tạo:  + Vỏ đèn: bảo vệ bảng mạch LED, bộ nguồn và cách điện, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.  + Bộ nguồn: biến đổi điện áp cho phù hợp với điện áp sử dụng của đèn LED  + Bảng mạch LED: phát ra ánh sáng khi cấp điện.  b. Thông số kĩ thuật |

**Hoạt động 5: Nguyên lí làm việc của đèn LED**

**a. Mục tiêu:** mô tả nguyên lí làm việc của đèn LED

**b. Nội dung:** sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của đèn LED

**c. Sản phẩm học tập:** nguyên lí làm việc của đèn LED

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu hìnhânh minh hoạ cho sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của đèn LED.  + GV hướng dẫn HS dựa vào sơ đồ có thể trình bày bằng lời nguyên lí làm việc của đèn LED  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **2. Đèn LED**  **b. Nguyên lí làm việc**  - Khi cấp điện cho đèn LED, bộ nguồn trong đèn sẽ biến đổi dòng điện và truyền đến bảng mạch LED, làm đèn phát sáng. |

**Hoạt động 6: Lưu ý khi sử dụng đèn LED**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS sử dụng đèn LED đúng cách, đâm bảo an toàn, hiệu quả.

**b. Nội dung:** các điểm cần lưu ý khi sử đụng đèn LED.

**c. Sản phẩm học tập:** các điểm cần lưu ý khi sử dụng đèn LED.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV yêu cầu HS nêu cách sử dựng các loại đèn điện thông thường (đèn huỳnh quang, đèn sợi đốt,...).  + GV khuyến khích HS nêu cách sử dụng đèn LED ở gia đình mình.  + GV trình bày và giải thích các điểm cân lưu ý khi sử đụng đèn LED.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **2. Đèn LED**  **c. Lưu ý khi sử dụng đèn LED**  - Không lắp đặt đèn LED ở những nơi có nhiệt độ cao, ẩm ướt hoặc nơi gần với những chất dễ gây cháy nổ.  - Khi vệ sinh đèn phải dùng vải khô, sạch để lau. |

**Hoạt động 7: Cấu tạo và thông số kĩ thuật của máy xay thực phẩm**

**a. Mục tiêu:** mô tả cấu tạo chung của máy xay thực phẩm và thông số kĩ thuật một số loại máy xay thực phẩm phổ biến.

**b. Nội dung:** tên gọi và chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:** tên gọi, vị trí và chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV trình bày hình ảnh, mô hình hoặc mẫu vật các bộ phận chính của máy xay  thực phẩm.  + GV yêu cầu HS ghép tên và chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm  ứng với mỗi con số ở Hinh 9.6 trong SHS cho phù hợp.    + GV yêu câu HS quan sát hình ảnh và đọc thông tin ở Bảng 9.4 trong SHS.  + GV giới thiệu thông số kĩ thuật của loại máy xay thực phẩm thông dụng khác: máy xay 2 cối  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV giải thích chức năng từng bộ phận chính của máy xay thực phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **3. Máy xay thực phẩm**  **a. Cấu tạo và thông số kĩ thuật**  - Cấu tạo:  + Thân máy: bao gồm một động cơ điện đặt bên trong. Động cơ sẽ hoạt động khi có dòng điện truyền qua đề làm quay lưỡi dao trong cối.  + Cối xay: gồm cối xay lớn, cối xay nhỏ. Trong cối xay có lưỡi đao được nối với trục động cơ trong thân máy đề cắt nhỏ thực phẩm khi động cơ hoạt động.  + Bộ phận điều khiển: gồm các mút (phím) đề tắt, mở máy và thay đôi tốc độ quay của lưỡi đao.  - Thông số kĩ thuật: |

**Hoạt động 8: Nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm**

**a. Mục tiêu:** mô tả nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm.

**b. Nội dung:** sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:** nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu các bước hoạt động của máy xay thực phẩm.  + GV yêu cầu các nhóm HS sắp xếp các phiếu ghi các bước làm việc của máy xay theo thứ tự hợp lí.    + GV yêu cầu các nhóm HS trình bày lại bằng lời nguyên lí làm việc của máy xay  thực phẩm theo sơ đồ vừa lập được.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả   * Vị trí số 1 – Phiếu 4 * Vị trí số 2 – Phiếu 3 * Vị trí số 3 – Phiếu 2   + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **3. Máy xay thực phẩm**  **b. Nguyên lí làm việc**  - Khi cấp điện cho máy xay thực phẩm và lựa chọn tốc độ xay phù hợp, động cơ sẽ hoạt động làm quay lưỡi dao trong cối xay đề cắt nhỏ thực phẩm. |

**Hoạt động 9: Sử dụng máy xay thực phẩm**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS sử dụng máy xay thực phẩm đúng cách, an toàn và hiệu quả.

**b. Nội dung:** quy trình sử dụng máy xay thực phẩm.

**c. Sản phẩm học tập:** quy trình sử đụng máy xay thực phẩm.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV cho HS quan sát hình ảnh minh hoạ từng bước sử đụng máy xay thực phẩm và  yêu cảu HS mô tả từng bước trong quy trình sử dụng máy xay thực phẩm theo các hình minh hoa.  + GV lặp lại cách thực hiện từng bước trong quy trình và yêu cầu cần đạt ở mỗi bước.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV lưu ý HS: Tuy theo tính chất của thực phẩm cần xay và tuỳ theo yêu cầu của  món ăn để sơ chế thực phẩm trước khi xay và chọn chế độ xay phù hợp.  + GV lưu ý Hs sau khi xay xong phải tắt máy trước khi lấy thực phẩm ra đề đảm bảo an toàn cho người sử dụng.  + GV nhắc nhở HS sau khi sử dụng xong phải vệ sinh máy để đảm bảo độ bền của máy.  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **I. Một số đồ dùng điện trong gia đình**  **3. Máy xay thực phẩm**  **c. Sử dụng máy xay thực phẩm**  - Quy trình sử dụng máy xay thực phẩm gồm 7 bước:  + Bước 1: Sơ chế thực phẩm;  + Bước 2: Cắt nhỏ thực phẩm;  + Bước 3: Lắp cối xay vào thân máy;  + Bước 4: Cho thực phẩm cần xay vào cối  + Bước 5: Cắm điện và chọn chế độ xay phù hợp,  + Bước 6: Tắt máy, rút phích cắm và lây thực phẩm ra khỏi cối xay;  + Bước 7: Vệ sinh cối Xay.  (Bảng 9.5/ SGK) |

**Hoạt động 10: Lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS cách lựa chọn thiết bị, đồ dùng điện tiết kiệm điện năng.

**b. Nội dung:** cách đánh giá công suật tiêu thụ của đồ dùng điện.

**c. Sản phẩm học tập:** cách lựa chọn thiết bị, đồ dùng điện thông qua công suật tiêu thụ điện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giải thích về công suất tiêu thụ của đồ dùng, thiết bị điện.  + GV giới thiệu hình ảnh minh hoạ để so sánh các thiết bị, đồ đùng điện có cùng  chức năng nhưng công suât tiêu thụ khác nhau.  + GV hướng dẫn HS cách xác định thiết bị, đồ dùng điện tiết kiệm điện năng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **II. Lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện**  - Cần lựa chọn đồ dùng, thiết bị điện có công suất và tính năng phù hợp với mục đích sử dụng của gia đình.  + Lựa chọn đồ dùng điện có công suất định mức và tính năng phù hợp với nhu cầu sử dụng:  + Lựa chọn đồ dùng điện có tính năng tiết kiệm điện,  + Lựa chọn đồ đùng điện có số ngôi sao trong nhãn năng lượng nhiều hơn.  - Đồ dùng nào có công suất định mức càng nhỏ thì đồ dùng đó tiêu thụ điện năng càng ít. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức về cấu tạo, nguyên lí làm việc, cách lựa chọn đồ dùng điện.

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

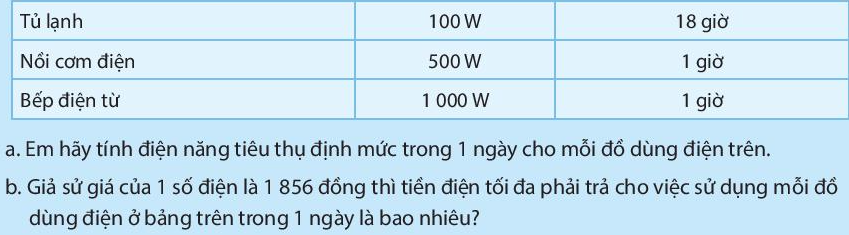
**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

***1.*** *Em hãy vẽ sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của bàn là, đèn LED và máy xay thực phẩm.*

***2.***





- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng kiến thức đã học và thực tế khi sử dụng đồ dùng điện.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

*1. Hãy kể tên những đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng*

*2. Một số cửa hàng có bán các loại đèn sau:*

*Gỉa sử các loại đèn này phát ra ánh sáng với cường độ như nhau,để tiết kiệm điện em sẽ chọn chiếc đèn nào để làm đèn học ở nhà?*



***3.*** *Giả sử giá của 1 số điện là 1 856 đồng và công suất định mức của một máy điều hoà nhiệt độ là 750W. Nếu mỗi ngày sử dụng máy này liên tục 6 giờ thì tiền điện trong 1 tháng (30 ngày) của gia đình em là bao nhiêu? Nếu giảm thời gian sử dụng máy xuống còn 4 giờ mỗi ngày thì trong 1 tháng, gia đình em sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền điện?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# BÀI 10: AN TOÀN ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Kể được một số nguyên nhân gây tai nạn điện;

- Trỉnh bày được một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được các nguyên nhân gây tai nạn điện và những biện pháp an toàn khi sử dụng điện,

- Sử dụng công nghệ: sử dụng được các biện pháp an toàn điện vào các tình huống ở gia đình,

- Đánh giá công nghệ: đánh giá được mức độ an toàn của các đồ dùng, thiết bị điện.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về an toàn điện đề giải quyết những vấn đề trong tình huống mới;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vẫn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Nhân ái: có ý thức quan tâm đến an toàn của các thành viên trong gia đình;

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập và việc vận đụng kiến thức, kĩ năng đã học về an toàn điện vào đời sống hằng ngày,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Tìm hiểu mục tiêu bài học;

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Tranh ảnh hoặc video clip ngăn vẻ các tình huống gặp tai nạn điện;

+ Tranh ảnh về các biện pháp an toàn điện.

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SHS

- Tìm hiểu nhiệm vụ học tập và những yêu cầu chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn của GV.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS về các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đình.

**b. Nội dung:** hậu quả khi sử dụng điện không an toàn: điện giật, hoả hoạn.

**c. Sản phẩm học tập:** nhu cầu tìm hiểu các biện pháp sử đụng điện an toàn trong gia đình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*+ GV cho HS quan sát video clip về tai nạn điện. GV đặt câu hỏi về cách phòng tránh điện giật và hoả hoạn do điện gây ra.*

*- HS xem video và nêu ý kiến cá nhân.*

*- GV đặt vấn đề:* Như các em đã biết, sử dụng điện đã xảy ra rất nhiều tai nạn đáng tiếc do nhiều nguyên nhân khác nhau. Vậy sử dụng điện thế nào cho an toàn và hiệu quả, chúng ta cùng đến với **bài 10: An toàn điện trong gia đình.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Nguyên nhân gây ra tai nạn điện**

**a. Mục tiêu:** giúp HS nhận biết nguyên nhân gây tai nạn điện.

**b. Nội dung:** các trường hợp xảy ra tai nạn điện.

**c. Sản phẩm học tập:** nguyên nhân gây ra tai nạn điện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV minh hoạ hình ảnh về các trường hợp xảy ra tai nạn điện ở Hình 10.1 trong SHS, yêu cầu HS ghép các chú thích với hình ảnh cho phù hợp.    + GV gợi mở, giúp HS phân tích và giải thích từng trường hợp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV yêu cầu HS nhắc lại các thông tin từ hình ảnh minh hoạ để đúc kết thành kiến thức bài học.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **1. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện**  - Tai nạn điện giật xảy ra khi có dòng điện truyền qua cơ thể chúng ta.  - Nguyên nhân có thể là:  + Tiếp xúc trực tiếp với nguồn điện hoặc vật bị nhiễm điện,  + Vi phạm khoảng cách an toàn đối với lưới điện cao thế hoặc trạm biến áp;  + Đến gần khu vực dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống vùng đặt ẩm ướt hoặc khu vực dây dẫn điện cao thế bị đứt, rơi xuống. |

**Hoạt động 2: Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện**

**a. Mục tiêu:** giưới thiệu các biện pháp an toàn khi sử dụng điện

**b. Nội dung:**

+ Cách phòng tránh tai nạn điện khi sử dụng đồ điện trong gia đình

+ Một số biện pháp xử lí đồ dùng điện kém an toàn trong gia đình,

+ Một số biện pháp phòng tránh tai nạn điện khi hoạt động hay vui chơi ngoài trời.

**c. Sản phẩm học tập:** các biện pháp an toàn khi sử đụng điện.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV giới thiệu hình ảnh mình hoạ về các biện pháp an toàn khi sử dụng điện ở Hình  10.2 trong SHS, yêu cầu HS ghép các chú thích với hình ảnh cho phù hợp.  + GV gợi mở, giúp HS phân tích hình ảnh và giải thích từng trường hợp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  + GV yêu cầu HS nhắc lại các thông tin từ hình ảnh minh hoạ để đúc kết thành kiến thức bài học  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **2. Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện**  - Một số biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng điện:  + Lắp đặt ổ lấy điện ngoài tầm với của trẻ em hoặc che chắn ô lấy điện khi chưa sử dụng  + Thường xuyên kiểm tra dây điện, đồ dùng điện trong gia đình để phát hiện hư hỏng cách điện, rò điện và khắc phục;  + Sử dụng đồ dùng điện theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất;  + Không đến gần nơi có biển báo nguy hiểm về tai nạn điện;  + Tránh xa khu vực dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** giúp HS củng cố và khắc sâu kiến thức về an toàn điện

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi SGK:

*1. Tai nạn điện xảy ra với con người do những nguyên nhân nào?*

*2. Em hãy mô tả những biện pháp an toàn khi sử dụng điện.*

*3. Kể tên những trường hợp mất an toàn về điện mà em biết.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

*1. Tai nạn điện thường xảy ra với con người do nguyên nhân sau:*

+ Tiếp xúc trực tiếp với nguồn điện hoặc vật bị nhiễm điện,

+ Vi phạm khoảng cách an toàn đổi với lưới điện cao thế hoặc trạm biến áp;

+ Đến gần khu vực dây dẫn điện bị đứt

2. *Những biện pháp an toàn khi sử dụng điện:*

+ Lắp đặt ổ lấy điện ngoài tầm với của trẻ em hoặc che chắn ô lấy điện khi chưa sử dụng

+ Thường xuyên kiểm tra dây điện, đồ dùng điện trong gia đình để phát hiện hư hỏng cách điện, rò điện và khắc phục;

+ Sử dụng đồ dùng điện theo đúng hướng dẫn của nhà sản xuất;

*3. Các trường hợp mất an toàn điện:*

+ Đến gần vị trí dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.

+ Thả điều ở nơi có đường dây điện đi qua.

+ Chạm tay trực tiếp vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở cách điện.

+ Dùng vật liệu kim loại chạm vào nguồn điện.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** giúp HS vận dụn kiến thức, kĩ năng an toàn điện vào thực tiễn

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK:

*Khi phát hiện dây dẫn cấp nguồn của các đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng như: đèn bàn học, quạt bàn, dây sạc điện thoại,... bị hư hỏng lớp vỏ cách điện, em nên xử lí như thế nào để đảm bảo an toàn điện?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# DỰ ÁN 4: TIẾT KIỆM TRONG SỬ DỤNG ĐIỆN (1 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về đồ dùng điện và lựa chọn đồ dùng tiệt kiệm điện đề đánh giá các loại đồ dùng điện tiết kiệm điện năng,

- Đề xuất được phương án sử dụng đồ dùng tiết kiệm điện;

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực hợp tác nhóm trong

việc cùng xây dựng phương án sử dụng đồ dùng tiết kiệm điện năng;

- Hình thành ý thức tiết kiệm điện trong sử dụng đồ dùng điện tại gia đình.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các yêu cầu khi đề xuất đồ dùng điện đáp ứng yêu

cầu tiết kiệm điện năng,

- Giao tiếp công nghệ: biểu diễn được ý tưởng lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện;

- Sử dụng công nghệ: đọc được các tài liệu thể hiện thông số kĩ thuật của sản phẩm

điện gia dụng;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá công suất tiêu thụ của các đồ dùng điện;

- Thiết kế công nghệ: xây dựng được phương án sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm điện năng.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân đề góp phần hoàn thành dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện năng theo chủ đề dự án,

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng cho việc đề xuất những đồ dùng tiết kiệm điện, thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống đã cho để đề xuất các đồ dùng tiết kiệm điện; lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và thực hiện kế hoạch.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: có ý thức về nhiệm vụ học tập và việc vận dụng kiến thức, kĩ năng về đồ dùng điện đề thực hiện đự án;

- Trách nhiệm: có trách nhiệm với gia đình, có ý thức tiết kiệm chi phí cho việc sử

dụng điện của gia đình,

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tài liệu giảng dạy: SHS và SBT là tài liệu tham khảo chính

- Tìm hiểu mục tiêu bài học;

- Dự kiến phân chia HS trong lớp thành các nhóm

- Địa chỉ trang web thực hiện dự án

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SHS

- Máy tính có kết nối Internet.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** kích thích sự hứng thú chuẩn bị dự án.

**b. Nội dung:** đặt vấn đề của dự án

**c. Sản phẩm học tập:** vấn đề của dự án thực hiện

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt vấn đề:* Dự án Tiết kiệm trong sử dụng điện thuộc loại dự án nghiên cứu. Các em phải nghiên cứu, tham khảo các đồ dùng điện đang có trên thị trường để tìm kiếm những đồ dùng điện tiết kiệm điện năng. Để thực hành được dự án này, chúng ta cùng đến với **dự án 4: Tiết kiệm trong sử dụng điện.**

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: giới thiệu dự án**

**a. Mục tiêu:** giới thiệu dự án, xác định các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án.

**b. Nội dung:** chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án.

**c. Sản phẩm học tập:** mục tiêu, nhiệm vụ dự án.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV chia lớp thành 6 nhóm và thực hiện nhiệm vụ của dự án.  + GV nêu chủ đề, mục tiêu của dự án.  + GV nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án.  + GV nêu các nhiệm vụ cần thực hiện để hoàn thành đự án.  + GV giới thiệu các nguồn tài liệu tham khảo.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận | **1. Giới thiệu dạ án**  - Mục tiêu:  + Đề xuất được các đồ dùng điện thế hệ mới có cùng chức năng nhưng tiêu thụ điện ít hơn để thay thể cho đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng  + Nâng cao ý thức sử dụng điện hợp lí, tiết kiệm và bảo vệ môi trường.  - Nhiệm vụ  + Liệt kê tối thiểu 5 đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng;  + Tìm kiếm và đề xuất đồ dùng điện thế hệ mới có cùng chức năng nhưng tiêu thụ điện ít hơn để thay thế cho các đồ dùng điện trên. |

**Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS lập kế hoạch thực hiện dự án

**b. Nội dung:** các công việc phải thực hiện, mốc thời gian, phân công nhiệm vụ

**c. Sản phẩm học tập:** kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ dự án

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  + GV hướng dẫn các nhóm HS tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện:   * Liệt kê các công việc cần làm: nghiên cứu các loại đồ dùng điện theo yêu cầu của dự án; * Lập kế hoạch thời gian, các mốc thời gian cho từng công việc; * Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm; * Liêt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết.   + GV kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  + GV dưa ra một số câu hỏi gợi ý cho dự án:  *- Các đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng có công suất định suất bao nhiêu?*  *- Có loại đồ đùng điện thế hệ mới nào có chức năng giống hoặc gần giống với mỗi đồ dùng điện mà em đã liệt kê nhưng công suất định mức nhỏ hơn không?*  *- Mức chênh lệch công suất định mức giữa đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thê hệ mới là bao nhiêu W?*  ***Chênh lệch công suất định mức (W) = Công suất định mức của đồ dùng điện đang***  ***sử dụng (W) - Công suất định mức của đồ dùng điện thế hệ mới (W)***  *- Mỗi loại đồ dùng điện được sử dụng trung bình bao nhiêu giờ mỗi tháng?*  *- Giả sử gia đình em đang sử dụng điện với đơn giá l 856 đồng/kWh. Nếu sử dụng đồ dùng điện thế hệ mới thay cho đồ dùng điện đang sử dụng thì gia đình em sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền 1 tháng?*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **2. Xây dựng kế hoạch**  - Kế hoạch thực hiện dự án bao gồm một số mục chính:  + công việc cần làm,  + thời gian thực hiện,  + người thực hiện,  + địa điểm thực hiện. |

**Hoạt động 3: Thực hiện dự án**

**a. Mục tiêu:** hướng dẫn HS thực hiện dự án

**b. Nội dung:** các nhiệm vụ của dự án

**c. Sản phẩm học tập:**

+ Kết quả so sánh mức tiêu thụ điện của đồ dùng điện thế hệ cũ và thế hệ mới

+ Số tiền tiết kiệm được khi sử dụng đồ dùng điện thế hệ mới thay thế cho đồ dùng

điện đang sử dụng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV hướng dẫn các nhóm HS thực hiện theo trình tự để trả lời theo các câu hỏi gợi  ý trong SHS:  + Bước 1: Liệt kê các đồ dùng điện đang sử dụng trong gia đình theo Bảng 1.    + Bước 2: Dựa vào tên đồ dùng điện trong Bảng 1, HS tra cứu trên mạng internet  hoặc số tay hướng dẫn sử dụng đồ dùng điện để tìm kiếm đô dùng điện thế hệ mới có chức năng gần giống với đồ dùng điện đang sử đụng nhưng phải có công suất tiêu thụ nhỏ hơn và điền vào Bảng 2.    Bước 3: Dựa vào số liệu trong Bảng 1 và Bảng 2, HS trả lời các câu hỏi sau:   * Câu 1. Nếu thay thế đồ dùng điện đang sử dụng bằng đồ dùng điện thế hệ mới thì tiết kiệm được bao nhiêu công suật tiêu thụ? * Câu 2. Giả sử giá tiền của một số điện là 1856 đồng. Nếu thay thế đồ dùng điện đang sử dụng (Bảng 1) bằng đô dùng điện thế hệ mới (Bảng 2) thì mỗi tháng (30 ngày) gia đình em sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền điện?   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận | **3. Thực hiện dự án**  - Sử dụng các đồ dùng điện có cùng tính năng với đồ dùng điện đang sử  dụng nhưng có công suất tiêu thụ thấp hơn sẽ giúp gia đình tiết kiệm điện năng, tiết kiệm chi phí. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (BÁO CÁO DỰ ÁN)**

**a. Mục tiêu:** tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả dự án, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá kết quả dự án.

**b. Nội dung:** so sánh mức công suất tiêu thụ giữa đồ dùng điện đang sử dụng và đồ

dùng điện thế hệ mới.

**c. Sản phẩm học tập:** bài báo cáo đề xuất loại đồ dùng điện thế hệ mới và số tiền tiết kiệm được nếu sử dụng các đồ dùng điện này

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho các nhóm HS báo cáo kết quả thực hiện dự án gồm các mục:

+ So sánh mức chênh lệch công suất tiêu thụ giữa đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thế hệ mới (theo mẫu như Bảng 3);

+ Số tiền tiết kiệm được mỗi tháng nếu sử dụng mỗi loại đồ dùng điện thế hệ mới thay cho đồ dùng điện đang sử dụng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** vận dụng và khắc sâu kiến thức việc tiết kiệm điện khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình.

**b. Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập trong phần Vận dụng của SGK: *lập bảng so sánh một loại thiết bị điện trong gia đình em.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

...................................................................................................................................

Ngày soạn: …./…/…

Ngày dạy: …/…/…

# ÔN TẬP CHƯƠNG 4 VÀ KIẾM TRA (2 TIẾT)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức, kĩ năng đã học về cấu tạo, nguyên lí làm

việc của một số đồ dùng điện trong gia đình; các biện pháp sử dụng điện an toàn;

- Vận dụng được kiến thức đã học ở Chương 4 để giải quyết câu hỏi, bài tập đặt ra

xoay quanh chủ đề về sử dụng đồ dùng điện đúng cách, an toàn, hiệu quả.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp để tìm hiểu thêm về an toàn và tiết kiệm khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình.

- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

**b) Năng lực chung**

- Giao tiếp và hợp tác: trình bày được ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Tự chủ và tự học: hình thành thói quen chủ động thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sông; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới;

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: hình thành ý thức về nhiệm vụ học tập và việc vận dụng kiến thức, kĩ năng học được ở nhà trường hoặc từ các nguồn tài liệu tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày;

- Thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên:**

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm của chương 4

- Chuẩn bị hệ thống câu hỏi và ôn tập, bài tập

**2. Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

**b. Nội dung:** HS xem video dẫn nhập về sử dụng đồ dùng điện trong gia đình và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV chiếu video về sử dụng đồ dùng điện trong gia đình và khái quát lại kiến thức*

*- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và nêu lên suy nghĩ của bản thân về việc an toàn và tiết kiệm khi sử dụng đồ dùng điện trong gia đình.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** hệ thống hóa kiến thức chương 4

**b. Nội dung:**

Mối liên kết giữa các kiến thức của Chương 4:

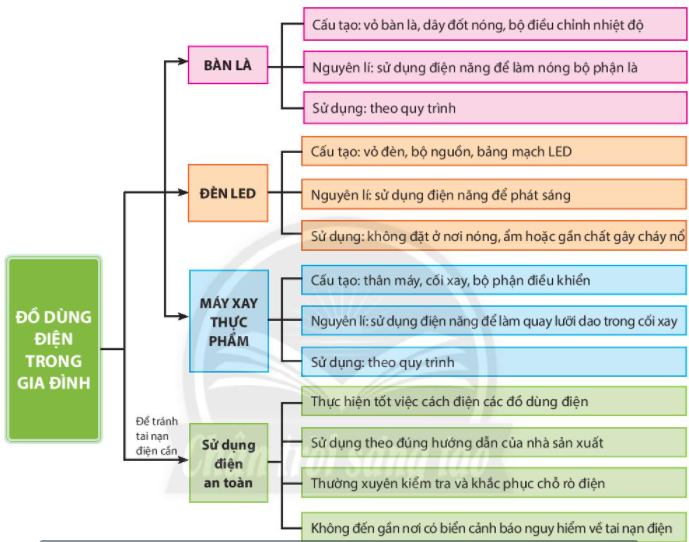
+ Cấu tạo và nguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện trong gia đình

+ Hướng dẫn sử dụng an toàn điện

**c. Sản phẩm học tập:** sơ đồ hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương 4

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức khái quát về an toàn và sử dụng đồ dùng điện trong gia đình , hướng dẫn HS vẽ sơ đồ mối liên hệ kiến thức của chương 4.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.  + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở. | Sơ đồ hóa. |



**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS về nhà, trả lời câu hỏi:*

1. Em hãy kể tên các bộ phận chính của bàn là,

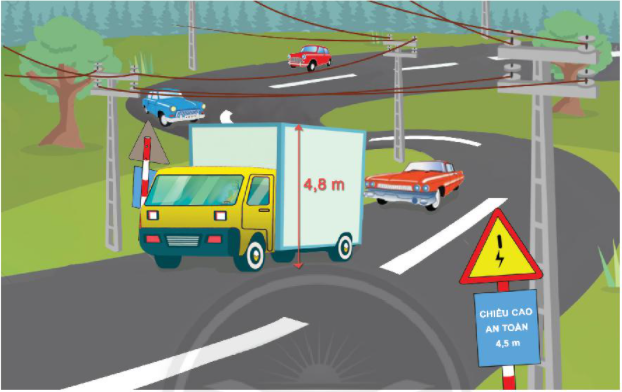
2. Hãy giải thích ý nghĩa các kí hiệu trên bộ điều chỉnh nhiệt độ của bàn là.

3. Đèn LED có cấu tạo gồm những bộ phận chính nào?

4. Quy trình sử dụng máy xay thực phẩm gồm mấy bước? Cho biết tên mỗi bước.

5. Khi lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, ta cần dựa trên những tiêu chí nào?

6. Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây và cho biết tai nạn điện có xảy ra không? Vì sao?



7. Với tủ lạnh có dung tích 301 L, nếu là thế hệ cũ, trên nhãn năng lượng có 3 sao thì điện năng tiêu thụ định mức của tủ lạnh này là 564 kWh/năm. Trong khi đó, với loại tủ lạnh thế hệ mới, trên nhãn năng lượng có 5 sao thì điện năng tiêu thụ định mức là 325 kWh/năm. Nếu chọn mua loại tủ lạnh thế hệ mới thì tiền điện mà gia đình em tiết kiệm được trong mỗi năm là bao nhiêu? Giả sử đơn giá của 1 số điện là 1 856 đồng.

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và ôn tập kiểm tra.*

*- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi Chú** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC** *(Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)*

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/